Phụ lục VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:104. /2026/CV-TNCM	*Cà Mau, ngày 12 tháng 11 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: **- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Cổ đông Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

- Mã chứng khoán: CMV

- Địa chỉ: Số 70 – 72 Đề Thám, Phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau

- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lâm Quốc Khánh

- Điện thoại liên hệ: 0290.3822772

- Fax: 0290.3834358

- E-mail: khanhlq@tncm.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 12/11/2026, Công ty thực hiện công bố thông tin Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng, Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và các Phụ lục đính kèm, cụ thể như sau:

2.1 Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng số 87/2026/CV-TNCM ngày 12 tháng 11 năm 2026;

2.2 Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau;

2.3 Phụ lục đính kèm:

a. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000110221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 01/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 07/08/2025;

b. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản năm 2026 số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/09/2026 (kèm tờ trình số 19/2026/TTr-HĐQT ngày 03/08/2026 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau);

c. Nghị quyết HĐQT số 14/2026/NQ-HĐQT ngày 14/09/2026 thông qua việc triển khai chi tiết phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty;

d. Nghị quyết HĐQT số 15/2026/NQ-HĐQT ngày 15/09/2026 thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty;

e. Điều lệ Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau;

f. Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 và năm 2025 được kiểm toán; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập;

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/11/2026 tại đường dẫn https://www.tncm.com.vn/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

Đại diện tổ chức
Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Lâm Quốc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 87/2026/CV-TNCM	*Cà Mau, ngày 12 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO
CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 663/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/11/2026)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**
2. Tên viết tắt: CAMEX
3. Địa chỉ trụ sở chính: 70 – 72 Đề Thám, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
4. Số điện thoại: 0290.3822772 Fax: 0290.3834358
   Website: www.tncm.com.vn
5. Vốn điều lệ: 181.558.680.000 đồng *(Một trăm tám mươi mốt tỷ năm trăm năm mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)*
6. Mã cổ phiếu: CMV
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau
   Số hiệu tài khoản: 0191000000128
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 2000110221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau *(nay là Sở Tài chính tỉnh Cà Mau)* cấp lần đầu ngày 01/12/2007, cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 07/08/2025.

- Ngành nghề kinh doanh chính:

Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan *Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan*	4671 (chính)
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu*	4659

Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà; Chia tách đất và cải tạo đất*	4299
Bán buôn đồ uống *Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn*	4633
Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531
Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào *Chi tiết: Bán buôn thuốc lá điếu các loại*	4634
Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình *Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng; Bán buôn giá sách, kệ và đồ nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu*	4649
Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da *Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc; Bán lẻ giày, dép; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác*	4771
Bán buôn thực phẩm *Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác*	4632
Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.*	4673
Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa *Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới và thô sơ*	5022
Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép *Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày, dép*	4641
Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống *Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)*	4620
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ *Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ; Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác*	4933
Bán lẻ trò chơi, đồ chơi	4763
Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông	4740
Chuẩn bị mặt bằng	4312
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *Chi tiết: Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê và vận hành nhà ở và đất ở; Cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở; Kinh doanh bất động sản khác*	6810
Trồng lúa	0111
Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa *Chi tiết: Trồng rau, đậu các loại; Trồng hoa hàng năm*	0118
Trồng cây ăn quả	0121
Trồng cây lâu năm khác	0129
Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; khai thác, nuôi trồng thủy hải sản và hoạt động dịch vụ có liên quan; khai thác thủy sản.	0240
Nuôi trồng thủy sản biển *Chi tiết: Nuôi cá, nuôi tôm, nuôi thủy sản khác*	0321
Nuôi trồng thủy sản nội địa *Chi tiết: Nuôi cá, nuôi tôm, nuôi thủy sản khác, sản xuất giống thủy sản nội địa.*	0322

Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản *Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; chế biến và bảo quản thủy sản khô; chế biến và bảo quản nước mắm; chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản*	1020
Chế biến và bảo quản rau quả *Chi tiết: Sản xuất nước ép từ rau quả; chế biến và bảo quản rau quả khác.*	1030

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Xăng dầu, bách hóa.

9. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: Không áp dụng.

II. Mục đích chào bán

Tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn nhằm cơ cấu các khoản nợ của Công ty.

III. Phương án chào bán

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 3.631.173 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 3.631.173 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.

4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng giá trị vốn huy động: 36.311.730.000 đồng, trong đó:

- Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 36.311.730.000 đồng.
- Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.

6. Phương thức phân phối (*thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành, đấu giá...)*: Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện quyền 5:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cổ đông sở hữu 05 quyền mua thì được mua 01 cổ phiếu mới).
7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Không quy định.
8. Thời gian nhận đăng ký mua cổ phiếu:

- Thời gian đăng ký mua: Từ ngày 02/12/2026 đến ngày 28/12/2026;
- Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 02/12/2026 đến ngày 22/12/2026.

9. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:

- Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau *(Địa chỉ: 70 – 72 Đề Thám, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau)* vào các ngày làm việc trong tuần và nộp tiền mua vào tài khoản phong tỏa.

10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 02/12/2026 đến ngày 28/12/2026
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
- Số tài khoản: 1062581046
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

12. Các tổ chức liên quan:

a. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngô Thì Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 7108 9234 Fax: Không có

Website: www.dnse.com.vn.

b. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT

Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3859 4168 Fax: 028 3859 2289

Website: https://www.vietvalues.com

c. Tổ chức bảo lãnh phát hành: Không có.

d. Bên liên quan khác: Không có.

13. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

- Địa chỉ: 70 – 72 Đề Thám, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại: 0290.3822772 Fax: 0290.3834358
- Website: www.tncm.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

- Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngô Thì Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.7108.9234 Fax: Không có
- Website: www.dnse.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU LONG

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000110221 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 01/12/2007, Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 07/8/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 663/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 05 tháng 11 năm 2026..)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch được cung cấp từ ngày ...../...../2026 tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: 70 – 72 Đề Thám, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 0290.3822772
Website: www.tncm.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngô Thì Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (+84) (24) 7108 9234
Website: https://www.dnse.com.vn/

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Lâm Quốc Khánh
Chức vụ: Phó Phòng kinh doanh
Số điện thoại: 0290.3822772

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000110221 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 01/12/2007, Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 07/8/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 3.631.173 cổ phiếu.

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 36.311.730.000 đồng.

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngô Thì Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (+84) (24) 7108 9234

Số fax: Không có

Website: https://www.dnse.com.vn/

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN CHUẨN VIỆT

Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3859 4168

Số fax: 028 3859 2289

Website: www.vietvalues.com

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 9

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau 9
2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE 9

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN 10

1. Rủi ro về kinh tế 10

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế 10

1.2. Rủi ro lãi suất 12

1.3. Rủi ro lạm phát 13

1.4. Rủi ro tỷ giá 14

2. Rủi ro luật pháp 15
3. Rủi ro đặc thù 15

3.1. Rủi ro về các yếu tố đầu vào và thị trường tiêu thụ 15

3.2. Rủi ro cạnh tranh 17

4. Rủi ro về đợt chào bán 18
5. Rủi ro pha loãng 18

5.1. Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) 19

5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần 20

5.3. Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết: 20

5.4. Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền: 20

6. Rủi ro quản trị công ty 22
7. Rủi ro khác 22

III. CÁC KHÁI NIỆM 23

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 24

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành 24
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 27

2.1. Quá trình hình thành và phát triển 27

2.2. Sau hơn 30 năm thành lập, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã đạt những thành tích xuất sắc và giải thưởng tiêu biểu như: 28

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành 29
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành 30
5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 33

5.1. Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau: 33
5.2. Công ty con của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau: 33
5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau: Không có. 34
5.4. Những công ty mà Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có. 34
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 34
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 37
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 37
8.1. Cổ phiếu phổ thông 37
8.2. Cổ phiếu ưu đãi: Không có. 37
8.3. Các loại chứng khoán khác: Không có. 37
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 37
10. Hoạt động kinh doanh 38
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh 38
10.2. Tài sản 47
10.3. Thị trường hoạt động 53
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính. 53
10.5. Các hợp đồng lớn 59
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn 62
10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành 70
10.8. Hoạt động Marketing 74
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế 74
10.10.Chính sách nghiên cứu và phát triển 75
10.11.Chiến lược kinh doanh 76
10.12.Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan 77
11. Chính sách đối với người lao động 79
11. 1.Số lượng người lao động trong Công ty 79
11. 2.Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp 80
11. 3.Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động 81
12. Chính sách cổ tức 81
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 82
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 82

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 84

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 84

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 85

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 85

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất 85

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty 86

2. Tình hình tài chính 87

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản 87

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 100

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 102

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 103

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 103

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên: 104

4.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức: 105

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 106

1. Thông tin về cổ đông sáng lập 106

2. Thông tin về cổ đông lớn 106

2.1. Cổ đông lớn là cá nhân 106

2.2. Cổ đông lớn là tổ chức 106

2.3. Thông tin về cổ đông lớn 106

2.4. Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán 108

3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng 110

3.1. Thông tin của các thành viên Hội đồng Quản trị 110

3.2. Thông tin Ban Kiểm soát 124

3.3. Thông tin Ban Tổng Giám đốc 129

3.4. Thông tin Kế toán trưởng: 134

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 137

1. Loại cổ phiếu: 137
2. Mệnh giá cổ phiếu: 137
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 137
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 137
5. Giá chào bán dự kiến: 137
6. Phương pháp tính giá: 137
7. Phương thức phân phối: 137
8. Đăng ký mua cổ phiếu: 139
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu: 140
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 141
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 142
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 142
13. Huỷ bỏ đợt chào bán 142
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài: 142
15. Các loại thuế có liên quan: 143
16. Thông tin về các cam kết: 143
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 143

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 143

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 144

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN 147

1. Tổ chức Tư vấn 147
2. Tổ chức Kiểm toán 147

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 147

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN 148

XIII. PHỤ LỤC 150

1. Phụ lục I 150
2. Phụ lục II 150
3. Phụ lục III 150
4. Phụ lục IV 150

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. So sánh EPS năm 2026 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần 19
Bảng 2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2026 của Công ty 20
Bảng 3. Danh sách các chi nhánh của Công ty đến thời điểm hiện tại 30
Bảng 4. Quá trình tăng/ giảm vốn điều lệ của Công ty 35
Bảng 5. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 28/07/2026 37
Bảng 6. Sản lượng kinh doanh xăng dầu của Công ty qua các năm 42
Bảng 7. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty theo BCTC riêng lẻ 43
Bảng 8. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty theo BCTC hợp nhất 43
Bảng 9. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty theo BCTC riêng lẻ 45
Bảng 10. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty theo BCTC hợp nhất 46
Bảng 11. Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2024 theo BCTC riêng lẻ 47
Bảng 12. Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2025 theo BCTC riêng lẻ 47
Bảng 13. Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/09/2026 theo BCTC riêng lẻ 48
Bảng 14. Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2024 theo BCTC hợp nhất 48
Bảng 15. Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2025 theo BCTC hợp nhất 49
Bảng 16. Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/09/2026 theo BCTC hợp nhất 50
Bảng 17. Một số tài sản có giá trị lớn tính đến thời điểm 30/09/2026 50
Bảng 18. Tình hình đầu tư tại công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác 54
Bảng 19. Tình hình đầu tư tài sản của Công ty 55
Bảng 20. Các hợp đồng mua hàng hóa lớn giai đoạn từ năm 2024 đến hiện tại 59
Bảng 21. Các hợp đồng bán hàng hóa lớn giai đoạn từ năm 2024 đến hiện tại 60
Bảng 22. Danh sách nhà cung cấp lớn của Công ty 62
Bảng 23. Danh sách khách hàng lớn của Công ty 68
Bảng 24. Các cửa hàng xăng dầu của Công ty 78
Bảng 25. Cơ cấu lao động hợp nhất của Công ty 79
Bảng 26. Tỷ lệ cổ tức từ năm 2024 - 2025 82
Bảng 27. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo BCTC riêng lẻ 85
Bảng 28. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất 85
Bảng 29. Tình hình vốn điều lệ của Công ty 88
Bảng 30. Vốn kinh doanh của Công ty theo BCTC riêng 88
Bảng 31. Vốn kinh doanh của Công ty theo BCTC hợp nhất 88
Bảng 32. Mức lương bình quân giai đoạn 2024 – 09T2026 của Công ty 90
Bảng 33. Tình hình công nợ riêng và hợp nhất của Công ty 91

Bảng 34. Nợ phải thu của Công ty theo BCTC riêng lẻ 92
Bảng 35. Nợ phải thu của Công ty theo BCTC hợp nhất 92
Bảng 36. Nợ phải trả của công ty mẹ 96
Bảng 37. Nợ phải trả hợp nhất của Công ty 96
Bảng 38. Các khoản phải trả theo luật định của Công ty theo BCTC riêng lẻ 98
Bảng 39. Các khoản phải trả theo luật định hợp nhất của Công ty theo BCTC hợp nhất 98
Bảng 40. Các khoản bảo hiểm phải nộp của Công ty 99
Bảng 41. Tình hình trích lập các quỹ của Công ty theo BCTC riêng lẻ 99
Bảng 42. Tình hình trích lập các quỹ của Công ty theo BCTC hợp nhất 99
Bảng 43. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Riêng lẻ) 100
Bảng 44. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất) 101
Bảng 45. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026 103
Bảng 46. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổ chức phát hành tại ngày 28/7/2026 106
Bảng 47. Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan 109
Bảng 48. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 140

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. Tỉ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2011- Quý III/2026 10
Hình 2. Lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu qua các năm 12
Hình 3. Lạm phát bình quân các năm 2011 – Quý III/2026 14
Hình 4. Cơ cấu tổ chức của Công ty tại thời điểm hiện tại 30
Hình 5. Cấu trúc bộ máy quản trị và quản lý của Công ty 30
Hình 6. Hình ảnh các cửa hàng xăng dầu của CMV 39
Hình 7. Hình ảnh các cửa hàng của CMV 40
Hình 8. Tiêu thụ xăng dầu nội địa giai đoạn 2019 – 2026F 72

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

- Ông: **Nguyễn Hoàng Bảo Long** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông: **Nguyễn Hữu Long** Chức vụ: Tổng giám đốc
- Bà: **Nguyễn Thúy Ái** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Ông **Nguyễn Hoàng Việt** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số: 10/2025/VBUQ-DNSE-TGĐ do Bà Nguyễn Ngọc Linh – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ký ngày 31/07/2025)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 0907/2026/HĐTV-NHĐT/CMV-DNSE ngày 09/7/2026 với Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

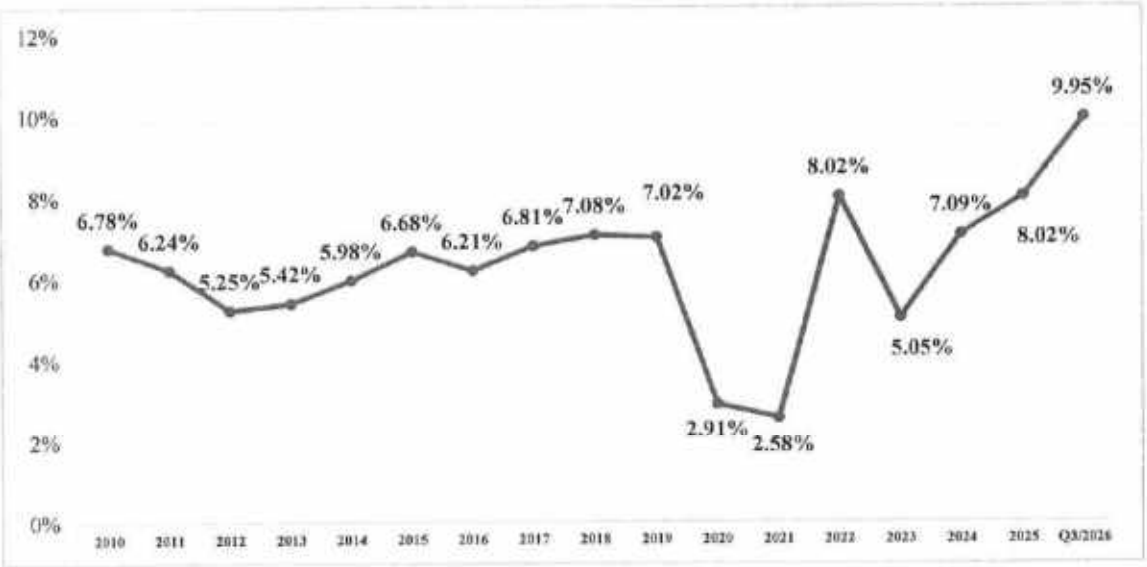
3. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng và phát triển của doanh nghiệp. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô với các yếu tố cơ bản tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá v.v. Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các ngành nghề trong nền kinh tế. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành của doanh nghiệp.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) và chu kỳ phát triển của nền kinh tế có tác động quyết định đến tổng cầu thị trường, thu nhập khả dụng của người dân, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô tiêu thụ hàng hóa. Là một doanh nghiệp hoạt động chủ lực trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ các mặt hàng thiết yếu (xăng dầu, hàng tiêu dùng, lương thực...) tại khu vực tỉnh Cà Mau và các tỉnh lân cận, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau phụ thuộc chặt chẽ vào sức mua chung và đà tăng trưởng của nền kinh tế.

Hình 1. Tỉ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2011- Quý III/2026



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Trong giai đoạn 2020 - 2024, nền kinh tế thế giới và Việt Nam trải qua nhiều chu kỳ biến động do ảnh hưởng từ dịch bệnh và bất ổn địa chính trị toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam ghi nhận sự trồi sụt rõ rệt qua các năm: đạt 2,91% (2020), 2,58% (2021), bứt phá mạnh mẽ ở mức 8,02% (2022), đạt 5,05% (2023) và duy trì đà phục hồi cao ở mức 7,09% (2024). Sự thăng trầm này tạo ra những áp lực không nhỏ trong việc dự báo sản lượng tiêu thụ và quản trị chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp thương mại.

Năm 2025, kinh tế Việt Nam ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng GDP chính

thức đạt 8,02% so với năm trước. Sự tăng trưởng này diễn ra đồng đều ở các khu vực, trong đó khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08% vào mức tăng chung. Đáng chú ý, ngành Bán buôn và bán lẻ - lĩnh vực cốt lõi của CMV - đạt mức tăng trưởng 8,52%, phản ánh sự hồi phục mạnh mẽ của tổng cầu nội địa và niềm tin tiêu dùng của người dân sau giai đoạn khó khăn.

Năm 2026 được xác định là một năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam, với việc diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI. Đồng thời, đây là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2026–2030, đặt mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân từ 10%/năm trở lên, qua đó tạo nền tảng và động lực cho một giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Tình hình kinh tế Quý III/2026 của Việt Nam đạt được kết quả tích cực. Cụ thể GDP quý III/2026 đạt mức tăng trưởng khá, với tốc độ tăng ước đạt 9,95% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,21%, đóng góp 5,14% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,50%, đóng góp 51,57%; khu vực dịch vụ tăng 9,54%, đóng góp 43,29%. Bên cạnh đó, GDP 09 tháng năm 2026 ước tăng 9,01% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,02%, đóng góp 5,35% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,21%, đóng góp 49,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,69%, đóng góp 45,03%.

Bên cạnh triển vọng tích cực, nền kinh tế vẫn đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Môi trường lãi suất có xu hướng gia tăng, trong khi thanh khoản thị trường liên ngân hàng trở nên căng thẳng hơn do chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn, khiến Ngân hàng Nhà nước duy trì quan điểm thận trọng hơn đối với hạn mức tín dụng trong năm 2026.

Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước vẫn gặp khó, đặc biệt là chi phí đầu vào gia tăng; áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp còn lớn và nợ xấu chưa có dấu hiệu cải thiện rõ rệt. Thị trường bất động sản dù được hỗ trợ bởi nhiều chính sách tháo gỡ tích cực, nhưng vẫn chịu ảnh hưởng bởi mặt bằng lãi suất cao, khiến quá trình phục hồi còn chậm và chưa đồng đều.

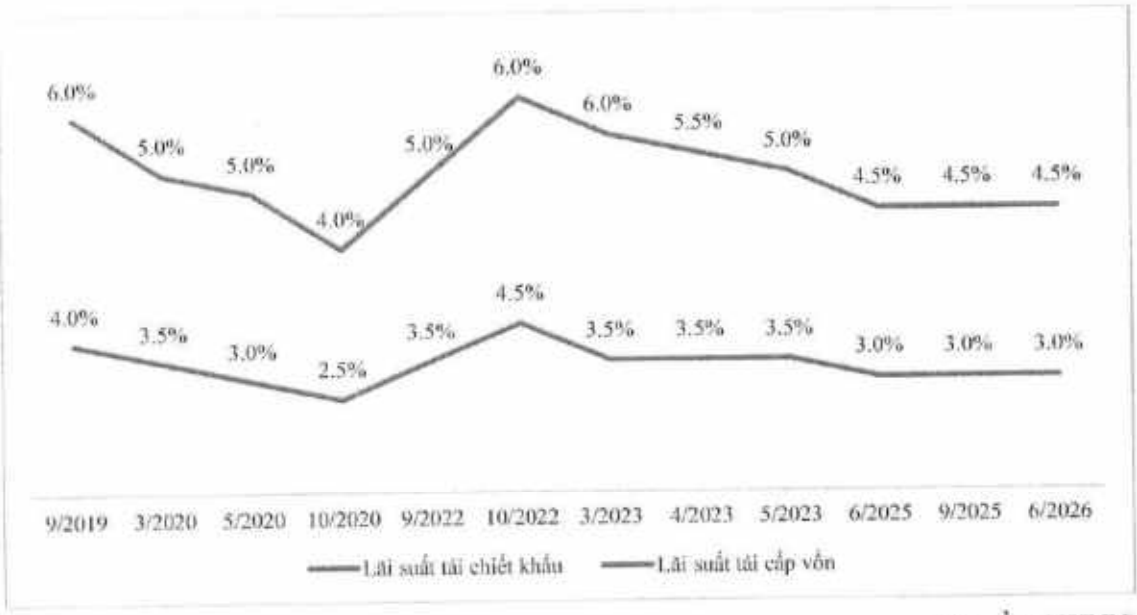
Xu hướng bảo hộ thương mại tại một số nền kinh tế lớn, đặc biệt là các đối tác chủ chốt như Hoa Kỳ, vẫn tiếp diễn. Trong khi đó, bối cảnh toàn cầu quý III/2026 trở nên phức tạp và khó lường hơn khi xung đột tại Trung Đông gia tăng, đe dọa an ninh, đẩy giá năng lượng biến động mạnh, làm gián đoạn chuỗi cung ứng và gia tăng áp lực lạm phát, qua đó có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trong thời gian tới. Do vậy, rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế đối với hoạt động của CMV vẫn hiện hữu thông qua 02 yếu tố: Sự phục hồi không đồng đều giữa các khu vực kinh tế và Sự bất ổn từ môi trường quốc tế. Mặc dù khu vực công nghiệp và dịch vụ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có tốc độ tăng trưởng thấp hơn và vẫn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và thời tiết cực đoan. Đây là khu vực có vai trò quan trọng đối với cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Cà Mau nói riêng. Trong trường hợp hoạt động sản xuất nông nghiệp và thủy sản gặp khó khăn hoặc tốc độ tăng trưởng của khu vực này chậm

lại, thu nhập và sức mua của người dân trên địa bàn hoạt động chính của Công ty có thể bị ảnh hưởng, qua đó tác động gián tiếp đến nhu cầu tiêu thụ hàng hóa và nhiên liệu. Bên cạnh đó, những biến động của kinh tế thế giới, bao gồm xu hướng bảo hộ thương mại, thay đổi chính sách thương mại của các đối tác lớn và biến động giá năng lượng, có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, vận tải và thương mại trong nước. Trong trường hợp tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm hoặc nhu cầu sản xuất, vận tải và tiêu dùng suy yếu, nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu có thể giảm, qua đó ảnh hưởng đến sản lượng kinh doanh và doanh thu của Công ty. Đồng thời, biến động giá nhiên liệu có thể làm thay đổi giá trị hàng tồn kho, nhu cầu vốn lưu động và hiệu quả khai thác dung tích kho bãi của Công ty. Do đó, những diễn biến bất lợi của kinh tế trong nước và quốc tế có thể ảnh hưởng đến doanh thu, chi phí và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp sử dụng vốn vay ngân hàng, khi lãi suất ngân hàng tăng dẫn đến chi phí sử dụng vốn vay tăng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Hình 2. Lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu qua các năm



(Nguồn: NHNN)

Trong giai đoạn 2023 - 2024, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng và linh hoạt nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế. Theo đó, mặt bằng lãi suất cho vay bình quân đối với các khoản vay mới liên tục được kéo giảm: từ mức khoảng 6,7%/năm (cuối năm 2023) xuống còn khoảng 6,65%/năm (năm 2024); riêng nhóm 4 ngân hàng thương mại nhà nước (Big 4) ghi nhận mức giảm sâu hơn, khoảng 1% so với cuối năm 2023. Xu hướng này đã giúp các doanh nghiệp thương mại tối ưu hóa đáng kể chi phí vốn trong giai đoạn này.

Năm 2025, hoạt động tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ ngay từ những tháng đầu năm (9 tháng đầu năm 2025 dư nợ toàn hệ thống tăng 13,37% so với cuối năm 2024). Lãi suất cho vay bình

quân mới tính đến cuối quý III/2025 tiếp tục giảm xuống mức 6,38%/năm. Tuy nhiên, bước sang Quý IV/2025, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã ghi nhận xu hướng đảo chiều tăng nhẹ theo yếu tố mùa vụ nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cuối năm và giảm bớt áp lực từ thị trường ngoại hối.

Trong năm 2026, NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, hướng tới kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng. NHNN duy trì các mức lãi suất điều hành, đồng thời yêu cầu các tổ chức tín dụng ổn định mặt bằng lãi suất và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn. Tính đến ngày 30/9/2026, theo số liệu công bố của NHNN, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt khoảng 20,75 triệu tỷ đồng, tăng 11,59% so với cuối năm 2025 và tăng 16,69% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, huy động vốn tăng 9,78% so với cuối năm 2025, cho thấy nhu cầu tín dụng tiếp tục ở mức cao và tạo áp lực nhất định đối với việc cân đối nguồn vốn của các tổ chức tín dụng.

Đối với CMV, mặc dù Công ty luôn chủ động lựa chọn các đối tác tín dụng lớn (như nhóm các NHTM Nhà nước) để tiếp cận nguồn vốn vay có lãi suất ưu đãi, rủi ro lãi suất vẫn tiềm ẩn khi các hợp đồng tín dụng tài trợ vốn lưu động ngắn hạn thường áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi hoặc điều chỉnh định kỳ (theo tháng hoặc quý). Một sự gia tăng bất lợi của mặt bằng lãi suất cho vay trên thị trường sẽ làm tăng chi phí tài chính (chi phí lãi vay), từ đó trực tiếp làm hẹp biên lợi nhuận và giảm hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

1.3. Rủi ro lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí kinh doanh, bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Trong giai đoạn 2021 - 2024, bất chấp những cú sốc về chuỗi cung ứng toàn cầu và biến động giá năng lượng do xung đột địa chính trị, Việt Nam đã kiểm soát tốt áp lực lạm phát thông qua các chính sách điều hành giá linh hoạt của Chính phủ. Chỉ số CPI bình quân các năm luôn được duy trì ổn định dưới mức mục tiêu của Quốc hội: năm 2021 tăng 1,84%, năm 2022 tăng 3,15%, năm 2023 tăng 3,25% (dưới mục tiêu 4,5%) và năm 2024 tăng 3,63% (dưới mục tiêu 4,0% - 4,5%). Việc duy trì lạm phát ở mức một con số trong nhiều năm liên tiếp đã tạo nền tảng vĩ mô ổn định cho thị trường tiêu dùng nội địa.

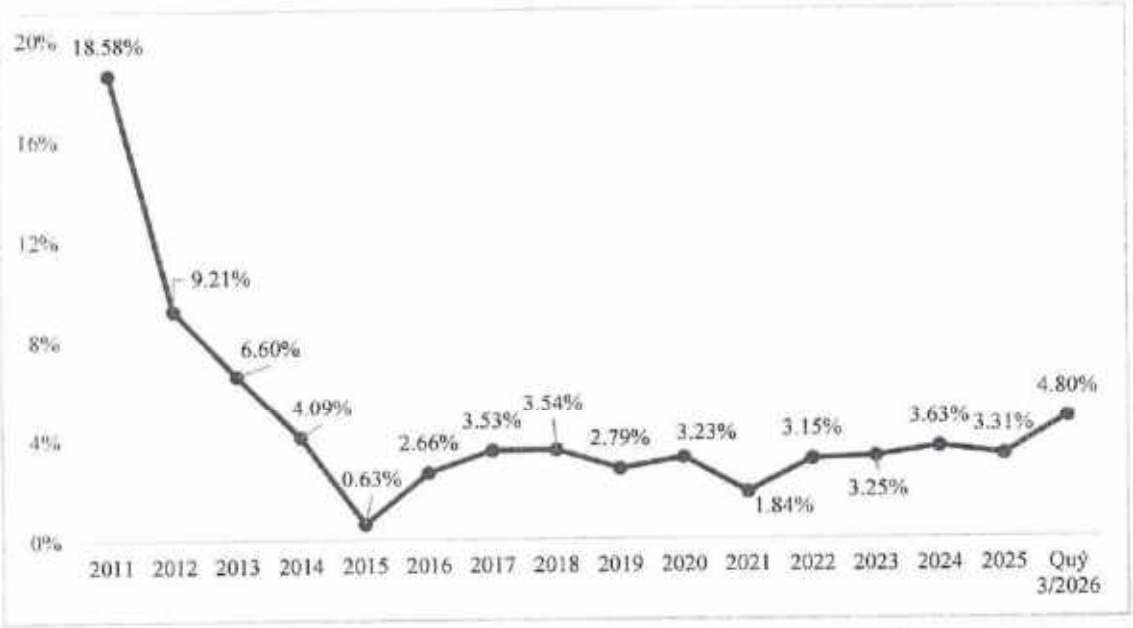
Năm 2025, áp lực lạm phát có phần gia tăng do sự dịch chuyển của chuỗi cung ứng toàn cầu, chi phí vận tải biển biến động và việc thực hiện lộ trình điều chỉnh giá các dịch vụ do Nhà nước quản lý (điện, y tế, giáo dục). Tuy nhiên, nhờ sự chủ động trong công tác điều hành giá của Chính phủ, CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31%, hoàn thành mục tiêu kiểm soát thành công lạm phát dưới ngưỡng 4,5% do Quốc hội đề ra, giúp ổn định tâm lý thị trường và duy trì sức mua ngành bán lẻ tăng trưởng ổn định.

Tuy nhiên, bước sang quý III và 09 tháng đầu năm 2026, tình hình kinh tế toàn cầu và nội địa vẫn đối mặt với nhiều biến số bất định. Trong quý III/2026, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì

đà tăng trưởng tích cực, tuy nhiên vẫn đối mặt với một số yếu tố bất định từ diễn biến kinh tế và địa chính trị thế giới. Áp lực từ giá năng lượng, chi phí nguyên nhiên vật liệu và vận tải tiếp tục tác động đến mặt bằng giá trong nước. Theo Cục Thống kê, CPI bình quân quý III/2026 tăng 4,80% so với quý III/2025 và CPI bình quân 09 tháng năm 2026 tăng 4,52% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản bình quân 09 tháng tăng 4,26%. Bên cạnh đó, việc chính quyền Mỹ thay đổi công cụ pháp lý – chuyển từ các sắc lệnh thuế quan khẩn cấp sang áp đặt mức thuế quan phổ quát 10% và mở rộng các cuộc điều tra về tiêu chuẩn lao động, dư thừa công suất – đã tiếp tục tạo ra các xung đột thương mại phức tạp. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tiếp tục đưa ra cảnh báo về rủi ro hai chiều từ việc đứt gãy cục bộ chuỗi cung ứng, buộc các nền kinh tế có độ mở lớn như Việt Nam phải liên tục nâng cao năng lực dự phòng chiến lược để ngăn chặn áp lực lạm phát nhập khẩu lan truyền trong những tháng cuối năm 2026.

Là doanh nghiệp phân phối xăng dầu và hàng tiêu dùng lớn tại Cà Mau, CMV chịu áp lực lớn từ rủi ro lạm phát. Khi lạm phát tăng, giá mua đầu vào từ các nhà cung cấp/đầu mối tăng lên, trong khi Công ty không thể ngay lập tức chuyển toàn bộ chi phí này sang giá bán cho người tiêu dùng do phải đảm bảo tính cạnh tranh và bình ổn thị trường địa phương. Điều này có thể làm thu hẹp biên lợi nhuận gộp của Công ty. Ngược lại, nếu lạm phát không được kiểm soát tốt dẫn đến thắt chặt chi tiêu, sản lượng tiêu thụ các mặt hàng không cốt lõi của CMV cũng sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực.

Hình 3. Lạm phát bình quân các năm 2011 – Quý III/2026



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

1.4. Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2023 - 2024, thị trường ngoại hối chịu áp lực lớn từ xu hướng thắt chặt tiền tệ

toàn cầu và các biến động từ thị trường vàng nội địa. Sang năm 2024, áp lực tăng cao buộc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải thực hiện nhiều biện pháp can thiệp quyết liệt như phát hành tín phiếu để điều tiết thanh khoản, giảm áp lực chênh lệch lãi suất VND/USD và bán ngoại tệ từ nguồn dự trữ. Kết thúc năm 2024, tỷ giá ổn định quanh mức 25.450 VND/USD, ghi nhận mức mất giá 5,03% của VND.

Năm 2025, tỷ giá USD/VND tiếp tục chịu áp lực đi lên do các yếu tố nội tại của nền kinh tế. Nhu cầu ngoại tệ tăng cao phục vụ hoạt động nhập khẩu hàng hóa (khu vực doanh nghiệp trong nước ghi nhận nhập siêu 29,43 tỷ USD trong năm 2025), kết hợp với việc Kho bạc Nhà nước tăng cường mua vào USD đã khiến nguồn cung ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng có những thời điểm thắt chặt. Tính đến cuối tháng 12/2025, tỷ giá trung tâm chính thức tăng khoảng 3,2% so với cùng kỳ năm 2024, đẩy tỷ giá bán trên thị trường tự do vượt mốc 26.300 VND/USD.

Trong 09 tháng đầu năm 2026, rủi ro tỷ giá vẫn là một trong những thách thức vĩ mô hàng đầu đối với các doanh nghiệp thương mại. Chính sách thuế quan và bảo hộ thương mại của Hoa Kỳ tiếp tục được duy trì, cùng với căng thẳng địa chính trị tại một số khu vực, khiến đồng USD duy trì ở mức cao và tạo áp lực lên đồng tiền của các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Sau giai đoạn dài sử dụng các công cụ can thiệp thị trường, dư địa từ quỹ dự trữ ngoại hối đòi hỏi sự thận trọng lớn hơn trong điều hành, khiến tỷ giá USD/VND trong thời gian tới có thể tiếp tục chịu nhiều áp lực biến động theo cung cầu thị trường.

Đối với CMV, biến động tỷ giá hối đoái có khả năng làm tăng giá vốn hàng hóa nhập khẩu đầu vào của các nhà cung cấp đầu mối, từ đó đẩy giá nhập kho của Công ty tăng lên. Trong trường hợp sức mua thị trường nội địa chưa kịp thích ứng để hấp thụ mức tăng giá này, Công ty có thể phải đối mặt với rủi ro thu hẹp biên lợi nhuận gộp hoặc gặp khó khăn trong việc tối ưu hóa dòng tiền thanh toán cho các đối tác kinh doanh.

4. Rủi ro luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau hiện đang chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, khung pháp lý dần được hoàn thiện tương ứng với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hệ quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty chú trọng việc xây dựng hệ thống quản trị và kiểm soát chặt chẽ, nhưng cũng linh hoạt kịp thời bổ sung, cập nhật quy định pháp luật mới để phù hợp với thực tế và hạn chế rủi ro phát sinh.

5. Rủi ro đặc thù

1.5. Rủi ro về các yếu tố đầu vào và thị trường tiêu thụ

Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu

Việc kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu tại Việt Nam luôn phải đối mặt với những rủi ro liên

quan đến đầu vào và đầu ra, đặc biệt trong bối cảnh thị trường toàn cầu đầy biến động. Hiện nay, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu của Việt Nam đang phụ thuộc lớn vào thị trường quốc tế, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động về giá cả và tình hình chính trị toàn cầu.

Những bất ổn chính trị như xung đột Nga – Ukraine hay căng thẳng ở Trung Đông, nơi tập trung các mỏ dầu và nhà xuất khẩu dầu lớn nhất thế giới, dẫn đến sự biến động mạnh mẽ của giá dầu. Điều này tác động trực tiếp đến giá đầu vào của Công ty, gây khó khăn trong việc dự báo chi phí và xây dựng kế hoạch kinh doanh ổn định. Ngoài ra, do tỷ trọng xăng dầu nhập khẩu vẫn ở mức cao, tỷ giá hối đoái trở thành một yếu tố quan trọng cấu thành giá đầu vào. Sự biến động của tỷ giá, dù không phải là yếu tố trọng yếu đối với Công ty với vai trò nhà phân phối, nhưng vẫn có thể gây ra những ảnh hưởng nhất định đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận.

Rủi ro về tính ổn định của nguồn cung và chi phí logistics xăng dầu đã trở thành thách thức lớn đối với thị trường toàn cầu và Việt Nam trong nửa đầu năm 2026, xuất phát từ các xung đột quân sự leo thang tại khu vực Trung Đông kể từ cuối tháng 2/2026. Việc căng thẳng địa chính trị trực tiếp đe dọa an toàn hàng hải tại eo biển Hormuz – tuyến vận tải huyết mạch chiếm khoảng 20% lượng dầu thô toàn cầu. Hệ quả là giá dầu thô thế giới liên tục biến động mạnh, neo ở mức cao vượt mốc 100 - 110 USD/thùng trong nhiều phiên, đồng thời đẩy chi phí logistics, bảo hiểm và thời gian vận chuyển hàng hải tăng vọt. Bên cạnh đó, xu hướng bảo hộ năng lượng gia tăng khi một số quốc gia châu Á (như Trung Quốc, Thái Lan) có động thái thắt chặt hạn ngạch xuất khẩu xăng dầu thành phẩm để ưu tiên dự trữ nội địa, làm thu hẹp nguồn cung giao dịch trên thị trường giao ngay (spot market).

Tại Việt Nam, rủi ro này tác động trực tiếp đến chuỗi cung ứng do nước ta vẫn phải nhập khẩu khoảng 30% nhu cầu xăng dầu thành phẩm, trong khi cơ cấu sản xuất nội địa tại Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn lại phụ thuộc lớn vào nguồn dầu thô nhập khẩu từ khu vực Vùng Vịnh. Tính đến giữa năm 2026, mặc dù nguồn cung xăng dầu trong nước nhìn chung vẫn được Bộ Công Thương và các doanh nghiệp đầu mối nỗ lực bảo đảm thông qua việc tăng cường năng lực sản xuất nội địa, điều tiết tổng nguồn và giải tỏa hàng dự trữ kịp thời; tuy nhiên, tình trạng khan hiếm nguồn cung cục bộ hoặc chậm trễ tiến độ giao hàng do yếu tố vận tải vẫn là nguy cơ hiện hữu.

Đối với một doanh nghiệp phân phối tuyến cuối tại địa bàn Nam Bộ như CMV, rủi ro đứt gãy hoặc chậm trễ nguồn cung từ các thương nhân đầu mối, kết hợp với áp lực chi phí vận tải nội địa tăng cao do ảnh hưởng từ giá thế giới, sẽ trực tiếp gây khó khăn cho công tác điều độ hàng hóa, quản trị tồn kho an toàn và tạo áp lực thắt chặt biên lợi nhuận hoạt động của Công ty.

Về phía đầu ra, giá bán xăng dầu tại Việt Nam chịu sự quản lý chặt chẽ của Bộ Công Thương thông qua các cơ chế điều hành thị trường có sự tham gia của Nhà nước. Các yếu tố như nhu cầu tiêu thụ, mức dự trữ quốc gia, và cơ cấu giá được điều chỉnh theo quy định, dẫn đến mức độ linh hoạt trong việc điều chỉnh giá bán ra thị trường của Công ty bị hạn chế. Khi nhu cầu thị trường tăng cao hoặc dự trữ quốc gia giảm, giá đầu ra có thể tăng theo quy định, nhưng lại không đồng nhất với mức tăng của giá đầu vào, gây áp lực lên biên lợi nhuận.

Công ty đã đẩy mạnh các chiến lược quản lý rủi ro như xây dựng các kênh nhập khẩu và dự trữ linh hoạt, tối ưu hóa hiệu quả vận hành và chi phí, đồng thời tăng cường phối hợp với cơ quan chức năng để nắm bắt và điều chỉnh kịp thời theo các chính sách quản lý giá của Nhà nước. Ngoài ra, việc đầu tư vào công nghệ quản lý tồn kho, dự báo giá dầu và tỷ giá cũng sẽ

giúp Công ty nâng cao khả năng thích ứng trước những biến động của thị trường.

Lĩnh vực bán lẻ bách hóa:

Trong lĩnh vực bán lẻ bách hóa, lạm phát cũng là yếu tố tác động đáng kể đến cả chi phí đầu vào và khả năng cạnh tranh đầu ra của Công ty. Về phía đầu vào, giá nguyên vật liệu và hàng hóa – đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu như thực phẩm, đồ gia dụng và nhu yếu phẩm – có xu hướng tăng theo đà lạm phát, kéo theo chi phí vận chuyển, lưu kho và phân phối cũng gia tăng đáng kể. Những biến động này khiến giá vốn hàng bán bị tăng lên, gây áp lực lên biên lợi nhuận của Công ty nếu không có giải pháp điều chỉnh phù hợp về giá bán, cơ cấu sản phẩm hoặc tối ưu vận hành.

Lạm phát còn làm gia tăng chi phí vận hành, bao gồm chi phí lao động và chi phí thuê mặt bằng. Khi mức lương và chi phí sinh hoạt tăng, Công ty cũng phải điều chỉnh lương nhân viên và có thể đối mặt với tình trạng chi phí thuê cửa hàng tăng cao, đặc biệt là ở những khu vực có mức sống cao. Tất cả những yếu tố này đều tạo áp lực lên chi phí hoạt động và yêu cầu Công ty phải tìm cách cắt giảm chi phí hoặc tối ưu hóa các quy trình để duy trì lợi nhuận.

Về đầu ra, lạm phát có thể làm giảm sức mua của người tiêu dùng, khiến họ tiết kiệm chi tiêu hơn và chỉ mua những sản phẩm thực sự cần thiết. Điều này ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm bách hóa không thiết yếu, làm giảm doanh thu của Công ty từ những mặt hàng này. Đồng thời, dù giá bán lẻ có thể được điều chỉnh theo lạm phát, nhưng nếu không điều chỉnh đúng mức và kịp thời, Công ty có thể mất đi khách hàng, đặc biệt là những khách hàng nhạy cảm với giá cả trong bối cảnh kinh tế khó khăn.

Để đối phó với các rủi ro từ lạm phát, Công ty đã áp dụng các chiến lược điều chỉnh giá linh hoạt, đàm phán lại với các nhà cung cấp để giữ giá ổn định, đồng thời tối ưu hóa chi phí vận hành và cải tiến quy trình quản lý kho hàng để giảm thiểu tổn thất. Công ty cũng có thể đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường để giảm sự phụ thuộc vào một nhóm sản phẩm nhất định, từ đó duy trì tăng trưởng doanh thu và bảo vệ biên lợi nhuận trong bối cảnh lạm phát.

1.6. Rủi ro cạnh tranh

Rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực bán lẻ bách hóa và phân phối xăng dầu là một thách thức lớn mà Công ty phải đối mặt trong quá trình phát triển.

Trong lĩnh vực bán lẻ bách hóa, thị trường ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt với sự gia nhập của nhiều doanh nghiệp mới, bao gồm cả các thương hiệu quốc tế và các nhà bán lẻ trực tuyến. Các đối thủ cạnh tranh không chỉ tập trung vào giá cả mà còn chú trọng vào cải thiện trải nghiệm khách hàng, đổi mới sản phẩm, và áp dụng công nghệ để tăng hiệu quả kinh doanh. Điều này đòi hỏi Công ty phải không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến sản phẩm, và đầu tư vào các chiến lược kinh doanh bền vững nhằm duy trì thị phần và xây dựng lòng trung thành của khách hàng.

Trong lĩnh vực phân phối xăng dầu, sự cạnh tranh cũng không kém phần khốc liệt, đặc biệt là từ các tập đoàn lớn với mạng lưới phân phối rộng khắp và các doanh nghiệp nhỏ hoạt động linh hoạt tại địa phương. Thị trường còn chịu tác động mạnh từ biến động giá dầu thô và chính sách điều tiết của Chính phủ, tạo áp lực lên biên lợi nhuận của các doanh nghiệp phân phối. Bên cạnh đó, xu hướng chuyển đổi sang năng lượng sạch và sự gia tăng của các phương tiện sử dụng năng lượng thay thế như xe điện cũng đặt ra thách thức lớn đối với sự phát triển dài

hạn của lĩnh vực này.

Công ty đã và đang triển khai các chiến lược đồng bộ, bao gồm mở rộng và tối ưu hóa mạng lưới phân phối, nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua ứng dụng công nghệ, và tăng cường năng lực quản lý. Đồng thời, Công ty cũng tập trung xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị gia tăng cho khách hàng và tận dụng lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý cũng như uy tín đã được xây dựng qua thời gian. Những nỗ lực này sẽ giúp Công ty không chỉ giảm thiểu rủi ro cạnh tranh mà còn duy trì sự phát triển bền vững và nâng cao vị thế trên thị trường.

6. Rủi ro về đợt chào bán

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ những yếu tố kinh tế vĩ mô, vi mô và tâm lý chung của nhà đầu tư.

Việc phân phối cổ phiếu của đợt chào bán này sẽ chính thức được thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Do đó, việc thành công của đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán. Trong trường hợp thị trường không thuận lợi và cổ phiếu không được chào bán hết như dự kiến, tùy thuộc vào tình hình thị trường tại thời điểm chào bán, HĐQT sẽ quyết định hủy bỏ hoặc tiếp tục chào bán số lượng cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua, cổ phiếu lẻ cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc theo quyết định khác của HĐQT tùy tình hình thực tế. Trường hợp hết thời gian phân phối theo quy định của pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được huỷ và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán. Rủi ro trong trường hợp kết thúc đợt chào bán, Công ty vẫn không huy động đủ nguồn vốn từ đợt chào bán theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty sẽ gặp phải rủi ro không đảm bảo được tiến độ triển khai các kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Điều này có thể làm hạn chế khả năng của Công ty trong việc triển khai các kế hoạch kinh doanh, đầu tư và mở rộng hoạt động theo định hướng đã đề ra; đồng thời ảnh hưởng đến khả năng nắm bắt các cơ hội phát triển, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường. Tuy vậy, Hội đồng quản trị Công ty đã và đang chủ động triển khai các phương án xử lý nhằm bù đắp phần vốn thiếu hụt, tìm kiếm các nguồn vốn thay thế khác như nhà đầu tư *(huy động vốn theo các hình thức phát hành/chào bán khác đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật)*, tổ chức tín dụng để giảm thiểu tác động bất lợi tới Công ty trong trường hợp nguồn vốn huy động không đạt kỳ vọng.

7. Rủi ro pha loãng

Sau khi Công ty phát hành thêm cổ phần tăng vốn, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty cũng tăng lên tương ứng. Việc tăng số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu pha loãng. Một số ảnh hưởng pha loãng thường gặp: (i) Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu - EPS; (ii) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền.

1.7. Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên một cổ phiếu:

EPS = Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân

$$\textbf{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X*12 + Y*t}{12}$$

Trong đó: *X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành*

Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm

Giả định thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm là: 01 tháng

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ *(Không phát hành)* $= \frac{18.155.868*12}{12} = 18.155.868$ cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ *(Phát hành)* $= \frac{18.155.868*12+3.631.173*1}{12} = 18.458.466$ cổ phiếu

Bảng 1. So sánh EPS năm 2026 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần

TT	Nội dung	Đơn vị	Không phát hành	Phát hành
1	Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	21.095	21.095
2	Số cổ phiếu lưu hành bình quân	Cổ phiếu	18.155.868	18.458.466
3	EPS	Đồng/cổ phiếu	1.161,88	1.142,84

(Nguồn: CMV)

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho mục đích đầu tư chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận trong năm 2026. Vì vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm 3.631.173 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, EPS có thể bị pha loãng theo dự kiến như bảng tính trên.

Tuy nhiên việc EPS dự kiến năm 2026 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ có thể tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

1.8. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (đồng)}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phần)}}$$

Bảng 2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2026 của Công ty

Chỉ tiêu	30/09/2026
Theo BCTC riêng	
Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	281.335.187.588
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	18.155.868
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	15.496
Theo BCTC hợp nhất	
Nguồn vốn chủ sở hữu (đồng)	282.635.106.962
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	18.155.868
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	15.567

(Nguồn: BCTC riêng lẻ và hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Trong thời gian ngắn ngay sau khi chào bán, nếu tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm và ngược lại.

1.9. Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

7.1. Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền:

Giá cổ phiếu CMV sẽ bị điều chỉnh theo quy định tại ngày giao dịch không hưởng quyền trong trường hợp giá giao dịch tại ngày thực hiện quyền lớn hơn giá chào bán.

Giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R}$$

Trong đó:

- ✓ P: giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng.
- ✓ Pt-1: giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng.
- ✓ IR: tỷ lệ vốn tăng.
- ✓ PR: giá phát hành cổ phần mới.
- ✓ Tham khảo:
- ✓ Pt-1: giả sử, giá cổ phiếu CMV trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 11.000 đồng/cổ phiếu.
- ✓ PR: giá phát hành cổ phần mới là 10.000 đồng/cổ phiếu.
- ✓ IR: tỷ lệ vốn tăng là 20% (tỷ lệ 5:1).
- ✓ P: giá tham chiếu của cổ phiếu CMV trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I_R} = \frac{11.000 + (20\% \times 10.000)}{1 + 20\%} = 10.833 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trong trường hợp, giá đóng cửa của cổ phiếu CMV tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn hoặc bằng giá phát hành thì theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 7 Điều 20 Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 18/03/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam:

"5. Trong ngày giao dịch không hưởng quyền, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này, giá tham chiếu được xác định theo nguyên tắc lấy giá bình quân gia quyền của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị của các quyền kèm theo.

...

7. Các trường hợp không điều chỉnh giá tham chiếu gồm:

a) Các trường hợp đã được mở biên độ dao động giá quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 19 Quy chế này;

b) Doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu với giá phát hành cao hơn giá bình quân gia quyền của ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có);

c) Phát hành riêng lẻ cổ phiếu, chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư không phải là cổ đông hiện hữu;

d) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty;

đ) Phát hành cổ phiếu bổ sung theo phương án hoán đổi từ các giao dịch sáp nhập;

e) Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện giảm vốn điều lệ;

g) Chào bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu;

h) Các trường hợp phát hành khác không ảnh hưởng đến quyền của cổ đông hiện hữu."

Trường hợp này giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh.

8. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Rủi ro này có thể phát sinh do những nguyên nhân sau:

- Rủi ro từ sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều lãnh đạo chủ chốt và/hoặc sự thiếu hài hoà lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị dẫn đến ảnh hưởng công tác quản trị doanh nghiệp.
- Rủi ro về cơ cấu cổ đông: là rủi ro phát sinh khi cơ cấu cổ đông của một công ty không còn tập trung và bị pha loãng quá lớn bởi các cổ đông nhỏ lẻ dẫn đến công ty có thể gặp khó khăn trong việc lấy ý kiến cổ đông (không triệu tập đủ tỷ lệ theo quy định của Điều lệ), mâu thuẫn quyền lợi giữa nhóm cổ đông khác nhau,... từ đó ảnh hưởng đến việc định hướng hoạt động cũng như dẫn dắt chiến lược của công ty nói chung.
- Rủi ro xung đột về lợi ích trong công ty: là rủi ro phát sinh do người nội bộ hoặc người quản lý, người điều hành của Công ty sử dụng những thông tin có được từ chức vụ của mình để phục vụ cho lợi ích cá nhân của mình; hoặc rủi ro phát sinh từ giao dịch giữa Công ty với người có liên quan mà không theo quy tắc bình đẳng, tự nguyện làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.
- Rủi ro về công bố thông tin không đủ và không đúng thời hạn như chậm công bố thông tin của người nội bộ hoặc giao dịch của người có liên quan của người nội bộ,... dẫn đến ảnh hưởng quyền lợi của cổ đông bên ngoài và nhà đầu tư.

Nhằm tăng cường công tác quản trị tại Công ty, Hội đồng quản trị Công ty từng bước xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông, cũng như áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

9. Rủi ro khác

Có một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- VSDC	:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- SGDCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước
- CTCP	:	Công ty Cổ phần
- CMV/Camex/CAMEX/Tổ chức phát hành/Công ty/ Công Ty	:	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
- ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
- ESOP	:	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
- HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
- BKS	:	Ban kiểm soát
- TGĐ	:	Tổng Giám đốc
- TC – KT	:	Tài chính – Kế toán
- CBNV	:	Cán bộ nhân viên
- CP	:	Cổ phiếu
- ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
- GCN	:	Giấy chứng nhận
- GDP	:	Tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product)
- SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
- BCTC	:	Báo cáo tài chính
- LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
- TSCĐ	:	Tài sản cố định
- VĐL	:	Vốn điều lệ
- ROA	:	Tỷ số Lợi nhuận trên tài sản trung bình
- ROE	:	Tỷ số Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trung bình

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

10. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên Công ty : **CÔNG TY CP THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**
- Tên viết tắt : CAMEX
- Tên tiếng Anh : CAMAU TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNĐKKD : Số 2000110221 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 01/12/2007 và Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 07/08/2025.

a. Trụ sở chính : 70 – 72 Đề Thám, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau.

- Điện thoại : 0290.3822772
- Fax : 0290.3834358
- Website : http://www.tncm.com.vn/
- Vốn điều lệ : 181.558.680.000 đồng *(Một trăm tám mươi mốt tỷ năm trăm năm mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).*
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Hữu Long – Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Mã cổ phiếu : CMV
- Sàn niêm yết : HOSE
- Ngành nghề kinh doanh chính :

STT	Tên ngành, nghề	Mã
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4671 (chính)
2	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà; Chia tách đất và cải tạo đất	4299
4	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn	4633
5	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531

STT	Tên ngành, nghề	Mã
6	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn thuốc lá điếu các loại	4634
7	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng; Bán buôn giá sách, kệ và đồ nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
8	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc; Bán lẻ giày, dép; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác	4771
9	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác	4632
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4673
11	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới và thô sơ	5022
12	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
13	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày, dép	4641
14	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và	4620

STT	Tên ngành, nghề	Mã
	thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	
15	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ; Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	4933
16	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi	4763
17	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông	4740
18	Chuẩn bị mặt bằng	4312
19	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê và vận hành nhà ở và đất ở; Cho thuê và vận hành nhà và đất không để ở; Kinh doanh bất động sản khác	6810
20	Trồng lúa	0111
21	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng rau, đậu các loại; Trồng hoa hàng năm	0118
22	Trồng cây ăn quả	0121
23	Trồng cây lâu năm khác	0129
24	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; khai thác, nuôi trồng thủy hải sản và hoạt động dịch vụ có liên quan; khai thác thủy sản.	0240
25	Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Nuôi cá, nuôi tôm, nuôi thủy sản khác	0321
26	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi cá, nuôi tôm, nuôi thủy sản khác, sản xuất giống thủy sản nội địa.	0322
27	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; chế biến và bảo quản thủy sản khô; chế biến và bảo quản nước mắm; chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản	1020

STT	Tên ngành, nghề	Mã
28	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sản xuất nước ép từ rau quả; chế biến và bảo quản rau quả khác.	1030

11. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

1.10. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (CAMEX) là Công ty Bách hóa Tổng hợp thị xã Cà Mau được thành lập từ những năm 1980. Hoạt động kinh doanh giai đoạn này gặp nhiều khó khăn do chủ yếu thực hiện theo chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên giao kể cả về chủ trương chính sách bán hàng, hàng hóa, phạm vi địa bàn hoạt động...

Từ năm 1987 – 1996, Công ty tiếp nhận thêm 05 doanh nghiệp nhà nước gồm: Công ty Nông sản thực phẩm thị xã Cà Mau (4/1987), Công ty Xuất nhập khẩu thị xã (2/1988), Công ty Dịch vụ ăn uống (4/1990), Công ty Vật tư tổng hợp (8/1990) và Công ty Dịch vụ Phát thanh truyền hình Minh Hải (6/1996).

Ngày 10/10/1992, được sự đồng ý của Nhà nước, căn cứ vào quyết định 142/QĐ-UB của UBND tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau), Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập, với nguồn vốn ban đầu là 2,51 tỷ đồng (trong đó, vốn cố định 1,16 tỷ, vốn lưu động 1,35 tỷ). Sau khi được thành lập lại mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng với sự quyết tâm và nhiều giải pháp đồng bộ, Công ty đã từng bước củng cố, kiện toàn và đã đạt được những bước phát triển ổn định, năm sau cao hơn năm trước.

Cuối năm 1996, sau khi chia tách tỉnh Minh Hải thành hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu, Công ty chuyển thành trực thuộc tỉnh Cà Mau. Giai đoạn này, doanh thu của Công ty hàng năm đều tăng, chỉ tiêu kinh doanh, nộp Ngân sách do UBND tỉnh giao hàng năm đều đạt được và vượt kế hoạch, hệ thống mạng lưới kinh doanh, mạng lưới đại lý bán lẻ được hình thành ở tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh Cà Mau và các tỉnh lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng; cơ sở vật chất, phương tiện vận chuyển phục vụ kinh doanh tương đối hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

Năm 2007, thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-UB ngày 06/02/2007 về việc cổ phần hóa Công ty Thương Nghiệp Cà Mau. Ngày 14/09/2007, phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt theo quyết định số 637/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau. Ngày 28/11/2007, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (CAMEX). Ngày 01/12/2007, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 với vốn điều lệ là 70 tỷ đồng.

Năm 2010, Công ty tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 80,499 tỷ đồng thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và cho cán bộ công nhân viên. Trong năm, Công ty cũng thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 19%. Ngày

21/06/2010, Cổ phiếu CTCP Thương nghiệp Cà Mau được chính thức giao dịch trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là CMV.

Năm 2012, phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu, phát hành ESOP cho cán bộ công nhận viên với tỷ lệ 5%, phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%. Vốn điều lệ tăng từ 95,79 tỷ đồng lên 121,039 tỷ đồng.

Ngày 01/01/2016, Công ty thành lập Cửa hàng Điện máy Lê Lợi.

Ngày 19/10/2017, SCIC thoái vốn thành công 36,63% vốn sở hữu Nhà nước tại Công ty.

Năm 2018, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến việc sở hữu từ 25% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau mà không cần chào mua công khai.

Năm 2020, ngày 31/12/2020, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Năm 2021, ngày 31/03/2021, chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Hậu Giang chính thức bị giải thể theo Nghị quyết số 04/2021/ NQ-HĐQT. Đồng thời, trong năm 2021, Công ty chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ tăng lên 181,559 tỷ đồng.

Năm 2022, Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết sáp nhập với Công ty TNHH MTV Bách Việt.

Năm 2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua bầu cử thành công nhân sự Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2023 - 2027).

Năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì ổn định hoạt động kinh doanh cốt lõi gồm phân phối xăng dầu và bán lẻ hàng tiêu dùng, bách hóa tại tỉnh Cà Mau và các tỉnh lân cận. Trong năm, không có thay đổi về nhân sự Ban điều hành; Công ty tập trung củng cố hệ thống mạng lưới phân phối và nâng cao hiệu quả quản trị.

Năm 2025, Hội đồng quản trị kiện toàn nhân sự (miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị) và thông qua chủ trương đầu tư thay thế hệ thống ERP toàn Công ty.

1.11. Sau hơn 30 năm thành lập, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã đạt những thành tích xuất sắc và giải thưởng tiêu biểu như:

- Huân chương lao động hạng II năm 1999
- Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới 10 năm (1989-1999) năm 2000
- Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007.
- Trong những năm 2005, 2007, 2008, 2009 Công ty được Thủ tướng Chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua.
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2003 đến năm 2010.
- Top 1.000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất năm 2012, 2013.

- Giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam).
- Giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013 và năm 2015 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam).
- Bằng khen ngày 27/01/2014 của Hội Khuyến học TP. Cà Mau tặng đơn vị đã nhiều năm liền hỗ trợ cho quỹ trợ cấp sinh viên nghèo vượt khó hiếu học của Phường 8, TP. Cà Mau.
- Bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau ngày 13/02/2014 về thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, vận động quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2013.
- Bằng khen số 625/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội thành phố Cà Mau (1999 – 2014).
- Quyết định 817/QĐ-UBND ngày 30/05/2014 của UBND tỉnh Cà Mau về việc tặng cờ thi đua khối XIV (hạng nhì).
- Quyết định 43/QĐ-BHXH ngày 15/01/2015 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về thành tích "Thực hiện tốt chính sách Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế năm 2014".
- Quyết định 823/QĐ-UBND ngày 18/06/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nộp ngân sách Nhà nước năm 2014".
- Với những thành tích đáng ghi nhận trong hoạt động kinh doanh, liên tiếp 4 năm liền 2016, 2017, 2018 và 2019, Công ty được vinh dự xếp hạng trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Việt Nam Report) phối hợp với báo Vietnamnet phát hành.
- Quyết định 405/QĐ-UBND ngày 13/03/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau khen thưởng thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2018.
- Quyết định 50/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau tặng Bằng khen cho đơn vị có thành tích tích cực đóng góp, hỗ trợ kinh phí thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2018.
- Quyết định 1296/QĐ-BCT ngày 20/05/2019 của Bộ Công thương về việc tặng thưởng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác tham gia, tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Bộ Công thương hưởng ứng cuộc vận động "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2009 – 2019.

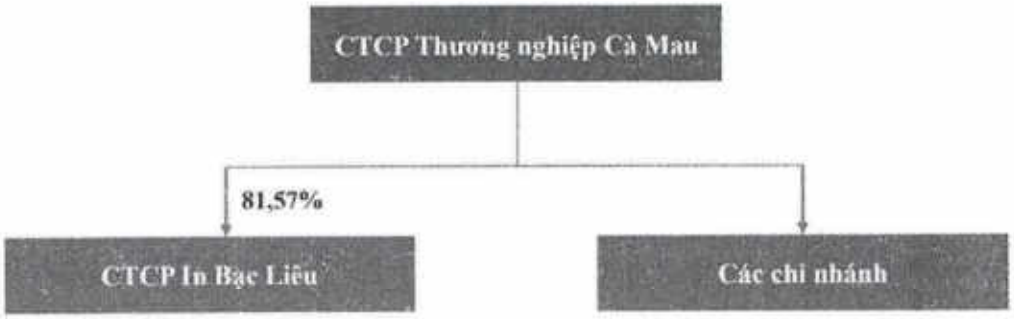
12. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau có 01 công ty con và 05 chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Chi nhánh hạch toán phụ thuộc là đơn vị không có tư cách pháp nhân, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Chi nhánh được thành lập với mục đích mở rộng quy mô, thị trường kinh doanh của Công ty:

Công ty có 5 chi nhánh chính trải đều các tỉnh Cà Mau, An Giang, Cần Thơ và TP Hồ Chí Minh. Các chi nhánh này thực hiện chức năng nhiệm vụ kinh doanh, bán hàng, tìm kiếm và

chăm sóc khách hàng, tiếp nhận các phản ánh về hàng hóa và giải quyết vướng mắc cho khách hàng trong khu vực.

Hình 4. Cơ cấu tổ chức của Công ty tại thời điểm hiện tại



(Nguồn: CMV)

Bảng 3. Danh sách các chi nhánh của Công ty đến thời điểm hiện tại

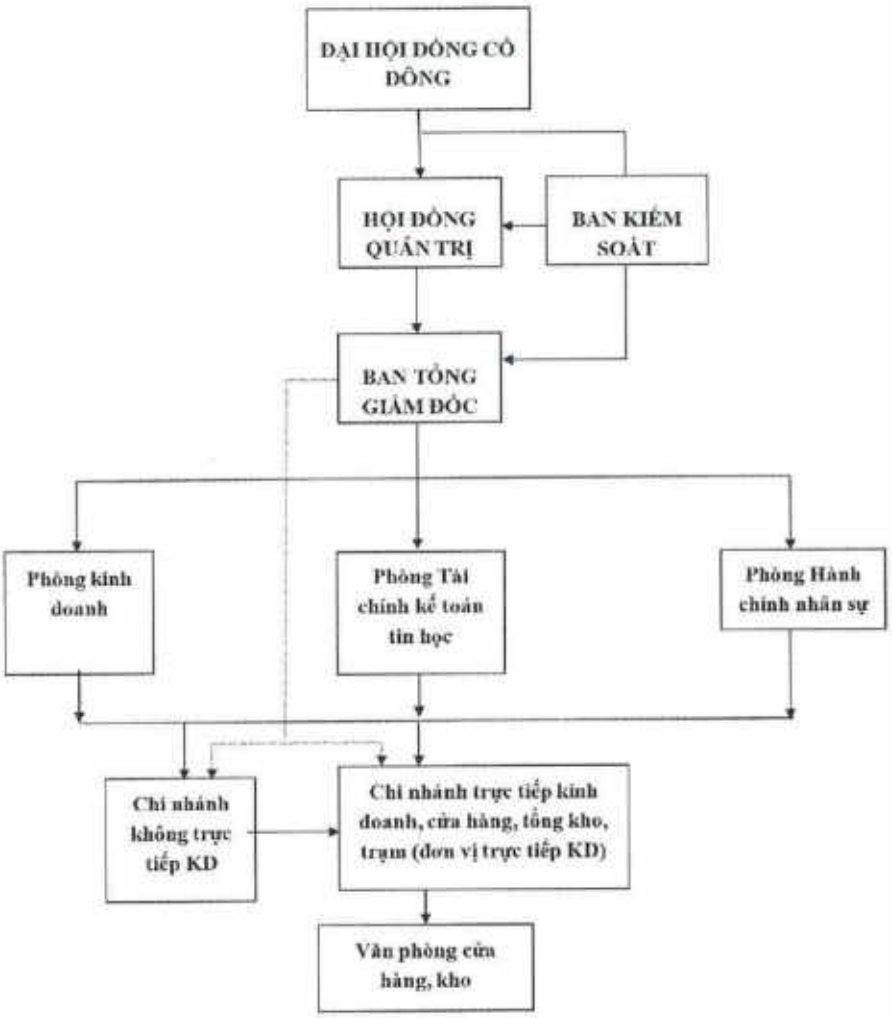
STT	Chi nhánh	Địa chỉ
1	Bạc Liêu	Lô B6, Đường D1, Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau
2	Sóc Trăng	Số 09/A Đường Quản lộ Phụng Hiệp, khóm 1, phường Ngã Năm, thành phố Cần Thơ.
3	TP. HCM	Số 43 đường số 6, Cư xá Bình Thới, Khu phố 27, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh.
4	Kiên Giang	Lô H14, số 11+12+13+14+15+16 đường Lê Hồng Phong, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, Việt Nam
5	Năm Căn	Số 607 Nguyễn Tất Thành, khóm Cái Nai, xã Năm Căn, tỉnh Cà Mau

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

13. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Hình 5. Cấu trúc bộ máy quản trị và quản lý của Công ty



(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Căn cứ các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc sẽ quản trị, giám sát và điều hành doanh nghiệp.

❖ **Đại hội đồng cổ đông**:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền, họp mỗi năm ít nhất một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**:

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Công ty được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền đại diện công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ được Đại hội đồng cổ đông

giao phó và uỷ quyền, cũng như phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề về quản lý và pháp lý của Công ty theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Một nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 5 năm và tổng số thành viên HĐQT độc lập, không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT.

❖ **Ban Kiểm soát**:

Ban kiểm soát của công ty có 3 thành viên do đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ 5 năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban TGĐ.

❖ **Ban Tổng Giám đốc**:

Ban Tổng giám đốc công ty gồm 4 người: 01 Tổng giám đốc và 3 Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các Phó Tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

❖ **Phòng Tài chính – Kế toán – Tin học**

- Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc công ty về lĩnh vực tài chính, kế toán, tin học. Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về việc tổ chức bộ máy kế toán, quản lý vốn và nguồn vốn đúng qui định; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hằng năm; tổ chức công tác hạch toán, quyết toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị theo quy định và yêu cầu của công ty.
- Thực hiện công tác quản trị, kiểm tra, kiểm soát nội bộ về: hàng hóa, tiền (tiền mặt và tiền gửi ngân hàng), tài sản, công nợ, chi phí phát sinh,…
- Chịu trách nhiệm quản lý dữ liệu, quản lý lưu trữ hồ sơ kế toán, quyết toán, báo cáo theo đúng qui định của pháp luật,…
- Kết hợp cùng các bộ phận khác tổ chức kiểm kê hàng hóa, tài sản ngẫu nhiên hoặc định kỳ để đánh giá tài sản, hàng hóa và đề xuất xử lý tồn tại phát sinh.

❖ **Phòng Kinh doanh**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc công ty về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh chung của công ty.
- Xây dựng chính sách bán hàng, khai thác nguồn hàng, quan hệ đối tác, soạn thảo văn bản, lập hợp đồng mua bán với đối tác,…
- Tổ chức công tác giao nhận hàng hóa an toàn, tiết kiệm, đúng qui định

❖ **Phòng Hành chính Nhân sự**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc công ty về công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, tuyển dụng,

sắp xếp, luân chuyển nhân sự,….

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, chế độ cho người lao động theo đúng quy định.
- Đánh giá hiệu quả công việc của người lao động và tính lương, thưởng.
- Thực hiện công tác quản trị văn phòng, công tác hồ sơ thủ tục pháp lý cho công ty và các đơn vị trực thuộc hoạt động đúng qui định.
- Theo dõi công tác ấn chỉ,….

❖ **Các đơn vị trực tiếp kinh doanh**

- Thực hiện đúng qui định của pháp luật, của Ban Tổng giám đốc, các phòng chức năng về tổ chức hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ kế toán, công tác quản lý, quản trị về nhân sự, hàng hóa, tài sản, vật chất, trang thiết bị, công nợ, tiền (tiền mặt và tiền gửi ngân hàng).
- Có trách nhiệm hướng dẫn, đào tạo nhân sự, đề xuất công việc của từng nhân sự tại đơn vị cho phù hợp năng lực.
- Quản lý, lưu giữ hóa đơn, chứng từ, sổ sách đúng quy định.

14. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

1.12. Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

➢ **Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng ("Công ty Long Hưng")**

- Trụ sở chính: 20 Nguyễn Thị Huỳnh, Phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303937088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh *(nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)* cấp lần đầu ngày 28/05/2005, thay đổi tùy từng thời điểm.
- Vốn điều lệ đăng ký: 500.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 500.000.000.000 đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính: kinh doanh xăng dầu, vận tải biển, vận tải nội địa.
- Tỷ lệ sở hữu tại CAMEX tại thời điểm 30/9/2026: 51%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ tại CAMEX tại thời điểm 30/9/2026: 51%.
- Tỷ lệ sở hữu của CAMEX tại Công ty Long Hưng tại thời điểm 30/9/2026: 0%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CAMEX tại Công ty Long Hưng tại thời điểm 30/9/2026: 0%.

1.13. Công ty con của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

➢ **Công ty Cổ phần In Bạc Liêu ("Công ty In Bạc Liêu")**

- Địa chỉ: 15 Hoàng Văn Thụ, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.

- Giấy chứng nhận ĐKKD số 1900128413 cấp lần đầu ngày 12/11/2004, thay đổi lần thứ 9, ngày 11/12/2025 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Tài Chính tỉnh Cà Mau.
- Vốn điều lệ đăng ký: 9.977.800.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 9.977.800.000 đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính: In ấn văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà Nước; in báo tạp chí, tập san, tài liệu giảng dạy và học tập, in nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của nhân dân.
- Tỷ lệ sở hữu tại CAMEX tại thời điểm 30/9/2026: 0%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ tại CAMEX tại thời điểm 30/9/2026: 0%.
- Tỷ lệ sở hữu của CAMEX tại Công ty In Bạc Liêu tại thời điểm 30/9/2026: 81,57%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của CAMEX tại Công ty In Bạc Liêu tại thời điểm 30/9/2026: 81,57%.

1.14. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau: Ngoài công ty mẹ là Công ty Long Hưng, không có công ty nào khác nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

1.15. Những công ty mà Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có.

15. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy CNĐKKD số 6103000105 ngày 01/12/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 70.000.000.000 đồng. Công ty không có đợt giảm vốn điều lệ nào kể từ ngày thành lập. Trong quá trình hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã thực hiện các đợt tăng vốn như sau:

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

Bảng 4. Quá trình tăng/ giảm vốn điều lệ của Công ty

Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp/thẩm quyền phê duyệt	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
1	15/01/2010	10.499.860.000	80.499.860.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 10% cho cổ đông hiện hữu và ESOP cho cán bộ CNV tỷ lệ 5%	- Đơn vị cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư; - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/10/2009; - Giấy CNĐKKD số 2000110221 thay đổi lần 5 ngày 15/01/2010.	Không thuộc trường hợp lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp do đây là đợt phát hành cổ phiếu thưởng và phát hành ESOP
2	28/09/2010	15.293.520.000	95.793.380.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 19%	- Đơn vị cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư; - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 09/04/2010; - Giấy CNĐKKD số 2000110221 thay đổi lần 6 ngày 28/9/2010.	Không thuộc trường hợp lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp do đây là đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức
3	03/04/2012	16.282.570.000	112.075.950.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu, phát hành ESOP cho cán bộ CNV tỷ lệ 5%	- Đơn vị cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 20/05/2011; - Giấy CNĐKKD số 2000110221 thay đổi lần 10 ngày 03/4/2012.	Không thuộc trường hợp lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp do đây là đợt phát hành cổ phiếu thưởng và phát hành ESOP
4	20/12/2012	8.963.170.000	121.039.120.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%	- Đơn vị cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 21/4/2012; - Giấy CNĐKKD số 2000110221 thay đổi lần 11 ngày 20/12/2012.	Không thuộc trường hợp lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp do đây là đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức
5	31/3/2021	60.519.560.000	181.558.680.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1	- Đơn vị cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 20/6/2020;	Ý kiến của Kiểm toán về Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo vốn chủ sở hữu tại ngày 18 tháng 3 năm 2021 số hiệu

Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp/thẩm quyền phê duyệt	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					- Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 358/GCN-UBCK ngày 31/12/2020 của Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước; - Giấy CNĐKKD số 2000110221 thay đổi lần 18 ngày 31/03/2021.	2106/21/BCKT/AUD-VVALUES của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ngày 22/3/2021: *"Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo vốn của chủ sở hữu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thời điểm ngày 18 tháng 3 năm 2021 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo vốn của chủ sở hữu."*

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

16. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện các khoản góp vốn, thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện.

17. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

17.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 5. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 28/07/2026

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	**Cổ đông trong nước**	**708**	**18.150.765**	**181.507.650.000**	**99,972%**
1	Tổ chức	07	12.912.364	129.123.640.000	71,120%
2	Cá nhân	701	5.238.401	52.384.010.000	28,852%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**08**	**5.103**	**51.030.000**	**0,028%**
1	Tổ chức	03	220	2.200.000	0,001%
2	Cá nhân	05	4.883	48.830.000	0,027%
III	**Tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**	**0**	**0**	**0**	**0,000%**
IV	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0**	**0,000%**
	Tổng cộng	**716**	**18.155.868**	**181.558.680.000**	**100%**

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty do VSDC cung cấp chốt tại ngày 28/7/2026)

1.16. Cổ phiếu ưu đãi: Không có.

1.17. Các loại chứng khoán khác: Không có.

18. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

a. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật:

Căn cứ Văn bản số 8752/UBCK-PTTT ngày 21/12/2021 của UBCKNN về Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau, theo đó, tỷ lệ sở

hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được xác định là 0%.

b. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại điều lệ công ty

Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau không quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.

c. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tại thời điểm 28/10/2026 theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của VSDC: 0,026%.

(Link: https://vsdc.vn:9994/VSD_PORTAL//ckeditor/601/59RBy_FOL_2810.pdf)

Căn cứ Văn bản số 8752/UBCK-PTTT ngày 21/12/2021 của UBCKNN về Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau, theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được xác định là 0%. Bên cạnh đó, đây là đợt chào bán cổ phiếu theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu. Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điểm b Khoản 56 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP, các cổ đông nước ngoài được phép thực hiện quyền mua cổ phiếu theo phương án phát hành đã được đại hội đồng cổ đông thông qua và đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại là 0,026%.

19. Hoạt động kinh doanh

19.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1 Mô tả sản phẩm chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng

Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại với các lĩnh vực đa dạng, phong phú, trong đó, kinh doanh xăng dầu và bách hóa là hai lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu. Thị trường chính của Công ty là tỉnh Cà Mau, đặc biệt tập trung vào thành phố Cà Mau – trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh. Bên cạnh đó, đối với lĩnh vực bách hóa và các lĩnh vực kinh doanh khác, Công ty còn mở rộng thị trường đến các tỉnh lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang...

❖ **Bán buôn và bán lẻ xăng dầu**

Là tỉnh cực Nam, Cà Mau có tiềm năng phát triển thủy sản lớn, giao thông đường thủy phát triển mạnh toàn tỉnh, các cụm dân cư bằng đường thủy. Hiểu được đặc thù này, Công ty đã chú trọng, đẩy mạnh việc bán buôn xăng dầu phục vụ cho các ghe tàu trong việc đánh bắt thủy hải sản thông qua các hợp đồng với các đại lý chuyên cung cấp các loại dịch vụ . Chiến lược này đã giúp Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau trở thành một trong những đơn vị đứng đầu về thị phần trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh, dù Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau không có nhiều lợi thế cạnh tranh trong mảng bán lẻ do vị trí các cửa hàng xăng dầu không thuận lợi so với một số doanh nghiệp khác.

Công ty sở hữu hệ thống gồm 10 cửa hàng bán lẻ và hơn 71 đại lý phân phối, tạo thành mạng lưới bán buôn và bán lẻ rộng khắp tỉnh Cà Mau, chỉ đứng sau Petrolimex Cà Mau về quy mô

bán lẻ. Trong mảng bán buôn, CMV là một trong những doanh nghiệp đứng đầu tỉnh về thị phần và doanh số, nhờ vào mối quan hệ lâu dài với các đại lý và khách hàng công nghiệp.

Về hoạt động bán buôn xăng dầu: Với lợi thế là một Công ty hoạt động lâu năm trên địa bàn tỉnh, đồng thời xuất phát từ một doanh nghiệp nhà nước được tỉnh chú trọng đầu tư phát triển, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đã kí kết các hợp đồng thường xuyên cung cấp xăng dầu, đặc biệt là dầu DO, cho một số đại lý phục vụ cho các ghe tàu đánh bắt thủy sản.

Hoạt động bán buôn xăng dầu của CMV tập trung vào cung cấp xăng, dầu diesel, dầu nhờn, và khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG). Đây là những sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu sản xuất, vận tải, và tiêu dùng trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nơi có nền kinh tế nông nghiệp và thủy sản phát triển mạnh. Với vị trí địa lý thuận lợi, công ty tận dụng được nhu cầu cao về nhiên liệu từ các ngành công nghiệp, đặc biệt là vận tải thủy và đánh bắt hải sản, vốn là thế mạnh của khu vực.

Về hoạt động bán lẻ xăng dầu: Công ty đã xây dựng hệ thống phân phối bán lẻ xăng dầu với 10 cửa hàng, chủ yếu tập trung tại thành phố Cà Mau, đặc biệt, có 3 cửa hàng nằm ngay trên đường quốc lộ 1A, là cửa ngõ đi vào các phường trung tâm tỉnh Cà Mau, còn lại rải rác ở các xã như Năm Căn, Cái Nước và Đầm Dơi.

Tuy nhiên, biên lợi nhuận từ bán lẻ xăng dầu thường thấp hơn so với bán buôn, do chi phí vận hành cửa hàng và cạnh tranh giá với các đối thủ lớn như Petrolimex. CMV đã nỗ lực cải thiện hiệu quả bằng cách nâng cấp cơ sở vật chất, đã chi 12,75 tỷ đồng để cải tạo cửa hàng và gần 7 tỷ đồng cho hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) trong năm 2022. Những khoản đầu tư này nhằm đáp ứng các quy định pháp lý và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Hình 6. Hình ảnh các cửa hàng xăng dầu của CMV









❖ **Kinh doanh cửa hàng bách hóa**

Lĩnh vực kinh doanh bách hóa có thể coi là hoạt động kinh doanh truyền thống của Công ty, xuất phát từ lịch sử hình thành là một Công ty Bách Hóa tổng hợp của tỉnh. Lĩnh vực này chiếm khoảng 70% cơ cấu doanh thu của Công ty.

Công ty đã xây dựng một hệ thống các cửa hàng bách hóa tự chọn khắp tỉnh Cà Mau và một số tỉnh lân cận như Cần Thơ, An Giang,... Sản phẩm của các cửa hàng này khá đa dạng, bao gồm hàng tiêu dùng, thực phẩm,... Với tiêu chí đem lại sự tiện dụng cho người tiêu dùng, các cửa hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm của Công ty được xây dựng theo kiểu là các cửa hàng nhỏ với diện tích khoảng 80m^2 nhưng tiện dụng, phong phú về chủng loại mặt hàng, người tiêu dùng được tự do chọn lựa sản phẩm trong cửa hàng. Công ty cũng đã tận dụng vị trí của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu để đặt các cửa hàng bách hóa cạnh đó. Tuy nhiên, để phù hợp với thị trường tỉnh Cà Mau, các sản phẩm của cửa hàng đã được bán với giá cả không cao hơn so với bên ngoài.

Hình 7. Hình ảnh các cửa hàng của CMV

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]




Cửa hàng thực phẩm Cà Mau


CỬA HÀNG NÔNG NGƯ CỤ CÀ MAU




CÀ MAU
JVC
SHARP
TOSHIBA
SAMSUNG
Caribbean
HANSINCO

❖ **Kinh doanh các ngành nghề khác**

Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh một số mặt hàng khác như hàng kim khí điện máy, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, trang thiết bị điện tử tin học, máy văn phòng,…

10.1.2 Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có tính thời vụ. Hoạt động kinh doanh xăng dầu và kinh doanh cửa hàng bách hóa của CMV chịu ảnh hưởng từ các yếu tố thời vụ liên quan đến đặc thù kinh tế và khí hậu tại Cà Mau. Là một tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, Cà Mau có nền kinh tế phụ thuộc vào nông nghiệp và thủy sản, với hai mùa chính là mùa khô (tháng 11 đến tháng 4) và mùa mưa (tháng 5 đến tháng 10). Những yếu tố này, cùng với các dịp lễ hội, ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu dùng và nhu cầu xăng dầu.

Mùa cao điểm (tháng 11-4) là mùa khô ở miền Tây Nam Bộ, thời điểm diễn ra các hoạt động sản xuất nông nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản cao điểm. Ngành thủy sản, đặc biệt là đánh bắt xa bờ, tiêu thụ một lượng lớn dầu diesel cho tàu thuyền. Nhu cầu xăng dầu tăng mạnh trong giai đoạn này, đặc biệt từ các khách hàng công nghiệp và đại lý phân phối. Điều này cũng thúc đẩy chi tiêu cho các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu như thực phẩm, hóa mỹ phẩm, và đồ gia dụng, đặc biệt tại các cửa hàng bách hóa

Ngoài ra, dịp Tết Nguyên Đán (thường rơi vào tháng 1 hoặc tháng 2) là thời kỳ cao điểm tiêu thụ xăng dầu do nhu cầu vận chuyển hàng hóa, đi lại tăng cao. Các doanh nghiệp vận tải và hộ gia đình sử dụng nhiều nhiên liệu hơn để phục vụ logistics và du xuân. Đồng thời, nhu cầu mua sắm hàng hóa tiêu dùng tăng mạnh, đặc biệt là thực phẩm (bánh kẹo, đồ khô, nước giải khát), đồ gia dụng, và quà tặng. Các hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ tăng chi tiêu để chuẩn bị cho Tết, dẫn đến doanh thu bách hóa của CMV tăng đáng kể.

Mùa thấp điểm (tháng 5 đến tháng 10) là mùa mưa, làm giảm hoạt động đánh bắt xa bờ và sản xuất nông nghiệp, dẫn đến nhu cầu xăng dầu giảm. Các tàu thuyền hạn chế ra khơi do thời tiết xấu, đặc biệt trong các tháng mưa bão cao điểm (tháng 8-10). Ngoài ra, mùa mưa làm giảm hoạt động kinh tế, đặc biệt là đánh bắt xa bờ và sản xuất nông nghiệp, dẫn đến thu nhập của người dân giảm. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chi tiêu cho các mặt hàng bách hóa không thiết yếu, như đồ gia dụng cao cấp hoặc sản phẩm xa xỉ. Nhu cầu chủ yếu tập trung vào các mặt hàng cơ bản như thực phẩm khô và hóa mỹ phẩm.

10.1.3 Sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của từng loại sản phẩm qua các năm

Bảng 6. Sản lượng kinh doanh xăng dầu của Công ty qua các năm

Đơn vị tính : Lít

Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	09 tháng đầu năm 2026
Xăng Ron 95 Mức 3	13.117.119	14.645.434	6.397.197
Xăng E10 Ron 95 Mức 3	0	0	4.931.173

Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	09 tháng đầu năm 2026
Xăng E5 Ron 92 Mức 2	2.063.605	1.637.679	444
Dầu Điêzen 0,05S Mức 2	25.112.918	33.592.301	19.354.476
Dầu Điêzen 0,001S Mức 5	0	0	371.792
Tổng cộng	**40.293.642**	**49.875.414**	**31.055.082**

(Nguồn : CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

Bảng 7. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị tính : triệu đồng

Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		09 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần bán hàng bách hóa	3.312.074	72,00%	3.517.912	74,43%	2.408.527	70,04%
Doanh thu thuần bán hàng xăng dầu	890.041	19,35%	903.763	19,12%	772.452	22,46%
Doanh thu thuần khác	398.171	8,66%	304.942	6,45%	257.748	7,50%
Tổng cộng	**4.600.286**	**100%**	**4.726.617**	**100%**	**3.438.727**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Bảng 8. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính : triệu đồng

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		09 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần bán hàng bách hóa	3.312.074	71,86%	3.517.912	74,42%	2.408.527	70,04%
Doanh thu thuần bán hàng xăng dầu	890.041	19,31%	903.763	19,12%	772.452	22,46%
Doanh thu thuần khác	406.860	8,83%	305.386	6,46%	257.748	7,50%
Tổng cộng	**4.608.975**	**100%**	**4.727.061**	**100%**	**3.438.727**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Doanh thu thuần bán lẻ bách hóa và điện máy

Trong năm vừa qua, mảng bách hóa tiếp tục là nguồn doanh thu chủ lực của CMV, chiếm hơn 70% tổng doanh thu. Hoạt động bán lẻ bách hóa trong năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng tích cực với tăng trưởng hơn 6,21%. Động lực đứng sau sự tăng trưởng này là sự khởi sắc của nền kinh tế Việt Nam, với GDP tăng trưởng tốt khoảng 8,02%, đã kéo theo thu nhập bình quân đầu người cải thiện đáng kể. Đồng thời, các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ, như giảm thuế VAT và duy trì lãi suất ở mức hợp lý, đã kích thích chi tiêu tiêu dùng, tạo điều kiện để doanh thu bán lẻ bách hóa của công ty tiếp tục tăng trưởng ổn định.

Trong 09 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần bán lẻ bách hóa đạt 2.408.527 triệu đồng, chiếm 70,04% tổng doanh thu thuần, tiếp tục là mảng kinh doanh chủ lực của Công ty; tỷ trọng giảm so với mức 74,42% của cả năm 2025 chủ yếu do trong kỳ Công ty thanh lý ngành hàng Masan. Với hệ thống cửa hàng bách hóa phủ rộng tại Cà Mau và các khu vực lân cận, đây vẫn là động lực dẫn dắt doanh thu của Công ty.

Doanh thu thuần bán hàng xăng dầu

Mảng kinh doanh xăng dầu của CMV, chiếm khoảng 20% tổng doanh thu, đã ghi nhận mức tăng trưởng 1,54% so với cùng kỳ. Năm 2025, giá dầu thế giới hạ nhiệt cùng với chính sách nới lỏng tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người tiêu dùng tiếp cận nhiên liệu với chi phí hợp lý hơn. Theo đó, hoạt động của CMV chủ yếu tập trung tại Cà Mau và các tỉnh lân cận, khu vực có thế mạnh về nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và vận tải đường biển. Sự phục hồi của nền kinh tế kéo theo nhu cầu nhiên liệu gia tăng, đặc biệt từ các đội tàu đánh bắt và các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan. Nhờ đó, mảng xăng

dầu của CMV tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, đóng góp đáng kể vào doanh thu chung, đồng thời củng cố vị thế của công ty trên thị trường bán lẻ nhiên liệu khu vực.

Trong 09 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần bán hàng xăng dầu đạt 772.452 triệu đồng, chiếm 22,46% tổng doanh thu thuần, tăng 47,05% so với cùng kỳ năm 2025 và tăng về tỷ trọng so với mức 19,12% của cả năm 2025. Giai đoạn đầu năm trùng với mùa cao điểm khô và dịp Tết Nguyên đán tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nhu cầu nhiên liệu phục vụ đánh bắt thủy sản và vận tải duy trì ở mức khá, giúp mảng xăng dầu tiếp tục là nguồn thu quan trọng thứ hai của Công ty.

Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và doanh thu khác

Năm 2025, doanh thu khác ghi nhận mức giảm hơn 24,9% so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ các hoạt động bán gas, điện máy, các mặt hàng khác và dịch vụ vận tải xăng dầu. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh gas giảm, nguyên nhân đến từ tình trạng thiếu hụt nguồn cung khí hiện hữu và các vướng mắc trong chính sách liên quan đến khí LNG, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đầu tư và kinh doanh LNG trong kỳ. Trước tình hình đó, Công ty đã chủ động làm việc với các cơ quan chức năng để tháo gỡ các nút thắt chính sách, hướng đến đảm bảo ổn định nguồn cung và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh LNG trong thời gian tới.

Trong 09 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và doanh thu khác đạt 257.748 triệu đồng, chiếm 7,5% tổng doanh thu thuần, tăng nhẹ về tỷ trọng so với cả năm 2025 (6,46%).

Bảng 9. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị tính : triệu đồng

Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		09 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp từ bán hàng bách hóa	140.855	74,20%	153.954	74,11%	99.720	61,39%
Lợi nhuận gộp từ bán hàng xăng dầu	29.311	15,44%	32.640	15,71%	43.622	26,85%
Lợi nhuận gộp khác	19.655	10,36%	21.142	10,18%	19.095	11,76%
Tổng cộng	**189.821**	**100%**	**207.736**	**100%**	**162.437**	**100%**

(Nguồn:CMV, BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Bảng 10. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính : triệu đồng

Khoản mục	Năm 2024		Năm 2025		09 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp từ bán hàng bách hóa	140.855	74,56%	153.954	74,36%	99.720	61,39%
Lợi nhuận gộp từ bán hàng xăng dầu	29.311	15,52%	32.640	15,77%	43.622	26,85%
Lợi nhuận gộp khác	18.729	9,92%	20.442	9,87%	19.095	11,76%
Tổng cộng	**188.895**	**100%**	**207.036**	**100%**	**162.437**	**100,00%**

(Nguồn: CMV, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Lợi nhuận gộp từ bán hàng bách hóa

Trong năm 2025, mảng bách hóa tiếp tục là nguồn lợi nhuận gộp chủ đạo của Công ty, đóng góp 74,36% tổng lợi nhuận gộp (giảm nhẹ so với mức 74,56% của năm 2024). Lợi nhuận gộp từ mảng này đạt 153.954 triệu đồng, tăng 9,30% so với năm 2024.

Trong 09 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận gộp từ bán hàng bách hóa đạt 99.720 triệu đồng, chiếm 61,39% tổng lợi nhuận gộp. Tỷ trọng đóng góp giảm đáng kể so với mức bình quân trên 74% của các năm trước, chủ yếu do mảng xăng dầu ghi nhận biên lợi nhuận cao hơn, làm thay đổi cơ cấu lợi nhuận gộp giữa các mảng; tuy vậy, bách hóa vẫn là nguồn đóng góp lợi nhuận gộp lớn nhất của Công ty.

Lợi nhuận gộp từ bán hàng xăng dầu

Mảng xăng dầu chiếm khoảng 15-16% tổng lợi nhuận gộp qua các năm và tiếp tục là nguồn lợi nhuận ổn định thứ hai. Năm 2025, lợi nhuận gộp từ mảng này đạt 32.640 triệu đồng, tăng 11,36% so với năm 2024 (29.311 triệu đồng), chủ yếu do biên lợi nhuận gộp xăng dầu được cải thiện nhờ tiết kiệm chi phí vận hành.

Trong 09 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận gộp từ bán hàng xăng dầu đạt 43.622 triệu đồng, chiếm 26,85% tổng lợi nhuận gộp – tăng mạnh về tỷ trọng so với mức 15–16% của các năm trước. Nguyên nhân đến từ nhu cầu nhiên liệu tăng cao trong mùa cao điểm khô đầu năm cùng với biên lợi nhuận gộp xăng dầu được cải thiện, giúp mảng này trở thành nguồn đóng góp lợi nhuận gộp lớn thứ hai và thu hẹp đáng kể khoảng cách với mảng bách hóa.

Lợi nhuận gộp khác

Phần lợi nhuận gộp khác (chủ yếu từ kinh doanh gas, điện máy, dịch vụ vận tải và các hoạt động phụ trợ) chiếm tỷ trọng 9-10%. Năm 2025 ghi nhận 20.442 triệu đồng (tăng 9,15% so với năm 2024), do doanh thu các nhóm hàng như: Bách hóa, xăng dầu và điện máy tăng so với cùng kỳ.

Trong 09 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận gộp khác đạt 19.095 triệu đồng, chiếm 11,76% tổng lợi nhuận gộp, duy trì tỷ trọng tương đối ổn định so với mức bình quân của các năm trước.

19.2. Tài sản

Bảng 11. Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2024 theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL / NG (%)
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**139.484.013.879**	**50.435.271.792**	**36,16%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	89.030.623.246	31.312.077.992	35,17%
2	Máy móc, thiết bị	3.380.901.558	0	0,00%
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	44.408.169.356	17.678.112.217	39,81%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.664.319.719	1.445.081.583	54,24%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**37.148.966.663**	**35.175.642.500**	**94,69%**
1	Quyền sử dụng đất	36.299.745.183	35.175.642.500	96,90%
2	Phần mềm máy tính	849.221.480	0	0,00%
Tổng cộng		**176.632.980.542**	**85.610.914.292**	**48,47%**

(Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty)

Bảng 12. Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2025 theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL / NG (%)
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**152.795.697.234**	**56.148.090.620**	**36,75%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	90.873.941.897	27.797.428.402	30,59%

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL / NG (%)
2	Máy móc, thiết bị	3.380.901.558	0	0,00%
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	55.876.534.060	27.108.339.007	48,51%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.664.319.719	1.242.323.211	46,63%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**37.148.966.663**	**35.092.147.628**	**94,46%**
1	Quyền sử dụng đất	36.299.745.183	35.092.147.628	96,67%
2	Phần mềm máy tính	849.221.480	0	0,00%
Tổng cộng		**189.944.663.897**	**91.240.238.248**	**48,04%**

(Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty)

Bảng 13. Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/09/2026 theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL / NG (%)
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**159.113.870.075**	**55.902.080.470**	**35,13%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	95.695.006.388	28.658.354.893	29,95%
2	Máy móc, thiết bị	3.380.901.558	0	0,00%
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	57.075.506.047	25.953.221.163	45,47%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.962.456.082	1.290.504.414	43,56%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**42.271.880.867**	**39.714.063.376**	**93,95%**
1	Quyền sử dụng đất	40.540.846.887	38.833.883.862	95,79%
2	Phần mềm máy tính	1.731.033.980	880.179.514	50,85%
Tổng cộng		**201.385.750.942**	**95.616.143.846**	**47,48%**

(Nguồn: BCTC riêng Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Bảng 14. Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2024 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL / NG (%)
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**173.493.237.986**	**53.913.523.752**	**31,08%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	93.270.418.775	31.825.497.647	34,12%
2	Máy móc, thiết bị	30.706.730.342	2.249.832.305	7,33%
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	46.396.288.023	18.393.112.217	39,64%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.717.723.748	1.445.081.583	53,17%
5	Tài sản cố định hữu hình khác	402.077.098	0	0,00%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**37.148.966.663**	**35.175.642.500**	**94,69%**
1	Quyền sử dụng đất	36.299.745.183	35.175.642.500	97%
2	Phần mềm máy tính	849.221.480	0	0%
Tổng cộng		**210.642.204.649**	**89.089.166.252**	**42,29%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty)

Bảng 15. Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2025 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL / NG (%)
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**158.662.742.983**	**56.582.522.639**	**35,66%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	95.113.737.426	28.231.860.421	29,68%
2	Máy móc, thiết bị	3.690.596.747	0	0,00%
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	57.074.016.364	27.108.339.007	47,50%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.739.956.082	1.242.323.211	45,34%
5	Tài sản cố định hữu hình khác	44.436.364	0	0,00%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**37.148.966.663**	**35.092.147.628**	**94,46%**

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL / NG (%)
1	Quyền sử dụng đất	36.299.745.183	35.092.147.628	96,67%
2	Phần mềm máy tính	849.221.480	0	0,00%
Tổng cộng		**195.811.709.646**	**91.674.670.267**	**46,82%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty)

Bảng 16. Giá trị tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/09/2026 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL / NG (%)
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**164.980.915.824**	**56.277.271.762**	**34,11%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	99.934.801.917	29.033.546.185	29,05%
2	Máy móc, thiết bị	3.690.596.747	0	0,00%
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	58.348.624.714	25.953.221.163	44,48%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.962.456.082	1.290.504.414	43,56%
5	Tài sản cố định hữu hình khác	44.436.364	0	0,00%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**42.271.880.867**	**39.714.063.376**	**93,95%**
1	Quyền sử dụng đất	40.540.846.887	38.833.883.862	95,79%
2	Phần mềm máy tính	1.731.033.980	880.179.514	50,85%
Tổng cộng		**207.252.796.691**	**95.991.335.138**	**46,32%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Bảng 17. Một số tài sản có giá trị lớn tính đến thời điểm 30/09/2026

Đơn vị tính: đồng, %

Stt	Tên tài sản	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị còn lại tại 30/09/2026 (VNĐ)	% giá trị còn lại/Nguyên giá
1	Văn phòng công ty 70-72-74-76 Đề Thám	2.489.268.293	574.534.426	23,08%
2	Xe tải Hino 15,6T 69C 024.20 (Đời 2015)	1.532.865.819	0	0,00%
3	Xe ô tô Honda CRV 1.5 MID (G) 51G 775.89 (7 chỗ đời 2018)	1.034.209.091	249.533.871	24,13%
4	Xe ô tô xi téc (chở xăng 12m3) ISUZU FVR34LE4 69C-090.95 (Đời 2022)	1.324.335.185	949.106.867	71,67%
5	Xe tải ChengLong LZ1340H7GBT/TTCM-KM2 69C 093.96 21.25T (Đời 2024)	1.595.225.926	1.212.814.833	76,03%
6	Hệ thống PCCC_CHXD Cái Nai - BH Năm Căn	1.605.910.225	754.039.469	46,95%
7	Kho Bách hóa Lương Thế Trân	1.066.669.997	86.045.512	8,07%
8	Hệ thống PCCC - Kho CNTP Huyện + XD Lương Thế Trân	1.990.810.584	701.692.566	35,25%
9	Cửa hàng Bách hóa Năm Căn (Ấp Cái Nai)	2.905.082.834	762.999.534	26,26%
10	Tổng kho Định Bình	2.508.101.376	0	0,00%
11	CH CN TP Trà Kha (2015)	6.207.487.077	3.298.325.133	53,13%
12	Kho-CH CN TP Trà Kha (2019)	3.104.855.974	2.056.967.075	66,25%
13	Cửa hàng BH Phường 5 (Xây dựng)	1.825.052.727	0	0,00%
14	CH Công nghệ Thành Phố Cà Mau (mới)	4.649.833.367	1.069.946.023	23,01%
15	Kho CH CNTP Thành Phố (Licogi 2)	1.997.194.001	948.494.461	47,49%
16	Hệ thống PCCC kho Licogi	2.789.058.623	1.212.285.357	43,47%
17	CN CTy CP TN Cà Mau tại Kiên Giang	2.263.878.876	0	0,00%

Stt	Tên tài sản	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị còn lại tại 30/09/2026 (VNĐ)	% giá trị còn lại/Nguyên giá
18	TT Phân Phối Hàng Tiêu Dùng Cà Mau-Bạc Liêu	3.626.154.602	546.404.661	15,07%
19	Kho TT PPHTD Cà Mau-Bạc Liêu (2015)	2.029.276.690	574.961.757	28,33%
20	Văn Phòng + Kho CH CNTP Ngã Năm	3.536.584.953	2.124.950.937	60,08%
21	Trạm Chiết Nạp Gas Định Bình (XDCB)	2.738.615.583	367.499.291	13,42%
22	CH Xăng Dầu Hưng Mỹ	1.768.973.703	316.941.177	17,92%
23	Hệ thống PCCC kho HTD Hưng Mỹ	1.163.317.561	697.990.537	60,00%
24	CH Xăng Dầu Tắc Thủ (Xây dựng)	2.428.621.614	518.241.411	21,34%
25	Kho Bách hóa Hộ Phòng	1.155.871.648	0	0,00%
26	Kho Bách hóa Hộ Phòng (2015)	1.085.418.865	580.909.780	53,52%
27	Cửa Hàng PP Hàng Tiêu Dùng Bạc Liêu	2.029.190.309	465.022.824	22,92%
28	Văn phòng +kho Cửa hàng bách Hóa An Minh	1.810.618.313	694.070.351	38,33%
29	Kho Bách Hóa An Minh 2	1.003.027.741	501.513.889	50,00%
30	Tàu sắt CM 26145 (2024 - 33 m3)	1.204.841.145	960.247.248	79,70%
31	Tàu sắt CM 26147 (2024 - 33 m3)	1.205.091.145	960.446.470	79,70%
32	Lưu lượng kế UF-II 4inch LR814-422 F114-050 (mới 100%)	1.346.240.000	1.030.247.595	76,53%
33	Quyền sử dụng đất (TT PP Hàng Tiêu Dùng)	6.928.727.273	6.928.727.273	100,00%
34	Quyền sử dụng đất_Huyện Cái Nước_CHXD Hưng Mỹ	1.492.125.600	1.325.107.565	88,81%

Stt	Tên tài sản	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị còn lại tại 30/09/2026 (VNĐ)	% giá trị còn lại/Nguyên giá
35	Quyền SD đất 82/4 Trần Phú, TX Bạc Liêu	5.650.400.000	5.650.400.000	100,00%
36	Quyền SD đất 98-99 Trần Phú, TX Bạc Liêu	2.720.000.000	2.720.000.000	100,00%
37	Quyền SD đất 44/6 Trần Phú, TX Bạc Liêu	2.455.152.000	2.455.152.000	100,00%
38	Quyền sử dụng đất_CHXD Tắc Thủ	2.700.000.000	2.590.484.512	95,94%
39	Quyền sử dụng đất (Lô A)_Ấp 2, TT Hộ phòng, Bạc Liêu (10 lô)	2.360.340.000	2.360.340.000	100,00%
40	Quyền sử dụng đất -Huyện An Biên (CH BH An Minh)	1.077.300.000	1.077.300.000	100,00%
41	Quyền SD đất 43 Đ.số 6, CX Bình Thới, TP.HCM	3.431.700.000	2.977.855.684	86,77%
	Tổng cộng	**97.837.428.720**	**52.301.600.089**	**53,46%**

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

19.3. Thị trường hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chỉ thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, toàn bộ doanh thu, lợi nhuận của Công ty từ năm 2024 đến nay là tại thị trường trong nước.

19.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính.

10.4.1 Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư

- **Tình hình đầu tư vào công ty con và góp vốn vào đơn vị khác:**

Bảng 18. Tình hình đầu tư tại công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên công ty	31/12/2024			31/12/2025			30/09/2026		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
I	**Đầu tư vào công ty con**	**5.859,62**	**5.859,62**	**0,00**	**7.217,42**	**6.044,37**	**(1.173,04)**	**8.505,62**	**6.745,16**	**(1.760,46)**
1	Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	5.859,62	5.859,62	0,00	7.217,42	6.044,37	(1.173,04)	8.505,62	6.745,16	(1.760,46)
II	**Đầu tư vào đơn vị khác**	**8.499,58**	**5.254,16**	**(3.245,41)**	**8.499,58**	**4.639,61**	**(3.859,97)**	**8.499,58**	**4.301,51**	**(4.198,07)**
1	CP Sabeco Sông Hậu	21,50	21,50	0,00	21,50	21,50	0,00	21,50	21,50	-
2	Tổng Công ty CP Petec	4.186,37	1.574,87	(2.611,50)	4.186,37	817,34	(3.369,03)	4.186,37	737,60	(3.448,77)
3	CP XD Dầu khí Sài Gòn	3.000,00	3.000,00	0,00	3.000,00	3.000,00	0,00	3.000,00	3.000,00	-
4	CP XD Dầu khí Nam Định	312,00	129,41	(182,59)	312,00	133,33	(178,67)	312,00	137,25	(174,75)
5	CP Cà phê Petec	426,00	232,14	(193,86)	426,00	249,66	(176,34)	426,00	105,12	(320,88)
6	CP Xi măng Hà Tiên 1	553,71	296,24	(257,46)	553,71	417,78	(135,93)	553,71	300,04	(253,66)
	TỔNG CỘNG (I + II)	**14.359,20**	**11.113,79**	**(3.245,41)**	**15.717,00**	**10.683,99**	**(5.033,01)**	**17.005,20**	**11.046,67**	**(5.958,52)**

(*) Giá trị hợp lý/ hoặc giá trị có thể thu hồi cho các khoản đầu tư:

- *Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc các khoản đầu tư có thể xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, giá trị hợp lý/ hoặc giá trị có thể thu hồi được xác định theo giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ tài chính.*
- *Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý/ hoặc giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính tại ngày kết thúc kỳ tài chính.*

- **Tình hình đầu tư tài sản**

Công ty đã đầu tư vào (1) Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho các cửa hàng và kho hàng, (2) Cải tạo và sửa chữa các cửa hàng hiện hữu, (3) Mua thêm các xe tải để phục vụ hoạt động vận chuyển hàng hóa.

Bảng 19. Tình hình đầu tư tài sản của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên tài sản	Thời điểm đầu tư	Giá trị đầu tư
I	**Hệ thống phòng cháy chữa cháy**		**4.480.819.164**
1	Hệ thống PCCC_CHXD Cái Nai - BH Năm Căn	02/06/2024	1.605.910.225
2	Hệ thống PCCC_kho HTD Hưng Mỹ	01/10/2024	1.163.317.561
3	Hệ thống PCCC_Tổng kho Định Bình	07/03/2025	775.864.390
4	Hệ thống PCCC_kho BTA CH Công Nghệ Huyện	18/06/2025	935.726.988
II	**Cải tạo sửa chữa cửa hàng**		**6.262.570.178**
1	Sửa chữa CHXD Tắc Thủ	T05/2024	722.375.383
2	Sửa chữa văn phòng CHBH An Minh	T09/2024	132.325.151
3	Sửa chữa văn phòng, nhà kho Hộ Phòng	T12/2024	123.530.703
4	Hệ thống bồn chứa xăng dầu Tổng kho Định Bình	15/01/2025	2.092.492.862
5	Sửa chữa kho Vinamilk CHCNRTP Trà Kha	T01/2025	728.924.413
6	Sửa chữa công trình kho Nguyễn Văn Trỗi	T10/2025	281.355.373
7	Mua lưu lượng kế Tổng kho Định Bình	15/11/2024	1.346.240.000
8	Lắp đặt thiết bị xuất hóa đơn từng lần bán hàng các CH Xăng dầu	T04/2025	835.326.293
III	**Phương tiện phục vụ vận chuyển hàng hóa**		**12.356.738.215**

Stt	Tên tài sản	Thời điểm đầu tư	Giá trị đầu tư
1	Xe tải Hino 14,5T 69C 093.78 CH Gas Tân Thành	17/04/2024	1.645.911.111
2	Xe tải ChengLong 69C 093.96 21.25T PKD	09/05/2024	1.595.225.926
3	Tàu sắt CM 26145 Tổng kho Định Bình	24/04/2024	1.204.841.145
4	Tàu sắt CM 26147 Tổng kho Định Bình	24/04/2024	1.205.091.145
5	Xe tải ISUZU NQR75LE4A 69C-114.76 CH Công Nghệ Huyện	04/06/2025	813.496.296
6	Xe tải Isuzu 5.6 tấn 69C-114.41 CHBH Năm Căn	26/07/2025	822.009.630
7	Xe tải ISUZU 15T 69A-307.72	17/08/2025	1.783.070.370
8	Xe tải ISUZU 6,4T 69A-307.84 CN Kiên Giang	25/08/2025	960.114.815
9	Xe tải ISUZU 69A-307.87 3.5 tấn - CH Công Nghệ Huyện	01/10/2025	775.659.259
10	Xe tải ISUZU 3.5 tấn 69A-307.90 - CH Trà Kha	01/10/2025	775.659.259
11	Xe tải ISUZU 3.5T 69A-308.12 -CN Kiên Giang	08/10/2025	775.659.259

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

- **Đánh giá hiệu quả đầu tư:**
- ***Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và góp vốn vào đơn vị khác:***

Tính đến ngày 30/09/2026, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đầu tư trực tiếp vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần In Bạc Liêu và tham gia góp vốn vào 06 đơn vị khác. Các khoản đầu tư này chủ yếu mang tính dài hạn, gắn với định hướng mở rộng chuỗi giá trị và hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.

Xét về góc độ hoạt động, khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần In Bạc Liêu giúp Công ty chủ động một phần khâu in ấn, bao bì phục vụ cho hoạt động thương mại; trong khi đó, các khoản góp vốn vào các đơn vị khác thuộc các lĩnh vực xăng dầu, vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng góp phần đa dạng hóa danh mục đầu tư và mở rộng quan hệ hợp tác kinh doanh của Công ty.

Việc đầu tư vào các công ty con, đơn vị khác bước đầu đòi hỏi nguồn vốn tương đối lớn cũng như cần thời gian để phát huy hiệu quả. Đối với phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá gốc của một số khoản đầu tư, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định nên không ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế. Công ty tin tưởng rằng cùng với sự cải thiện trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư sẽ từng bước phát huy hiệu quả trong giai đoạn tới.

- **Đối với các khoản đầu tư vào tài sản:**

Trong giai đoạn năm 2024 – 09 tháng đầu năm 2026, Công ty đã đầu tư khoảng 23,10 tỷ đồng vào tài sản phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh, bao gồm: (i) Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho các cửa hàng, kho hàng (4,48 tỷ đồng); (ii) Cải tạo, sửa chữa các cửa hàng, kho hàng hiện hữu (6,26 tỷ đồng); và (iii) Phương tiện phục vụ vận chuyển hàng hóa (12,36 tỷ đồng).

Các khoản đầu tư này đều gắn liền với hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty: đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy giúp bảo đảm an toàn và tuân thủ quy định pháp luật; cải tạo, sửa chữa cửa hàng và kho hàng góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và bảo quản hàng hóa; đầu tư phương tiện vận tải giúp Công ty chủ động khâu vận chuyển, giảm chi phí thuê ngoài và mở rộng năng lực phân phối. Do đó, các khoản đầu tư vào tài sản được đánh giá là phù hợp và mang lại hiệu quả thiết thực, hỗ trợ trực tiếp cho tăng trưởng doanh thu và hiệu quả hoạt động của Công ty.

10.4.2 Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng được mở rộng, phát triển và hiệu quả kinh doanh được cải thiện qua hàng năm, cụ thể:

Trong năm qua, sự tăng trưởng của nền kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhờ vào chiến lược kinh doanh hiệu quả cùng sự nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo và nhân viên, tổng doanh thu năm 2025 vượt kế hoạch, đạt mức 102,74% so với mục tiêu đề ra. Thành quả này phản ánh khả năng thích ứng linh hoạt của Công ty trước những biến động thị trường và hiệu quả của các chính sách điều hành.

So với năm 2024, doanh thu của Công ty CMV cũng ghi nhận mức tăng 2,75%, đạt hơn 4.726 tỷ đồng. Bán lẻ bách hóa tiếp tục là mảng kinh doanh chủ lực, chiếm hơn 70% tổng doanh thu, nhờ vào sự phục hồi kinh tế, chính sách hỗ trợ tiêu dùng. Bên cạnh đó, mảng xăng dầu đóng góp khoảng 20% doanh thu, tăng trưởng 2,04% do nhu cầu tiêu thụ được duy trì ổn định bởi sự ổn định giá dầu và sự phát triển của ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông. Tận dụng hiệu quả cơ hội từ nền kinh tế đang phục hồi, Công ty cũng đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong vận hành, đồng thời mở rộng quy mô bán lẻ thông qua hệ thống cửa hàng hiện hữu. Song song đó, Công ty luôn chú trọng mở rộng cơ hội kinh doanh mới, đảm bảo tốc độ tăng trưởng bền vững trên nền tảng sử dụng nguồn vốn hiệu quả và cân đối.

Bước sang năm 2026, đà tăng trưởng của Công ty tiếp tục được duy trì. Trong 09 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.438,73 tỷ đồng (tăng 5,81% so với cùng kỳ năm 2025) và lợi nhuận gộp đạt 162,44 tỷ đồng (tăng 23,18% so với cùng kỳ). Trong đó, bán lẻ

bách hóa vẫn giữ vai trò chủ lực khi chiếm 70,04% doanh thu thuần; đáng chú ý, mảng xăng dầu ghi nhận sự cải thiện rõ nét về hiệu quả khi tỷ trọng đóng góp vào lợi nhuận gộp tăng lên 26,85% (so với mức bình quân khoảng 15–16% của các năm trước), phản ánh biên lợi nhuận của hoạt động kinh doanh nhiên liệu được mở rộng trong kỳ.

Kết quả trên có được một phần nhờ những điều kiện vĩ mô thuận lợi. Theo số liệu của Cục Thống kê, GDP quý III/2026 ước tăng 9,95% so với cùng kỳ năm trước và GDP 09 tháng năm 2026 ước tăng 9,01%, thu nhập của người dân tiếp tục cải thiện – tạo lực đẩy trực tiếp cho mảng bán lẻ bách hóa của Công ty. Ở mảng xăng dầu, căng thẳng tại khu vực Trung Đông khiến giá dầu thế giới neo cao (giá dầu Brent dao động quanh mức 100–110 USD/thùng), qua đó làm tăng giá trị doanh thu và góp phần cải thiện biên lợi nhuận của hoạt động kinh doanh nhiên liệu; đồng thời, nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long duy trì ổn định nhờ hoạt động khai thác thủy sản và vận tải. Nhìn chung, kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm 2026 cho thấy Công ty tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động ổn định và tận dụng tốt các cơ hội từ môi trường kinh tế vĩ mô.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

19.5. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong năm 2024, 2025 và đến thời điểm hiện tại như sau:

Hợp đồng mua hàng hoá

Bảng 20. Các hợp đồng mua hàng hóa lớn giai đoạn từ năm 2024 đến hiện tại

Stt	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn	Thời điểm ký kết	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian thực hiện	Tình trạng	Các điều khoản quan trọng khác
1	04/DN-CM	Cty CP Thực Phẩm & NGK Dona Newtower	Không	04/01/2024	Nước yến Dona Nature	892.714.137	31/12/2024	Đã thực hiện	Không có
2	04/CNBH/2025	CN-Cty CP Thực Phẩm & NGK Dona Newtower	Không	02/05/2025	Nước yến Dona Nature	707.486.817	Không thời hạn	Đang thực hiện	Không có
3	10B04/2024/HĐNT/KRF-THUONGNGHIEP	Cty CP Tập Đoàn Karofi	Không	02/01/2024	Máy lọc nước, cây nóng lạnh, gia dụng, linh kiện	1.796.693.297	31/12/2024	Đã thực hiện	Không có
4	1110/2025/HĐNT/KRF-THUONGNGHIEP	Cty CP Tập Đoàn Karofi	Không	02/01/2025	Máy lọc nước, cây nóng lạnh, gia dụng, linh kiện	1.882.887.676	31/12/2025	Đã thực hiện	Không có
5	0004/HDPP/2024	CN Cty CP Điện Máy Gia Dụng Hòa Phát Hòa Nam Tại TP.HCM	Không	11/01/2024	Máy lọc nước, gia dụng	1.802.594.975	31/12/2025	Đã thực hiện	Không có

Stt	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn	Thời điểm ký kết	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian thực hiện	Tình trạng	Các điều khoản quan trọng khác
6	016/HDPP/2025	CN Cty CP Điện Máy Gia Dụng Hòa Phát Hòa Nam Tại TP.HCM	Không	02/01/2025	Máy lọc nước, gia dụng	1.473.812.874	31/12/2025	Đã thực hiện	Không có
7	01/01/2024/HĐ.BA/TNCM	Cty TNHH Bình An	Không	01/01/2024	Gia dụng Toshiba	3.348.942.013	31/12/2025	Đã thực hiện	Không có
8	09-26/HĐPP/DA-3A--XCA	Chi Nhánh Công ty TNHH Dinh Dưỡng 3A (Việt Nam) tại Cần Thơ	Không	01/01/2026	Các sản phẩm Sữa Abbott	Không có	31/12/2028	Đang thực hiện	Không có
9	2423/25/HVBB	CTY TNHH BIA & NƯỚC GIẢI KHÁT HEINEKEN VIỆT NAM	Không	01/01/2026	Các sản phẩm bia	Không có	31/12/2030	Đang thực hiện	Không có
10	AM0086/HĐMBHH	CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM	Không	01/12/2025	CÁC SẢN PHẨM VEDAN	Theo trường hợp phát sinh	1 năm	Đang thực hiện	Không có
11	08/2026-2027/VL	CN CTY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM TẠI VĨNH LONG	Không	01/01/2026	Các sản phẩm Acecook	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đang thực hiện	Không có

Các Hợp đồng mua hàng lớn đã được ký kết và chưa thực hiện trong năm 2024, năm 2025 và đến thời điểm hiện tại: Không có.

Hợp đồng bán hàng hoá

Bảng 21. Các hợp đồng bán hàng hóa lớn giai đoạn từ năm 2024 đến hiện tại

Stt	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn	Thời điểm ký kết	Sản phẩm / Dịch vụ đầu ra	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tình trạng	Các điều khoản quan trọng khác
1	678/HĐMB-TNCM	Hiệu buôn Sơn Hà	Không	1/1/2024	Bách hóa	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đã thực hiện	Không có
2	528/HĐMB-TNCM	Cty TNHH BH Tuyết Như	Không	1/1/2024	Bách hóa	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đã thực hiện	Không có
3	349/HĐMB-TNCM	HKD TÙNG ĐIỆN TỬ	Không	31/12/2023	Điện Máy	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đã thực hiện	Không có
4	335/HĐMB-TNCM	HKD DƯƠNG QUANG	Không	31/12/2023	Điện Máy	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đã thực hiện	Không có
5	336/HĐMB-TNCM	HKD NGUYỄN KIỀU OANH	Không	31/12/2023	Điện Máy	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đã thực hiện	Không có
6	543/HĐMB-TNCM-2025	Nguyễn Văn Tấn	Không	01/01/2025	Bách hóa	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đang thực hiện	Không có
7	825/HĐMB-TNCM-2024	Nhà Khách Cà Mau	Không	01/09/2024	Bách hóa	Theo trường hợp phát sinh	1,5 năm	Đã thực hiện	Không có
8	916/HĐMB-TNCM-2024	Trương Thị Thanh Thủy	Không	01/11/2024	Bách hóa	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đang thực hiện	Không có
9	526/HĐ-TNCM-2024	Đỗ Tuấn Kiệt	Không	01/01/2024	Bách hóa	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đã thực hiện	Không có

Stt	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn	Thời điểm ký kết	Sản phẩm / Dịch vụ đầu ra	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tình trạng	Các điều khoản quan trọng khác
10	930/HĐMB-TNCM-2024	Nguyễn Hồng Hải	Không	01/11/2024	Bách hóa	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đang thực hiện	Không có
11	05/HĐ-ĐLBL/2026	Công ty TNHH MTV Hải Toại	Không	19/01/2026	Dầu	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đang thực hiện	Không có
12	12/HĐ-ĐLBL/2026	Doanh nghiệp tư nhân Lê Tấn Đông	Không	19/01/2026	Xăng Dầu	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đang thực hiện	Không có
13	08/HĐ-ĐLBL/2026	Doanh nghiệp tư nhân Lương Thanh Nhuận	Không	19/01/2026	Xăng Dầu	Theo trường hợp phát sinh	2 năm	Đang thực hiện	Không có

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

Các Hợp đồng bán hàng lớn đã được ký kết và chưa thực hiện năm 2024, năm 2025 và đến thời điểm hiện tại: Không có.

19.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 22. Danh sách nhà cung cấp lớn của Công ty

Stt	Tên Nhà cung cấp lớn	Năm 2024			Năm 2025			09 tháng đầu năm 2026			Loại hàng hoá /dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn
		Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào	Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào	Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào		
1	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LONG HƯNG - CHI NHÁNH CÀ MAU	1	805.854.421.865	18,27%	1	888.245.583.580	19,66%	1	527.907.661.240	16,11%	Xăng dầu	Chi nhánh của công ty mẹ
2	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN	5	891.431.116.412	20,21%	5	942.145.555.043	20,85%	5	375.536.535.519	9,49%	Hàng tiêu dùng	Không
3	CÔNG TY TNHH BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HEINEKEN VIỆT NAM	3	550.769.928.247	12,49%	3	598.863.435.492	13,25%	3	581.769.110.370	14,00%	Bách hóa	Không
4	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG 3A (VIỆT NAM)	8	319.384.069.482	7,24%	7	390.213.103.593	8,64%	5	130.855.020.209	3,88%	Bách hóa	Không

Stt	Tên Nhà cung cấp lớn	Năm 2024			Năm 2025			09 tháng đầu năm 2026			Loại hàng hoá /dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn
		Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào	Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào	Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào		
	TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ											
5	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ VĂN HẬU	3	428.189.703.550	9,71%	3	306.361.651.169	6,78%	3	136.815.185.431	1,45%	Hàng tiêu dùng	Không
6	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM TẠI VĨNH LONG	1	172.280.881.368	3,91%	3	221.770.953.790	4,91%	3	129.506.978.467	2,29%	Bách hóa	Không
7	CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM	2	175.003.315.978	3,97%	2	163.587.721.725	3,62%	2	81.248.050.646	1,61%	Bách hóa	Không
8	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA QUỐC TẾ LOF	3	150.170.300.469	3,40%	4	143.904.396.109	3,18%	3	92.784.728.627	2,46%	Bách hóa	Không

Stt	Tên Nhà cung cấp lớn	Năm 2024			Năm 2025			09 tháng đầu năm 2026			Loại hàng hoá /dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn
		Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào	Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào	Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào		
9	CÔNG TY TNHH TOTALENERGIES LPG VIỆT NAM	1	120.111.714.550	2,72%	1	104.814.749.102	2,32%	1	64.205.983.508	1,11%	Gas	Không
10	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM TẠI CẦN THƠ	1	63.477.597.946	1,44%	2	117.816.503.563	2,61%	2	48.995.015.657	1,14%	Bách hóa	Không
11	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO	3	104.335.203.077	2,37%	3	109.846.598.945	2,43%	4	74.047.316.843	1,46%	Bách hóa	Không
12	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NUMBER ONE	1	59.638.651.075	1,35%	3	101.139.720.310	2,24%	3	64.749.886.102	1,61%	Nước giải khát	Không
13	CHI NHÁNH CÔNG TY	1	75.284.369.050	1,71%	1	80.243.524.350	1,78%	1	35.165.625.300	0,78%	Bách hóa	Không

Stt	Tên Nhà cung cấp lớn	Năm 2024			Năm 2025			09 tháng đầu năm 2026			Loại hàng hoá /dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn
		Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào	Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào	Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào		
	TNHH PHƯỚC THỌ											
14	CÔNG TY CỔ PHẦN CHUỖI THỰC PHẨM TH	1	60.556.751.998	1,37%	1	68.173.323.719	1,51%	1	55.209.103.893	1,13%	Sữa	Không
15	NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY CN CTY CP ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI	1	29.266.012.077	0,66%	1	34.307.540.047	0,76%	1	29.420.623.021	0,59%	Đường	Không
16	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYÊN	4	47.211.903.260	1,07%	3	54.369.116.031	1,20%	5	37.510.389.953	0,98%	Cà phê	Không
17	CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM	1	37.790.539.259	0,86%	1	28.801.480.108	0,64%	1	28.047.582.510	0,58%	Bình, pin	Không

Stt	Tên Nhà cung cấp lớn	Năm 2024			Năm 2025			09 tháng đầu năm 2026			Loại hàng hoá /dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn
		Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào	Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào	Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào		
18	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LONG HƯNG	1	60.223.556.000	1,37%	1	32.262.200.000	0,71%	1	378.210.323.385	2,28%	Xăng dầu	Chi nhánh của công ty mẹ
19	CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA	1	21.821.659.833	0,49%	1	22.638.991.076	0,50%	1	6.793.555.452	0,21%	Bách hóa	Không
20	TỔNG CTY CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM ĐỒNG NAI - MTV CTY TNHH	1	22.399.327.500	0,51%	1	12.731.081.000	0,28%	2	17.407.478.000	0,25%	Bách hóa	Không
21	CÔNG TY AJINOMOTO VIỆT NAM	1	28.359.475.551	0,64%	1	19.918.861.025	0,44%	1	11.290.066.100	0,22%	Bách hóa	Không
22	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC	3	36.406.248.432	0,83%	3	35.704.934.894	0,79%	3	26.645.476.622	0,53%	Bách hóa	Không

Stt	Tên Nhà cung cấp lớn	Năm 2024			Năm 2025			09 tháng đầu năm 2026			Loại hàng hoá /dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn
		Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào	Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào	Số lượng hợp đồng	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh số mua vào		
	TẾ											
23	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TRƯỜNG QUỐC TẾ	10	56.656.422.558	1,28%	3	33.141.442.890	0,73%	3	10.382.832.628	0,21%	Bách hóa	Không

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

Bảng 23. Danh sách khách hàng lớn của Công ty

Stt	Tên Đối tác	2024		2025		09 tháng đầu năm 2026		Loại hàng hoá /dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn
		Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh thu thuần	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh thu thuần	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh thu thuần		
1	Hiệu buôn Sơn Hà	12.990.000.000	0,28%	13.165.283.000	0,28%	4.881.778.578	0,14%	Bách hóa	Không
2	Cty TNHH BH Tuyết Như	12.024.000.000	0,26%	8.415.557.000	0,18%	11.119.100.468	0,32%	Bách hóa	Không
3	HKD TÙNG ĐIỆN TỬ	4.996.148.000	0,11%	4.913.805.000	0,10%	2.985.317.000	0,09%	Điện Máy	Không
4	HKD DƯƠNG QUANG	2.924.547.000	0,06%	2.029.029.000	0,04%	1.541.785.000	0,04%	Điện Máy	Không

Stt	Tên Đối tác	2024		2025		09 tháng đầu năm 2026		Loại hàng hoá /dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn
		Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh thu thuần	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh thu thuần	Giá trị giao dịch (đồng)	Tỷ lệ /Doanh thu thuần		
5	HKD NGUYỄN KIỀU OANH	2.118.099.000	0,05%	3.025.660.000	0,06%	2.371.467.000	0,07%	Điện Máy	Không
6	Nguyễn Văn Tấn	2.312.897.365	0,05%	2.683.511.000	0,06%	1.177.452.389	0,03%	Bách hóa	Không
7	Trương Thị Thanh Thủy	6.079.387.107	0,13%	4.030.308.000	0,09%	1.727.385.972	0,05%	Bách hóa	Không
8	Đỗ Tuấn Kiệt	1.567.808.300	0,03%	1.248.773.000	0,03%	595.959.510	0,02%	Bách hóa	Không
9	Nguyễn Hồng Hải	8.541.657.952	0,19%	9.517.022.000	0,20%	4.248.040.957	0,12%	Bách hóa	Không
10	HKD Trần Văn Chính (Trần Chính) Kiến Vàng	12.589.000.000	0,27%	7.523.613.369	0,16%	10.426.073.650	0,30%	Bách hóa	Không
11	Phạm Trung Toàn	18.753.223.755	0,41%	15.067.507.190	0,32%	5.277.749.315	0,15%	Bách hóa	Không

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

19.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

- **Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

➢ ***Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu***

Công Ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau là doanh nghiệp chuyên kinh doanh nội thương. Trải qua hơn 30 năm hoạt động, Công ty ngày một phát triển lớn mạnh cả về cơ cấu tổ chức, hiệu quả kinh doanh và đội ngũ cán bộ công nhân viên. Từ một văn phòng với 4 cửa hàng trực thuộc, doanh số bán ra hàng năm khoảng 180 triệu đồng, đến nay công ty có 10 cửa hàng xăng dầu, 01 tổng kho xăng dầu và hơn 71 đại lý bán lẻ rải rác khắp địa bàn tỉnh Cà Mau, là đơn vị có mạng lưới bán lẻ xăng dầu lớn thứ 2 sau Công ty Xăng dầu Cà Mau về thị phần tại tỉnh Cà Mau.

Bên cạnh đó, xăng - dầu, gas cũng là hai mặt hàng có doanh số bán ra tăng mạnh của công ty trong những năm gần đây.

➢ ***Lĩnh vực kinh doanh cửa hàng bách hóa***

CMV là nhà bán lẻ hàng tiêu dùng nhanh hàng đầu tại Cà Mau, sở hữu mạng lưới 17 cửa hàng/chi nhánh và 06 siêu thị trải rộng khắp các xã phường trong tỉnh Cà Mau, chiếm khoảng 50% thị phần bán lẻ bách hóa trên địa bàn tỉnh. Không ngừng mở rộng, CMV đã vươn ra các khu vực lân cận như An Giang, Cần Thơ và TP. Hồ Chí Minh, khẳng định vị thế trong ngành bán lẻ. Với danh mục sản phẩm đa dạng, công ty kinh doanh trên 3.000 mặt hàng thuộc đủ nhóm ngành hàng: điện, điện tử, điện gia dụng; công nghệ thực phẩm, bách hóa gia dụng; văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng; vật liệu xây dựng; thời trang và may mặc; kim khí điện máy. Với thái độ phục vụ tận tình, chu đáo và nhiều phương thức bán hàng dành cho mọi loại đối tượng khách hàng gồm: bán hàng tự chọn, thanh toán ngay bằng tiền mặt, thanh toán trả chậm,... số khách hàng tìm đến sản phẩm của công ty ngày một đông. Đặc biệt, phương thức bán hàng trả góp với lãi suất rất thấp, công ty đã tạo điều kiện cho đối tượng người có thu nhập thấp, người lao động bình dân ở thành thị và nông thôn được sở hữu nhiều món hàng thuộc về tiện nghi sinh hoạt trong gia đình, như: tivi, đầu đĩa, tủ lạnh,... góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân trong tỉnh.

- **Mức độ cạnh tranh và thị phần của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

Từ cuối năm 2023 đến năm 2025, kinh doanh xăng dầu cạnh tranh ngày càng quyết liệt do có thêm sự hiện diện của các thương nhân kinh doanh xăng dầu tham gia thị trường Cà Mau như DDS, PV Oil Bạc Liêu, TNPP BK dẫn đến việc cạnh tranh giá sát sao và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Mặc dù vậy, được sự hỗ trợ của Công ty Long Hưng về chiết khấu, chiết khấu bổ sung, chính sách bán hàng của CMV về cơ bản vẫn giữ vững được thị trường Cà Mau, và mở rộng một số khách hàng tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trên bình diện cả nước, thị trường xăng dầu có mức độ tập trung cao: nhóm doanh nghiệp đầu mối lớn (Petrolimex, PVOIL, Thanh Lễ, Saigon Petro, Mipec) chiếm hơn 88% thị phần cung ứng, trong đó riêng Petrolimex chiếm khoảng 50% và PVOIL khoảng 22–23% thị phần nội địa. Là thương nhân phân phối/bán lẻ quy mô địa phương, CMV không đặt mục tiêu cạnh tranh

thị phần toàn quốc mà tập trung giữ vững, mở rộng địa bàn Cà Mau và một số tỉnh lân cận. Bên cạnh đó, từ ngày 01/6/2025, các doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu phải xuất hóa đơn điện tử cho từng lần bán hàng theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP; đồng thời, việc bắt buộc phối trộn xăng sinh học E10 trên toàn quốc từ ngày 01/6/2026 theo Thông tư 50/2025/TT-BCT đã tác động đến cơ cấu nguồn hàng và biên lợi nhuận của các doanh nghiệp trong ngành. Ngoài ra, dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu đang được Bộ Công Thương hoàn thiện để trình Chính phủ, dự kiến sẽ thay đổi cơ chế điều hành giá và trách nhiệm bảo đảm nguồn cung của các thương nhân.

CMV là nhà bán lẻ hàng tiêu dùng nhanh hàng đầu tại Cà Mau, sở hữu mạng lưới 17 cửa hàng/chi nhánh và 06 siêu thị trải rộng khắp các phường, xã trong tỉnh, chiếm khoảng 50% thị phần bán lẻ bách hóa trên địa bàn tỉnh. Các cửa hàng siêu thị tự chọn mini gia đình và Bách hóa xanh, Vinmart, Coopmart mở mới khá nhiều, giá cả cạnh tranh, phần nào cũng chia sẻ khách hàng tại khu vực.

Ở phạm vi cả nước, kênh bán lẻ hiện đại (siêu thị, siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi) hiện chiếm khoảng 27% tổng mức bán lẻ và được dự báo đạt khoảng 35% vào năm 2030 (tăng trưởng kép khoảng 12%/năm theo Insight Asia). Các chuỗi lớn như Bách Hóa Xanh và WinCommerce (WinMart/WinMart+) đang đẩy mạnh mở rộng mạng lưới, bao gồm cả khu vực nông thôn, làm gia tăng áp lực cạnh tranh đối với hệ thống bán lẻ của CMV. Tuy vậy, với thương hiệu lâu năm, mạng lưới phủ khắp địa bàn và sự am hiểu thị trường địa phương, CMV vẫn duy trì vị thế dẫn đầu về bán lẻ bách hóa tại Cà Mau.

- **Triển vọng phát triển của ngành**

➢ ***Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu***

Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, đáp ứng nhu cầu cho hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế như công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp và vận tải. Cho đến nay, vẫn chưa có loại nhiên liệu nào có thể thay thế hữu hiệu cho nguồn năng lượng này, do đó, lượng sản phẩm bán ra không biến động nhiều dù giá cả bị ảnh hưởng bởi các nhân tố liên quan. Phát triển kinh doanh xăng dầu có mối quan hệ mật thiết với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Một nền kinh tế phát triển chắc chắn sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng xăng dầu gia tăng.

Với đặc thù là miền sông nước với hệ thống sông ngòi dày đặc, phương tiện giao thông đường thủy là chính; tàu thuyền nhiều, các hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Các yêu cầu về phục vụ cho sản xuất, vận chuyển, lưu thông hàng hóa, đi lại của nhân dân rất lớn. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, tiềm năng lớn để phát triển thủy hải sản, sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản sẽ tăng lên đáng kể, đồng nghĩa với việc gia tăng nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho ghe xuồng đánh bắt cá – đặc biệt là dầu DO. Những chính sách ưu đãi của nhà nước cũng như những tín hiệu đáng mừng từ các thị trường xuất khẩu mới trên thế giới.

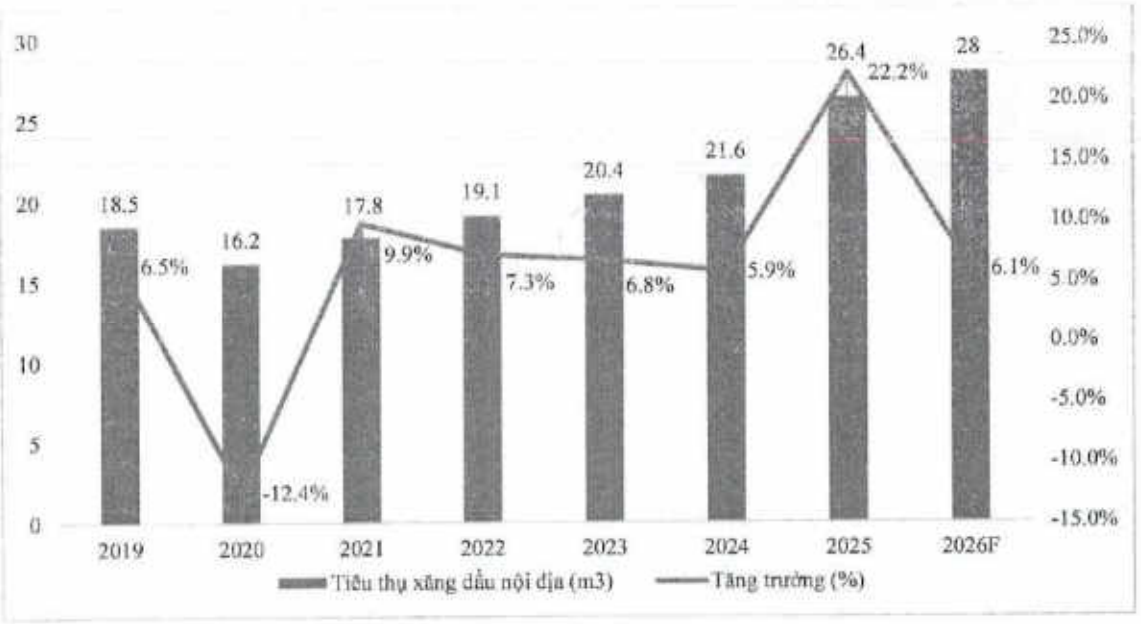
Theo dữ liệu từ Bộ Công Thương và Tổng cục Thống kê, tiêu thụ xăng dầu nội địa duy trì xu hướng tăng trưởng trung bình 5-7%/năm giai đoạn 2019-2023, nhưng có sự sụt giảm mạnh năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Trong năm 2025, tiêu thụ xăng dầu trong nước ước đạt khoảng 26,2 – 26,4 triệu m^3/tấn và được dự báo đạt hơn 28 triệu m^3/tấn trong năm 2026 nhờ kinh tế tăng trưởng và đô thị hóa, dù chịu áp lực từ xu hướng chuyển dịch sang

năng lượng sạch và xe điện (trong quý I/2026, doanh số xe máy điện trên toàn thị trường tăng khoảng 177% so với cùng kỳ). Bước sang quý III/2026, thị trường xăng dầu trong nước tiếp tục chịu tác động từ biến động giá nhiên liệu thế giới và các yếu tố địa chính trị. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá nhập khẩu nhóm nhiên liệu quý III/2026 tăng 6,35% so với quý II/2026 và tăng 11,29% so với cùng kỳ năm trước; riêng giá nhập khẩu xăng dầu các loại trong 9 tháng năm 2026 tăng 3,33% so với cùng kỳ năm 2025. Đồng thời, giá xăng dầu trong nước tiếp tục có những đợt điều chỉnh trong quý III, trong đó giá xăng tháng 9/2026 tăng 9,39% so với tháng trước, góp phần khiến chỉ số giá nhóm giao thông tăng 3,97% trong tháng 9. Về hoạt động nhập khẩu, trong 9 tháng năm 2026, xăng dầu là một trong các mặt hàng có mức nhập siêu lớn của Việt Nam, với giá trị nhập siêu khoảng 8,26 tỷ USD, trong bối cảnh tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, từ ngày 01/7/2026, các chính sách thuế đối với xăng dầu tiếp tục được áp dụng theo quy định mới, trong đó xăng E5 và E10 có mức thuế tiêu thụ đặc biệt lần lượt là 8% và 7%; đồng thời, việc triển khai lộ trình phối trộn nhiên liệu sinh học theo Thông tư số 50/2025/TT-BCT tiếp tục thúc đẩy sự chuyển dịch trong cơ cấu tiêu thụ nhiên liệu tại Việt Nam.

Trong trung và dài hạn, nhu cầu xăng dầu được hỗ trợ bởi tăng trưởng kinh tế, hoạt động vận tải và quá trình đô thị hóa; tuy nhiên, xu hướng chuyển dịch sang phương tiện sử dụng năng lượng sạch, đặc biệt là xe điện, cùng với yêu cầu gia tăng tỷ trọng nhiên liệu sinh học, sẽ tiếp tục tạo áp lực lên tăng trưởng nhu cầu đối với xăng dầu truyền thống.

Hình 8. Tiêu thụ xăng dầu nội địa giai đoạn 2019 – 2026F

(Đơn vị: triệu m³/tấn; %)



(Nguồn: DNSE tổng hợp)

Ngoài ra, trong năm 2026, Bộ Công Thương đã phân giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu cho các thương nhân đầu mối ở mức gần 31,8 triệu m³/tấn (bình quân khoảng 2,65 triệu m³/tấn/tháng), tăng đáng kể so với mức thực hiện năm 2025 (tổng nguồn khoảng 28,6 triệu

m^3/tấn, tiêu thụ khoảng 26,4 triệu m^3/tấn), nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên. Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu nội địa được các tổ chức phân tích dự báo tiếp tục tăng trưởng trên 8%/năm nhờ đà phục hồi và mở rộng của nền kinh tế. Về mặt giá, giá dầu Brent bình quân năm 2026 được dự báo neo ở vùng cao (khoảng 90 – 95 USD/thùng) do căng thẳng địa chính trị tại khu vực Trung Đông, song có xu hướng hạ nhiệt dần về cuối năm khi nguồn cung dần ổn định trở lại.

Bên cạnh cơ hội từ nhu cầu gia tăng, ngành xăng dầu năm 2026 cũng đối mặt với một số thách thức: giá thế giới biến động mạnh làm gia tăng rủi ro trích lập dự phòng đối với hàng tồn kho giá cao và thu hẹp biên lợi nhuận ở khâu bán lẻ; đồng thời, việc bắt buộc phối trộn xăng sinh học E10 từ ngày 01/6/2026 và khung pháp lý mới về kinh doanh xăng dầu đòi hỏi các doanh nghiệp phân phối, bán lẻ phải chủ động hơn về nguồn hàng và tuân thủ quy định. Với vị thế là đơn vị có mạng lưới bán lẻ xăng dầu lớn trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cùng sự ổn định về nguồn hàng và chính sách chiết khấu từ đối tác cung ứng, Công ty có cơ sở để duy trì thị phần và nắm bắt cơ hội tăng trưởng sản lượng trong năm 2026.

➢ ***Lĩnh vực kinh doanh cửa hàng bách hóa***

Với tốc độ tăng trưởng khả quan của nền kinh tế, thu nhập và đời sống của người dân dần được cải thiện, từ đó, nhu cầu tiêu dùng cũng tăng theo. Tại thị trường Cà Mau, theo Báo cáo kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau, trong 09 tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 121.616 tỷ đồng, tăng 19,5% so với cùng kỳ. Với triển vọng và tiềm năng phát triển kinh tế của Cà Mau sẽ kéo theo nhu cầu chi tiêu cho các mặt hàng tiêu dùng tại đây tăng cao.

Tại thị trường Cà Mau, theo Báo cáo Kinh tế xã hội tỉnh Cà Mau, tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2026 tại Cà Mau tiếp tục ghi nhận nhiều kết quả tích cực; sản xuất công nghiệp, thương mại, xuất khẩu, du lịch và thu hút đầu tư duy trì đà tăng trưởng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cả năm. Theo báo cáo của UBND tỉnh, tổng sản lượng thủy sản 9 tháng đạt 971.130 tấn, tăng 6,7% so cùng kỳ; sản lượng lúa đạt hơn 1,7 triệu tấn, tăng 0,7%. Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng tăng 12,7%; sản lượng tôm chế biến đạt 305.288 tấn, tăng 16,8% so cùng kỳ. Hoạt động thương mại, xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng. Riêng quý III, kim ngạch xuất khẩu đạt 771 triệu USD, tăng 4,2%; trong đó, lũy kế xuất khẩu thủy sản đạt 1.805 triệu USD.

Với triển vọng tăng trưởng kinh tế và sức mua tiếp tục được cải thiện, nhu cầu đối với các mặt hàng tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Cà Mau được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh thương mại, bán lẻ của Công ty.

- **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới**

Định hướng phát triển của Công ty

Lĩnh vực xăng dầu: Duy trì thị phần bán buôn và mở rộng mạng lưới bán lẻ tiếp tục là mục tiêu cốt lõi trong chiến lược kinh doanh của Công ty. Để thực hiện điều này, Công ty sẽ tập trung mở rộng mạng lưới bán lẻ thông qua việc tăng số lượng cửa hàng và đại lý, từ đó tiếp

cận nhiều khách hàng hơn và gia tăng doanh số bán hàng. Trước nhu cầu tiêu thụ xăng dầu ngày càng tăng, đặc biệt tại các tỉnh, Công ty đặt mục tiêu mở thêm các trạm xăng mới mỗi năm, đồng thời phát triển mạng lưới đại lý bán lẻ tại các khu vực vùng sâu, vùng xa nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu địa phương và củng cố vị thế của Công ty trên thị trường.

Kinh doanh bán lẻ: Công ty xác định mở rộng thị trường và nâng cao uy tín là hai mục tiêu chiến lược hàng đầu. Trong kế hoạch mở rộng thị trường, Công ty sẽ xây dựng thêm chi nhánh và đại lý tại các tỉnh An Giang, Cần Thơ, TP HCM, giúp tiếp cận nhiều khách hàng tiềm năng hơn và tăng trưởng doanh thu. Đồng thời, Công ty sẽ hợp tác với các nhà sản xuất uy tín để phân phối sản phẩm tại khu vực Cà Mau, An Giang và Cần Thơ, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường địa phương.

- **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau phù hợp với định hướng của ngành xăng dầu, bán lẻ, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới, cụ thể:

- Phù hợp với định hướng ngành thương mại và bán lẻ: CTCP Thương nghiệp Cà Mau tập trung vào phát triển mạng lưới bán lẻ, mở rộng hệ thống cửa hàng và đại lý, đa dạng hóa hơn 3.000 mặt hàng từ điện tử, gia dụng đến xăng dầu và gas, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh thương mại tổng hợp, tăng thị phần tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh lân cận.
- Phù hợp với chính sách Nhà nước: CTCP Thương nghiệp Cà Mau hưởng lợi từ các chính sách về bảo vệ môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy, bảo hiểm xã hội, và chương trình "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", đồng thời tham gia các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội địa phương tại tỉnh Cà Mau và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Phù hợp với xu hướng chung trên thế giới: CTCP Thương nghiệp Cà Mau đã ứng dụng chuyển đổi số, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, thích ứng với thương mại điện tử, tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao về sản phẩm chất lượng, an toàn và thân thiện với môi trường.

19.8. Hoạt động Marketing

Công ty tập trung thực hiện quảng bá thương hiệu thông qua website nhằm khẳng định vị thế, hình ảnh và sản phẩm của Công ty đối với khách hàng, không ngừng củng cố thương hiệu nhằm đưa Camex trở thành một doanh nghiệp uy tín, chuyên nghiệp và chất lượng. Bên cạnh đó Công ty cũng chú trọng đến việc áp dụng chiến lược marketing cho từng thị trường, từng khu vực bằng việc đưa ra các chính sách củng cố thị trường hiện tại, phát triển mở rộng thị trường mới để xác định đối thủ cạnh tranh và thị phần cung cấp.

Đồng thời, với hoạt động kinh doanh, Công ty luôn đảm bảo thực hiện tốt chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng, thu thập thông tin và lắng nghe ý kiến đóng góp của khách hàng nhằm củng cố, duy trì mối quan hệ với những khách hàng lâu năm, truyền thống.

19.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

- Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: CAMAU TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: CAMEX
- Biểu tượng logo của Công ty:
- Website của Công ty: http://www.tncm.com.vn/
- Đăng ký nhãn hiệu: Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đăng ký nhãn hiệu tại Cục sở hữu trí tuệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 491709, quyết định số 57782/QĐ-SHTT ngày 16/05/2024 do Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ khoa học công nghệ cấp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 49728, quyết định gia hạn số 100072/QĐ-SHTT ngày 21/11/2022 do Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ khoa học công nghệ cấp.
- Hiện nay Công ty chưa đăng ký Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế nào.

19.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Thông tin về các chính sách của Công ty:

- Hoàn thành đưa vào sử dụng phần mềm văn phòng điện tử: luân chuyển, lưu trữ chứng từ nhanh, an toàn, kịp thời.
- Cải thiện, thiết kế tạo lập mới các báo cáo trên hệ thống phần mềm ebiz đáp ứng nhu cầu kinh doanh, phục vụ công việc quản lý hàng ngày, định kỳ của các cửa hàng, công ty.
- Hoàn thành đưa vào triển khai và vận hành phần mềm hỗ trợ DMS giảm sai sót khi nhập tay, giảm nhập tay thủ công, nhận đơn hàng trực tiếp ngay tại điểm bán.
- Hoàn thành đồng bộ hóa mã hàng toàn hệ thống phục vụ công tác chạy báo cáo, luân chuyển hàng hóa giữa các kho nhanh, chuẩn xác.
- Hoàn thành triển khai xuất hóa đơn điện tử từng lần cho xăng dầu.
- Nghiên cứu, áp dụng và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách liên quan đến người lao động để đảm bảo trách nhiệm xã hội. Xem nguồn lực lao động – nguồn lực con người – nguồn lực trí tuệ là vốn quí nhất của doanh nghiệp.
- **Ảnh hưởng của chính sách nghiên cứu phát triển đến tình hình hoạt động của Công ty**

Hỗ trợ đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh:



- Giúp Công ty tạo ra những sản phẩm mới, mở rộng danh mục sản phẩm, đa dạng hóa lựa chọn từ nhiều đối tượng khách hàng, tăng nhận diện thương hiệu, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu thị trường, thu hút khách hàng và tăng doanh thu.

Tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh:



- Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào vận hành giúp giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm thời gian, nguồn lực và tăng lợi nhuận.



- Mang lại lợi thế cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường từ tận dụng các nguồn lực có sẵn như hệ thống kho bãi, chi nhánh, nguồn nhân lực có sẵn và đặc biệt là hệ thống các đối tác kênh phân phối từ kênh siêu thị, cửa hàng tiện lợi, các đối tác doanh nghiệp sản xuất kinh doanh…

19.11. Chiến lược kinh doanh

- **Chiến lược kinh doanh tổng thể**

Phát triển ổn định và bền vững: Công ty ưu tiên phát triển đa ngành để tăng lợi nhuận từ nhiều lĩnh vực, tận dụng lợi thế cạnh tranh, năng lực cốt lõi, nguồn lực và thương hiệu để mở rộng sang các lĩnh vực mới. Tập trung theo dõi thị trường để điều chỉnh kế hoạch, quản lý rủi ro kinh tế và đảm bảo vị thế vững chắc tại Cà Mau cũng như các tỉnh lân cận.

Đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ: Mở rộng danh mục hàng hóa để đáp ứng nhu cầu khách hàng đa dạng, kết hợp với chương trình chăm sóc khách hàng và khuyến mãi để giữ chân khách cũ, thu hút khách mới. Quản lý hàng tồn kho linh hoạt theo từng loại hàng (xăng dầu, bách hóa) để ứng phó biến động giá cả.

Mở rộng thị trường: Tận dụng điều kiện thị trường để tăng thị phần, đặc biệt tại Tây Nam Bộ. Hợp tác với các nhà sản xuất uy tín để phân phối sản phẩm, đồng thời phát triển dịch vụ giao nhận đến vùng sâu, vùng xa nhằm nâng cao nhận diện thương hiệu.

- **Mục tiêu chiến lược**

- **Dài hạn**: Trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp cho các nhãn hàng nổi tiếng tại tỉnh Cà Mau và khu vực lân cận, với trọng tâm là phát triển bền vững về môi trường, xã hội và cộng đồng. Xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, sáng tạo để tăng lòng tin từ khách hàng.
- **Ngắn hạn**: Tăng cường độ phủ thị trường, mở rộng mạng lưới bán lẻ.
- **Bền vững**: Đào tạo về bảo vệ môi trường, an toàn lao động; ban hành chính sách kiểm soát ô nhiễm; tham gia hoạt động cộng đồng địa phương để giảm thiểu rác thải và tiết kiệm năng lượng.

- **Định hướng chiến lược**

- Tập trung vào khách hàng: Lấy khách hàng làm trung tâm, thấu hiểu nhu cầu và mong muốn của khách hàng để cung cấp sản phẩm và dịch vụ tốt nhất.
- Chất lượng là hàng đầu: Đảm bảo chất lượng sản phẩm cao nhất, an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng.

- Đổi mới sáng tạo: Không ngừng nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và quản lý để tăng sức cạnh tranh nhằm tối ưu hóa doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Doanh nghiệp.
- Phát triển bền vững: Kết hợp hài hòa giữa lợi nhuận kinh doanh và trách nhiệm xã hội, góp phần bảo vệ môi trường bằng cách tham gia vào dự án chống phát thải cacbon trong trồng và canh tác lúa gạo tại Đồng bằng sông Cửu Long.
- Hợp tác chiến lược: Hợp tác với các đối tác uy tín trong nước để mở rộng thị trường và nâng cao giá trị sản phẩm.
- Tận dụng các nguồn lực thế mạnh có sẵn để phát triển và tối ưu hiệu quả bán hàng: thương hiệu, hệ thống các kênh phân phối, các chi nhánh bán hàng trên toàn quốc, đội ngũ nguồn nhân lực vận hành và kinh doanh để tạo tốc độ tăng doanh thu cao hơn tốc độ tăng chi phí nhằm tăng lợi nhuận và cạnh tranh hơn trên thị trường.

19.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau có tham gia hoạt động Kinh doanh xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí dầu mỏ hóa lỏng và vỏ bình ga, bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy văn phòng. Đây là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Bán buôn xăng dầu thuộc hoạt động của thương nhân phân phối xăng dầu, được Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu. Điều kiện chính (theo Điều 16 Nghị định 83/2014/NĐ-CP, sửa đổi bởi Nghị định 95/2021/NĐ-CP):

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

2. Có kho, bể chứa xăng dầu dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m3), thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

3. Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

4. Có hệ thống phân phối xăng dầu: tối thiểu năm (05) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên, trong đó có ít nhất ba (03) cửa hàng thuộc sở hữu; tối thiểu mười (10) cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc các đại lý được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Bán lẻ xăng dầu được thực hiện qua đại lý bán lẻ, thương nhân nhận quyền bán lẻ hoặc cửa hàng bán lẻ trực tiếp. Các loại hình này được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý (Sở Công Thương cấp) hoặc Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ (theo Điều 25 Nghị định 83/2014/NĐ-CP):

Cửa hàng xăng dầu có đủ các điều kiện dưới đây được Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận

cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu:

1. Địa điểm phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định này (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu). Trường hợp đi thuê cửa hàng bán lẻ xăng dầu, thương nhân đi thuê phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu."

3. Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành

Trên thực tế, Camex có 01 tổng kho chuyên dùng để dự trữ xăng dầu, cụ thể: đã được UBND tỉnh Cà Mau chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện dự án tổng kho xăng dầu Định Bình với diện tích 5.884,5 m^2 tại Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 05/12/2023, được UBND tỉnh Cà Mau quyết định thuê đất đến 19/4/2056 tại QĐ số 1358/QĐ-UBND và được Phòng CS PCCC & CNCH cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 73/TD-PCCC.

Ngoài ra, Camex còn có 10 cửa hàng xăng dầu đã có giấy đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu:

Bảng 24. Các cửa hàng xăng dầu của Công ty

Stt	Loại hình	Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu			
		Số	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Nơi cấp
1	Cửa hàng xăng dầu Hưng Mỹ	94/GCN-SCT	13/8/2025	13/8/2030	Sở Công Thương tỉnh Cà Mau
2	Cửa hàng xăng dầu Định Bình	210/GCN-SCT	21/05/2026	21/05/2031	Sở Công Thương tỉnh Cà Mau
3	Cửa hàng xăng dầu Lương Thế Trân	22/GCN-SCT	09/01/2025	07/7/2028	Sở Công Thương tỉnh Cà Mau

Stt	Loại hình	Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu			
		Số	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Nơi cấp
4	Cửa hàng xăng dầu Tắc Thủ	20/GCN-SCT	09/01/2025	30/11/2027	Sở Công Thương tỉnh Cà Mau
5	Cửa hàng xăng dầu Tân Thành	19/GCN-SCT	09/01/2025	18/10/2028	Sở Công Thương tỉnh Cà Mau
6	Cửa hàng xăng dầu Tắc Vân	16/GCN-SCT	09/01/2025	03/10/2028	Sở Công Thương tỉnh Cà Mau
7	Cửa hàng xăng dầu phường 1	21/GCN-SCT	09/01/2025	18/10/2028	Sở Công Thương tỉnh Cà Mau
8	Cửa hàng xăng dầu phường 4	18/GCN-SCT	09/01/2025	06/01/2028	Sở Công Thương tỉnh Cà Mau
9	Cửa hàng xăng dầu Đầm Dơi	24/GCN-SCT	09/01/2025	14/11/2028	Sở Công Thương tỉnh Cà Mau
10	Cửa hàng xăng dầu Cái Nai	25/GCN-SCT	09/01/2025	06/02/2029	Sở Công Thương tỉnh Cà Mau

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

20. Chính sách đối với người lao động

11. 1. Số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Camex, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Số lượng người lao động bình quân trong 2 năm gần nhất của Công ty là 628 người.

Tính đến thời điểm 30/09/2026, tổng số lượng người lao động trong Công ty là 544 người. Cụ thể như sau:

Bảng 25. Cơ cấu lao động hợp nhất của Công ty

Stt	Trình độ	31/12/2024		31/12/2025		30/09/2026	
		Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I	**Theo trình độ người lao động**	**649**	**100%**	**608**	**100%**	**544**	**100%**
1	Trên đại học	0	0	0	0	0	0,0%
2	Trình độ đại học và tương đương	104	16%	105	17,2%	93	17,1%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	118	18,2%	102	16,8%	93	17,1%
4	Trình độ sơ cấp, phổ thông, cơ sở	427	65,8%	401	66%	358	65,8%
II	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**649**	**100%**	**608**	**100%**	**544**	**100%**
1	Hợp đồng không thời hạn	344	53%	361	59,4%	355	65,2%
2	Hợp đồng xác định thời hạn	305	47%	247	40,6%	189	34,8%

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

11. 2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- **Về lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp**

Chủ trương về chính sách phúc lợi của Công ty linh hoạt theo từng thời kỳ phát triển, luôn đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch và tưởng thưởng xứng đáng, nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của người lao động, từ đó tăng năng suất và lợi nhuận cho Công ty.

Chính sách trả lương thường luôn được thực hiện đúng và đầy đủ theo các chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động như: ký kết hợp đồng lao động; tham gia BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ; giải quyết chế độ thai sản, ốm đau, khám sức khỏe định kỳ. Chính sách luôn được cập nhật và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với hoạt động thực tiễn của Công ty.

Công ty luôn đồng hành và lắng nghe những nguyện vọng của nhân viên ở tất cả các cấp; phối hợp với công đoàn giải quyết cho công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn vay với lãi suất thấp để làm kinh tế phụ gia đình và sửa chữa nhà, góp phần hỗ trợ nhân viên vượt qua khó khăn, an tâm công tác.

Chế độ thưởng tháng lương thứ 13; thưởng nhân các dịp lễ, tết; thưởng tăng ca; thưởng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; thưởng đột xuất; thưởng xuyên tổ chức hoạt động thể thao, văn nghệ nhân dịp các ngày lễ lớn và tổ chức tham quan du lịch trong và ngoài nước cho cán bộ công nhân viên tại Công ty nhằm khuyến khích tinh thần làm việc hăng hái của nhân viên.

- **Chính sách đào tạo:**

Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo điều kiện để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ để trau dồi khả năng tiếp thị, marketing hướng đến giá trị cốt lõi là cung cấp dịch vụ tốt nhất cho người tiêu dùng được phục vụ đa phần cho mảng kinh doanh bán hàng của Công ty.

- **Môi trường làm việc:**

Công ty luôn chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên, người lao động của Công ty. Công ty luôn quan tâm nâng cao ý thức "Văn minh, văn hóa thương nghiệp" tạo nên một nét riêng mang dấu ấn Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau qua xây dựng nội quy, quy chế, phong cách thái độ phục vụ, ứng xử giao tiếp cả trong nội bộ cũng như các đối tác, khách hàng với môi trường thân thiện, tôn trọng và đoàn kết.

Đồng thời, ưu tiên hàng đầu của Công ty luôn là đảm bảo môi trường làm việc thân thiện, gắn kết các nhân viên của Công ty.

11. 3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công ty không có quy chế cụ thể để áp dụng trong toàn bộ quá trình hoạt động. Hàng năm, dựa trên kết quả kinh doanh đạt được, Hội đồng Quản trị sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động cụ thể (nếu có).

21. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ Công ty, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu

ký chứng khoán Việt Nam.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong các năm qua, Công ty thực hiện trả cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế giữ lại. Tỷ lệ cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ trên đề xuất của Hội đồng quản trị và kế hoạch, chiến lược đầu tư kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ cổ tức trong 02 năm gần nhất của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau như sau:

Bảng 26. Tỷ lệ cổ tức từ năm 2024 - 2025

Năm	Năm 2024	Năm 2025
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%
Hình thức thanh toán	Không chi trả	Không chi trả

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

22. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Kể từ đầu năm 2024 đến nay, Công Ty không thực hiện đợt chào bán/ phát hành cổ phiếu có thu tiền nào để tăng vốn điều lệ, do đó không phát sinh việc thu tiền và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán/ phát hành trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

23. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

- ***Thông tin về các hợp đồng thuê đất***

Hiện tại, Công ty đang thuê văn phòng và kho làm phát sinh các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/9/2026
Tổng giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế VAT)	**7.632.000.000**	**7.632.000.000**	**7.632.000.000**
Luỹ kế tiền thuê tài sản đã hạch toán vào chi phí	720.000.000	720.000.000	540.000.000
Số tiền thuê đất cần tiếp tục giải ngân, trong đó:			
- Từ 1 năm trở xuống	*720.000.000*	*720.000.000*	*540.000.000*
- Trên 1 năm đến 5 năm	*2.880.000.000*	*2.880.000.000*	*2.880.000.000*
- Trên 5 năm	*3.252.000.000*	*2.532.000.000*	*1.992.000.000*

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

Chi tiết hợp đồng thuê:

Stt	Hợp đồng			Đơn vị ký kết	Diện tích (m2)	Thời hạn thuê	Tiền thuê đất	Địa chỉ thuê
	Số	Ngày	Nội dung					
1	02/HĐKT-2019	01/05/2019	Hợp đồng thuê đất	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	538,50	588 tháng	4.440.000.000 đồng/năm	Khóm Hộ Phòng, Phường Giá Rai, tỉnh Cà Mau
2	174/HĐKT-2018	31/7/2017	Hợp đồng thuê đất	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	567,10	180 tháng	1.077.490.000 đồng/năm	ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, tỉnh An Giang
3	15/2024/HĐ TĐ	05/08/2024	Hợp đồng thuê đất	UBND tỉnh Cà Mau	5.884,50	49 năm	121.507.155 đồng/năm	ẤP Cây Trâm, Phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
4	17/2024/HĐ TĐ	04/09/2024	Hợp đồng thuê đất	Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Cà Mau	78,00	25 năm	54.756.000 đồng/năm	64 Đề Thám, Phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau
5	18/2024/HĐ TĐ	04/09/2024	Hợp đồng thuê đất	Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Cà Mau	132,80	25 năm	43.712.448 đồng/năm	Đường Lê Lợi, Phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau
6	19/2021/HĐ TĐ	04/09/2024	Hợp đồng thuê đất	Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Cà Mau	68,60	25 năm	48.157.200 đồng/năm	18 Đề Thám, Phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau
7	05/HĐTĐ	11/03/2008	Hợp đồng thuê đất	UBND tỉnh Cà Mau	1.043,20	49 năm	124.951.366 đồng/năm	Đường Tôn Đức Thắng, P. Tân Thành, T. Cà Mau
8	02/HĐTĐ	11/03/2008	Hợp đồng thuê đất	UBND tỉnh Cà Mau	786,10	49 năm	109.842.539 đồng/năm	Đường Nguyễn Du, P. Tân Thành, T. Cà Mau
9	23/HĐTĐ	18/10/2007	Hợp đồng thuê đất	UBND tỉnh Cà Mau	2.388,92	40 năm	30.931.736 đồng/năm	Ấp Sở Tại, xã Lương Thế Trân, tỉnh Cà Mau.
10	01/HĐTĐ	26/03/2007	Hợp đồng thuê đất	UBND tỉnh Cà Mau	313,00	49 năm	4.131.600 đồng/năm	Ấp Sở Tại, xã Lương Thế Trân, tỉnh Cà

Stt	Hợp đồng			Đơn vị ký kết	Diện tích (m2)	Thời hạn thuê	Tiền thuê đất	Địa chỉ thuê
	Số	Ngày	Nội dung					
								Mau.
11	02/HĐTĐ	01/05/2015	Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất	Cty Phát triển hạ tầng KCN Bạc Liêu	10.006,00	47 năm	19.541.718 đồng/năm	Lô B6, đường D1, KCN Trà Kha, Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.
12	153/HĐTK	29/11/2022	Thuê nhà kho	LÊ ĐÌNH CHUNG	Từ 01/12/2022->30/11/2032	Thuê sử dụng làm nhà kho chứa hàng bách hóa	153/HĐTK	11/29/2022

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

- ***Thông tin về Trái phiếu chưa đáo hạn:***

  Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau hiện không có Trái phiếu đang lưu hành nhưng chưa đáo hạn.

- ***Các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi:***

  Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau hiện không có cổ phần ưu đãi.

- ***Các cam kết khác:***

  Cổ phiếu CMV đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau cam kết tuân thủ quy định pháp luật về việc đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

24. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

25. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau cam kết: *"không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích"* theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 27. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025/2024	09T2026
Tổng giá trị tài sản	495.774,18	538.844,38	8,69%	507.242,22
Doanh thu thuần	4.600.285,94	4.726.616,89	2,75%	3.438.726,94
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.704,78	1.254,16	-66,15%	11.459,85
Lợi nhuận khác	14.047,63	24.107,93	71,62%	15.038,29
Lợi nhuận trước thuế	17.752,41	25.362,10	42,87%	26.498,14
Lợi nhuận sau thuế	13.276,63	19.718,84	48,52%	21.043,80
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	N/A	0%
Tỷ lệ cổ tức	Không chi trả	Không chi trả	N/A	N/A

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Bảng 28. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025/2024	09T2026
Tổng giá trị tài sản	502.604,34	542.373,71	7,91%	509.740,66
Doanh thu thuần	4.608.975,11	4.727.060,89	2,56%	3.438.726,94
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	384,59	805,47	109,43%	11.657,01
Lợi nhuận khác	14.140,83	23.992,02	69,66%	14.979,05

Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025/2024	09T2026
Lợi nhuận trước thuế	14.525,42	24.797,49	70,72%	26.636,07
Lợi nhuận sau thuế	9.977,71	18.813,49	88,55%	21.064,24
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%	0%
Tỷ lệ cổ tức	Không chi trả	Không chi trả	0%	N/A

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Trong bối cảnh kinh tế phát triển thuận lợi, CMV đã hoàn thành kế hoạch doanh thu nhờ chiến lược đúng đắn của Ban lãnh đạo cùng với sự nỗ lực của toàn thể nhân viên. Cụ thể, tổng giá trị tài sản hợp nhất tăng từ 502,6 tỷ đồng năm 2024 lên 542,4 tỷ đồng năm 2025, tương đương mức tăng 7,91%. Doanh thu thuần đạt 4.727 tỷ đồng, tăng 2,56% so với mức 4.609 tỷ đồng của năm 2024. Mặc dù tốc độ tăng trưởng doanh thu còn khiêm tốn, công ty cho thấy sự cải thiện rõ rệt về hiệu quả hoạt động. Điểm nổi bật nhất là lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng mạnh từ 384,6 triệu đồng lên 805,5 triệu đồng, tương đương mức tăng 109,44%. Lợi nhuận khác cũng tăng 69,66%, từ 14,14 tỷ đồng lên 23,99 tỷ đồng. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế đạt 24,80 tỷ đồng (tăng 70,72%) và lợi nhuận sau thuế đạt 18,81 tỷ đồng, tăng 88,56% so với năm trước. Sự gia tăng mạnh mẽ của lợi nhuận trong khi doanh thu chỉ tăng nhẹ cho thấy ban lãnh đạo đã kiểm soát tốt chi phí, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và nâng cao hiệu quả quản trị. Với định hướng mở rộng thị trường, nâng cao hiệu quả quản lý, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa chuỗi cung ứng, CMV đang từng bước củng cố vị thế trên thị trường bán lẻ khu vực, hướng đến tăng trưởng bền vững trong những năm tiếp theo. Trong 09 tháng đầu năm 2026, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục duy trì ổn định với tổng giá trị tài sản hợp nhất tại 30/09/2026 đạt 509,74 tỷ đồng và doanh thu thuần đạt 3.438,73 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 11,66 tỷ đồng và lợi nhuận khác đạt 14,98 tỷ đồng, qua đó lợi nhuận trước thuế đạt 26,64 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 21,06 tỷ đồng. Kết quả này cho thấy Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực từ năm 2025, tạo nền tảng thuận lợi để hoàn thành các mục tiêu kinh doanh đề ra trong năm 2026.

- Các chỉ tiêu khác: Không có.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong năm 2024, 2025 và 09 tháng đầu năm 2026 vừa qua, một số yếu tố sau đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

- **Thuận lợi :**

✓ Với nhiều năm hoạt động trên địa bàn tỉnh, Công ty đã nắm rõ tình hình, đặc điểm của thị trường Cà Mau, đã xây dựng và khẳng định được thương hiệu, uy tín trên thị trường.

✓ Xuất phát từ doanh nghiệp Nhà nước nên được hậu thuẫn, hỗ trợ từ các cơ quan địa phương.

✓ Mạng lưới hệ thống cửa hàng xăng dầu, cửa hàng bách hóa và các cửa hàng chuyên dụng khác ổn định và phủ khắp địa bàn tỉnh Cà Mau với vị trí tương đối thuận tiện. Việc xây dựng được mạng lưới rộng khắp như vậy không chỉ giúp gia tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty, mà còn giúp đưa thương hiệu của Công ty trở nên quen thuộc với người dân.

✓ Có chính sách kinh doanh hợp lý, chủ động được nguồn hàng kinh doanh xăng dầu và bách hóa, tránh được việc phụ thuộc quá nhiều vào thị trường.

✓ Các nhân viên được đào tạo bài bản, chuyên môn. Nhân viên quản lý được tạo cơ hội nâng cao trình độ quản lý, nhân viên bán hàng được tham dự các khóa học nâng cao kỹ năng…

- **Khó khăn :**

✓ Kinh tế toàn cầu đối mặt nhiều thách thức như tăng trưởng chậm, lạm phát kéo dài, chính sách tiền tệ thắt chặt và bất ổn chuỗi cung ứng. Giá dầu thế giới biến động do nhu cầu giảm từ các nền kinh tế lớn và xung đột địa chính trị.

✓ Người dân tiết kiệm chi tiêu, tiêu dùng nội địa chưa thực sự bứt phá.

✓ Tiếp cận vốn vẫn là trở ngại lớn : điều kiện vay vốn vẫn còn chặt chẽ, đặc biệt với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

✓ Nghị định 100 và 168 đã đi vào đời sống làm thay đổi hành vi người tiêu dùng, tác động mạnh tới ngành F&B đồng thời tác động dây chuyền tới những doanh nghiệp cung ứng nguyên liệu, dịch vụ cho ngành F&B cũng bị ảnh hưởng theo (Ví dụ : thủy hải sản, thực phẩm chế biến, nhà cung cấp gas…)

- **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:** không có.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

Các hoạt động tài chính luôn được Camex thực hiện một cách đầy đủ và phản ánh trung thực về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ

quy tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan. Công ty xem việc hoạt động đúng các quy định pháp luật là trách nhiệm cũng như nghĩa vụ của một tổ chức hoạt động kinh doanh chân chính

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty:

Bảng 29. Tình hình vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Vốn điều lệ	181.558.680.000	181.558.680.000	181.558.680.000

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

Bảng 30. Vốn kinh doanh của Công ty theo BCTC riêng

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
I	**Vốn chủ sở hữu**	**241.453,90**	**261.172,74**	**281.335,19**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	181.558,68	181.558,68	181.558,68
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.578,84	1.578,84	1.578,84
3	Quỹ đầu tư phát triển	31.481,54	32.479,31	34.360,66
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.834,85	45.555,92	63.837,01
II	**Nợ phải trả**	**254.320,28**	**277.671,63**	**225.907,03**
1	Nợ ngắn hạn	253.765,28	277.101,63	225.131,03
2	Nợ dài hạn	555	570	776,00
	Tổng cộng nguồn vốn	**495.774,18**	**538.844,38**	**507.242,22**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Bảng 31. Vốn kinh doanh của Công ty theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
I	**Vốn chủ sở hữu**	**246.076,97**	**263.740,42**	**282.635,11**

Stt	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
1	Vốn góp của chủ sở hữu	181.558,68	181.558,68	181.558,68
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.578,84	1.578,84	1.653,41
3	Vốn khác của chủ sở hữu	1.637,79	1.637,79	1.637,79
4	Quỹ đầu tư phát triển	33.579,15	34.576,92	37.244,73
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.002,08	41.611,53	58.988,87
6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	4.720,44	2.776,65	1.551,63
II	**Nợ phải trả**	**256.527,36**	**278.633,29**	**227.105,56**
1	Nợ ngắn hạn	255.972,36	277.828,68	225.977,47
2	Nợ dài hạn	555,00	804,61	1.128,09
	Tổng cộng nguồn vốn	**502.604,34**	**542.373,71**	**509.740,66**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

b. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Tài sản cố định hữu hình	
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 – 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
Tài sản cố định vô hình	
Quyền sử dụng đất	Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 - 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không đơn tính khấu hao
Chương trình phần mềm	Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng, hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Những thay đổi trong chính sách khấu hao năm 2024 và năm 2025, 09 tháng đầu năm 2026: Không có.

c. Mức lương bình quân

Người lao động tại Công ty được đảm bảo thu nhập và các quyền lợi xứng đáng với giá trị mà mình mang lại. Với các chính sách và minh bạch, Công ty mang đến cho người lao động những giá trị vật chất và tinh thần mà họ xứng đáng được hưởng. Công ty đảm bảo các chính sách, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động cũng như nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp …

Bảng 32. Mức lương bình quân giai đoạn 2024 – 09T2026 của Công ty

Số lượng lao động bình quân	Năm 2024	Năm 2025	09 tháng đầu năm 2026
Tổng quỹ lương (đồng)	62.424.000.000	67.267.200.000	50.846.400.000
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	8.500.000	8.800.000	8.800.000

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

Hiện tại, Công ty không thu thập được các nguồn thông tin về mức lương bình quân của các

doanh nghiệp cùng ngành tại Cà Mau để đưa ra so sánh; do đó, Công ty sử dụng các chỉ tiêu thu nhập bình quân cấp quốc gia và cấp tỉnh làm cơ sở tham khảo.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2024 thu nhập bình quân tháng của người lao động đạt 7,7 triệu đồng, tăng 610.000 đồng (tương ứng tăng 8,6%) so với năm 2023. Năm 2025, thu nhập bình quân của lao động là 8,4 triệu đồng/tháng, tăng 8,9%, tương ứng tăng 685 nghìn đồng so với năm 2024.

Mức lương bình quân cán bộ công nhân viên Công ty năm 2024 là 8.500.000 đồng/người/tháng và năm 2025 là 8.800.000 đồng/người/tháng; trong 09 tháng đầu năm 2026 đạt 8.800.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập cao hơn thu nhập bình quân tháng của người lao động cả nước (8,4 triệu đồng năm 2025), đồng thời cao hơn GRDP bình quân đầu người của tỉnh Cà Mau năm 2024 (khoảng 72,6 triệu đồng/năm, tương đương khoảng 6,05 triệu đồng/tháng), cho thấy Công ty duy trì chính sách tiền lương cạnh tranh, bảo đảm đời sống cho người lao động.

d. Tình hình công nợ:

Bảng 33. Tình hình công nợ riêng và hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
BCTC riêng				
I	**Tổng nợ phải thu**	**90.832,27**	**125.687,46**	**72.579,02**
1	Phải thu ngắn hạn	84.675,42	119.406,44	65.400,94
2	Phải thu dài hạn	6.156,85	6.281,02	7.178,08
II	**Tổng nợ phải trả**	**254.320,28**	**277.671,63**	**225.907,03**
1	Nợ ngắn hạn	253.765,28	277.101,63	225.131,03
2	Nợ dài hạn	555,00	570,00	776,00
BCTC hợp nhất				
I	**Tổng nợ phải thu**	**91.237,45**	**125.753,95**	**72.599,01**
1	Phải thu ngắn hạn	85.080,60	119.472,93	65.420,93
2	Phải thu dài hạn	6.156,85	6.281,02	7.178,08
II	**Tổng nợ phải trả**	**256.527,36**	**278.633,29**	**227.105,56**
1	Nợ ngắn hạn	255.972,36	277.828,68	225.977,47
2	Nợ dài hạn	555,00	804,61	1.128,09

(Nguồn: BCTC riêng lẻ, hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ, hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

e. Tình hình các khoản phải thu

Bảng 34. Nợ phải thu của Công ty theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**84.675,42**	**119.406,44**	**65.400,94**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	66.315,69	82.589,26	44.741,13
2	Trả trước cho người bán	9.911,84	26.360,72	16.234,05
3	Phải thu ngắn hạn khác	10.165,80	12.063,69	6.074,91
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.835,22)	(1.763,72)	(1.737,78)
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	117,31	156,49	88,62
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**6.156,85**	**6.281,02**	**7.178,08**
1	Phải thu dài hạn khác	6.156,85	6.281,02	7.178,08
Tổng cộng		**90.832,27**	**125.687,46**	**72.579,02**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Bảng 35. Nợ phải thu của Công ty theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**85.080,60**	**119.472,93**	**65.420,93**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	66.691,84	82.604,35	44.770,72
2	Trả trước cho người bán	9.911,84	26.360,72	16.234,05
3	Phải thu ngắn hạn khác	10.200,97	12.124,69	6.074,91
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.841,35)	(1.773,32)	(1.747,38)

Stt	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	117,31	156,49	88,62
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**6.156,85**	**6.281,02**	**7.178,08**
1	Phải thu dài hạn khác	6.156,85	6.281,02	7.178,08
Tổng cộng		**91.237,45**	**125.753,95**	**72.599,01**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

❖ **Các khoản phải thu quá hạn của Công ty:**

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn thời điểm 31/12/2024:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Đối tượng	Giá trị quá hạn (đồng)	Mức trích lập dự phòng (đồng)	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân quá hạn	Đánh giá khả năng thu hồi
1	Cửa Hàng Công Nghệ Thực Phẩm Trà Kha	453.079.486	453.079.486	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
2	Cửa hàng Công nghệ Thực Phẩm Hộ Phòng	310.996.975	310.996.975	Trên 03 năm		Không có khả năng thu hồi
3	Cửa hàng PP Hàng Tiêu Dùng Trà Kha	385.000.000	385.000.000	Trên 03 năm		Không có khả năng thu hồi
4	Cửa hàng Bách Hóa An Minh	198.175.110	198.175.110	Trên 03 năm		Không có khả năng thu hồi
5	Cửa hàng PP Hàng Tiêu Dùng Sóc Trăng	182.000.000	182.000.000	Trên 03 năm		Không có khả năng thu hồi
6	Khách hàng các cửa hàng, chi nhánh khác	318.240.520	312.102.520	Trên 03 năm		Không có khả năng thu hồi

Stt	Đối tượng	Giá trị quá hạn (đồng)	Mức trích lập dự phòng (đồng)	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân quá hạn	Đánh giá khả năng thu hồi
	Tổng cộng	**1.847.492.091**	**1.841.354.091**			Không có khả năng thu hồi

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn thời điểm 31/12/2025:

Stt	Đối tượng	Giá trị quá hạn (đồng)	Mức trích lập dự phòng (đồng)	Thời gian quá hạn (tháng)	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
1	Cửa Hàng Công Nghệ Thực Phẩm Trà Kha	453.079.487	453.079.487	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
2	Cửa hàng Công nghệ Thực Phẩm Hộ Phòng	296.996.975	296.996.975	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
3	Cửa hàng PP Hàng Tiêu Dùng Trà Kha	385.000.000	385.000.000	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
4	Cửa hàng Bách Hóa An Minh	178.175.110	178.175.110	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
5	Cửa hàng PP Hàng Tiêu Dùng Sóc Trăng	182.000.000	182.000.000	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
6	Khách hàng các cửa hàng, chi nhánh	285.558.120	285.558.120	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi

Stt	Đối tượng	Giá trị quá hạn (đồng)	Mức trích lập dự phòng (đồng)	Thời gian quá hạn (tháng)	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
	khác					
	Tổng Cộng	**1.780.809.692**	**1.780.809.692**			

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn thời điểm 30/09/2026:

Stt	Đối tượng	Giá trị quá hạn (đồng)	Mức trích lập dự phòng (đồng)	Thời gian quá hạn (tháng)	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
1	Cửa Hàng Công Nghệ Thực Phẩm Trà Kha	453.079.487	453.079.487	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
2	Cửa hàng Công nghệ Thực Phẩm Hộ Phòng	296.996.975	296.996.975	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
3	Cửa hàng PP Hàng Tiêu Dùng Trà Kha	385.000.000	385.000.000	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
4	Cửa hàng PP Hàng Tiêu Dùng Sóc Trăng	182.000.000	182.000.000	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
5	Cửa Hàng Bách Hóa An Minh	174.175.110	174.175.110	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
6	Các khách hàng khác	261.617.120	261.617.120	Trên 03 năm	Khách hàng không thanh toán	Không có khả năng thu hồi
	Tổng Cộng	**1.752.868.692**	**1.752.868.692**			

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

Như vậy, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu quá hạn đầy đủ và đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

f. Các khoản phải trả

Bảng 36. Nợ phải trả của công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
I	**Nợ ngắn hạn**	**253.765,28**	**277.101,63**	**225.131,03**
1	Phải trả cho người bán	46.746,93	82.059,38	44.275,69
2	Người mua trả tiền trước	311,50	68,43	205,53
3	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	3.812,13	6.410,04	3.465,46
4	Phải trả người lao động	7.926,69	11.260,43	10.250,62
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	7.821,84	9.688,48	16.344,05
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	977,15	934,27	1.034,86
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	178.915,77	149.423,26	131.400,01
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.052,62	8.127,64	8.354,63
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.103,59	1.813,30	1.391,61
10	Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	-	2.054,94	2.047,40
11	Phải trả ngắn hạn khác	4.097,05	5.261,47	6.361,19
II	**Nợ dài hạn**	**555,00**	**570,00**	**776,00**
1	Phải trả dài hạn khác	555,00	570,00	776,00
Tổng cộng		**254.320,28**	**277.671,63**	**225.907,03**

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Bảng 37. Nợ phải trả hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
I	**Nợ ngắn hạn**	**255.972,36**	**277.828,68**	**225.977,47**
1	Phải trả cho người bán	46.746,93	82.059,38	44.275,69
2	Người mua trả tiền trước	311,50	68,43	205,53
3	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	3.904,29	6.411,09	3.613,30
4	Phải trả người lao động	7.926,69	11.260,43	10.250,62
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	7.860,73	7.665,94	16.349,05
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	977,15	934,27	1.034,86
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	178.915,77	149.423,26	131.400,01
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.635,31	8.179,68	8.406,67
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.541,57	2.451,85	2.030,16
10	Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	-	2.054,94	2.047,40
11	Phải trả ngắn hạn khác	4.152,43	7.319,41	6.364,19
II	**Nợ dài hạn**	**555,00**	**804,61**	**1.128,09**
1	Phải trả dài hạn khác (ký quỹ, ký cược)	555,00	570,00	776,00
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	234,61	352,09
Tổng cộng		**256.527,36**	**278.633,29**	**227.105,56**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

Đến hiện tại, các khoản nợ vay đều được Công ty thanh toán đầy đủ. Công ty không có các khoản nợ vay tổ chức tín dụng phải trả quá hạn. Tại thời điểm 30/09/2026, Công ty không có các khoản nợ quá hạn thanh toán.

Thông tin về việc vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết của Tổ chức phát hành: Không có.

g. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế theo quy định của pháp luật. Số dư các loại thuế phải nộp theo quy định của Công ty cụ thể như sau:

Bảng 38. Các khoản phải trả theo luật định của Công ty theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Thuế giá trị gia tăng	1.987,78	2.592,52	1.261,24
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.824,35	3.817,52	1.952,07
Thuế thu nhập cá nhân	0,00	0,00	0,00
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0,00	0,00	252,15
Các loại thuế khác	0,00	0,00	0,00
Tổng cộng	**3.812,13**	**6.410,04**	**3.465,46**

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Bảng 39. Các khoản phải trả theo luật định hợp nhất của Công ty theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Thuế giá trị gia tăng	2.067,10	2.592,52	1.261,24
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.824,35	3.817,52	1.952,07
Thuế thu nhập cá nhân	12,83	1,05	1,05
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0,00	0,00	398,94
Các loại thuế khác	0,00	0,00	-
Tổng cộng	**3.904,29**	**6.411,09**	**3.613,30**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

Công ty thực hiện trích lập và nộp các khoản bảo hiểm cho người lao động theo quy định. Số dư các khoản bảo hiểm phải nộp theo quy định của Công ty như sau:

Bảng 40. Các khoản bảo hiểm còn phải nộp của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Bảo hiểm xã hội	12.528.719.126	11.794.626.175	9.315.358.494
Bảo hiểm y tế	2.250.859.966	2.126.488.925	1.677.612.021
Bảo hiểm thất nghiệp	982.589.046	925.030.936	730.584.873
Tổng cộng	**15.762.168.138**	**14.846.146.036**	**11.723.555.388**

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

h. Trích lập các quỹ:

Việc trích lập và sử dụng các Quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, đảm bảo đáp ứng đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Số dư các Quỹ của Công ty cụ thể như sau:

Bảng 41. Tình hình trích lập các quỹ của Công ty theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị tính:triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Quỹ đầu tư phát triển	31.481,54	32.479,31	34.360,66
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.103,59	1.813,30	1.391,61
Tổng cộng	**33.585,13**	**34.292,61**	**35.752,27**

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng lẻ Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

Bảng 42. Tình hình trích lập các quỹ của Công ty theo BCTC hợp nhất

Đơn vị tính:triệu đồng

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Quỹ đầu tư phát triển	33.579,15	34.576,92	37.244,73
Quỹ khen thưởng, phúc	3.541,57	2.451,85	2.030,16

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
lợi			
Tổng cộng	**37.120,72**	**37.028,77**	39.274,89

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

i. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 43. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Riêng lẻ)

	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	**Khả năng thanh toán (lần)**		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,48	1,50
-	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	0,46	0,54
2	**Cơ cấu vốn (%)**		
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	51,30%	51,53%
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	105,33%	106,32%
3	**Năng lực hoạt động (lần)**		
-	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	9,06	9,14
-	Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	11,81	11,94
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	17,38	17,24

	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
4	**Khả năng sinh lời (%)**		
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,29%	0,42%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	2,62%	3,81%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	5,55%	7,85%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2024, 2025 của Công ty)

Bảng 44. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	**Khả năng thanh toán (lần)**		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,51	1,53
-	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	0,49	0,57
2	**Cơ cấu vốn (%)**		
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	51,04%	51,37%
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	104,25%	105,65%
3	**Năng lực hoạt động (lần)**		
-	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	8,92	9,05
-	Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	11,51	11,68

	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	17,32	17,20
4	**Khả năng sinh lời (%)**		
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,22%	0,40%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	1,93%	3,60%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	4,78%	7,81%
-	Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng/cổ phần)	631	1.080

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 của Công ty)

- Các chỉ tiêu khác: không có.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có): Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- **Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2024 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện kiểm toán:**

Ý kiến của Kiểm toán viên

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng)."

- **Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện kiểm toán:**

Ý kiến của Kiểm toán viên

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn (Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau và công ty con là Công ty Cổ phần In Bạc Liêu) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng

như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất".

- **Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện kiểm toán:**

Ý kiến của Kiểm toán viên

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng)"

- **Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện kiểm toán:**

Ý kiến của Kiểm toán viên

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn (Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau và công ty con là Công ty Cổ phần In Bạc Liêu) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất".

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Bảng 45. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026

Khoản mục	Năm 2025 (Thực hiện)	Năm 2026	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Doanh thu thuần (triệu đồng)	4.727.061	4.600.298	(2,68%)
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	18.813	21.095	12,13%
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	263.740	321.147 (*)	21,77%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,40%	0,46%	15,22%

Khoản mục	Năm 2025 (Thực hiện)	Năm 2026	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	7,81%	7,21% (**)	(7,64%)
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	N/A

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2025, BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2026 do Công ty tự lập và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty)

(*) Giả định vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2026 được tính dựa trên vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 (theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025) cộng thêm thay đổi về số lượng cổ phiếu chào bán thêm đạt thành công 100%, lợi nhuận dự kiến đạt 100% và các yếu tố khác giữ nguyên.

(**) Chỉ tiêu này được tính toán dự kiến dựa trên định hướng và chỉ tiêu kinh doanh năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua.

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty đã họp và thông qua kế hoạch doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế hợp nhất của năm 2026 lần lượt là 4.600.298 triệu đồng và 21.095 triệu đồng.

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự báo và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

Ban điều hành Công ty đề ra một số biện pháp cụ thể làm căn cứ để đạt kế hoạch cho năm 2026 như sau:

- Tổ chức kinh doanh tuân thủ các quy định của Nhà nước, chính sách phân phối phù hợp với đặc điểm, tình hình tại đơn vị.
- Tập trung gia tăng sản lượng thông qua các cửa hàng hiện hữu, thường xuyên tìm kiếm, mở rộng thêm địa bàn kinh doanh hoặc ngành hàng mới, bám sát thị trường, đối thủ để đưa ra chính sách bán hàng, chiết khấu phù hợp từng thời điểm.
- Tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý về đất đai còn tồn đọng.
- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất, phương tiện máy móc,... đảm bảo đáp ứng yêu cầu kinh doanh.
- Trang bị điện năng lượng mặt trời tại các cửa hàng sử dụng nhiều điện năng.

- Tìm kiếm giải pháp công nghệ mới, phần mềm mới, ứng dụng thiết bị máy móc mới,... phù hợp với hoạt động từng cửa hàng với mục tiêu giảm sức lao động chân tay, tăng hiệu quả, đổi mới quản lý vận hành.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư phát triển trên cơ sở cân đối được nguồn lực phù hợp mang lại hiệu quả đầu tư.
- Cải thiện quy trình, nghiệp vụ, báo cáo quản lý, quản trị của phần mềm. Kiểm soát chặt chẽ công nợ, không để phát sinh nợ xấu mới, xử lý nợ tồn đọng, khó đòi, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định.

Ngoài ra, trong 9 tháng đầu năm 2026, Công ty đã ghi nhận doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt khoảng 3.439 tỷ đồng, tương đương 74,75% kế hoạch doanh thu năm 2026 (4.600 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 21,06 tỷ đồng, tương đương 99,85% kế hoạch lợi nhuận sau thuế cả năm là 21,1 tỷ đồng. Như vậy, kết quả thực hiện trong 9 tháng đầu năm 2026 cho thấy Công ty đã đạt được gần 75% kế hoạch doanh thu và gần 100% kế hoạch lợi nhuận cả năm, là cơ sở tích cực cho việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026.

Do vậy, với những kế hoạch kinh doanh cụ thể, cùng kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực xăng dầu và bách hóa, Camex tin rằng kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận nói trên là rất thực tế, hoàn toàn có thể đạt được.

4.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên biệt, CTCP Chứng khoán DNSE đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động của CTCP Thương nghiệp Cà Mau.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực kinh doanh, các báo cáo tài chính đã kiểm toán và kinh nghiệm của bộ máy điều hành Công ty. Kế hoạch căn cứ vào đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô và đặc thù thị trường xăng dầu, bán lẻ tại Cà Mau và các tỉnh lân cận, cùng năng lực kinh doanh thực tế, kết quả tài chính đã được kiểm toán các năm trước và kinh nghiệm của Ban điều hành. Trong 09 tháng đầu năm 2026, dù kinh tế vĩ mô còn nhiều bất ổn, đặc biệt là giá dầu thế giới biến động mạnh do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, Công ty vẫn ghi nhận kết quả tích cực. Doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.438.727 triệu đồng, tương đương 74,75% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 21.064 triệu đồng, tương đương 99,85% kế hoạch năm. Bên cạnh đó, biên lợi nhuận gộp của mảng xăng dầu được cải thiện rõ rệt.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: *"Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông"*. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/12/2007, theo quy định của Luật doanh nghiệp, đến thời điểm hiện tại cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Cổ đông lớn là cá nhân

Không có.

2.2. Cổ đông lớn là tổ chức

Bảng 46. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổ chức phát hành tại ngày 28/7/2026

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Long Hưng	20 Nguyễn Thị Huỳnh, Phường Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	0303937088	9.259.494	51,00%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần	Tầng 14 -18 Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.	0305795054	2.936.024	16,17%

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSDC cấp ngày 28/7/2026)

2.3. Thông tin về cổ đông lớn

- **Cổ đông lớn: Công ty TNHH TM&DV Long Hưng**

- Tên tổ chức: Công ty TNHH TM&DV Long Hưng.
- Năm thành lập: 2005

- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303937088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM *(nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)* cấp lần đầu ngày 28/05/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 30/03/2020.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: 20 Nguyễn Thị Huỳnh, Phường Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng.
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hiền - Chức vụ: Giám đốc.
- Người đại diện theo uỷ quyền tại Công ty: Bà Nguyễn Thị Hiền – Chức vụ: Giám đốc.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan: Không có.
- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tới Công ty:
  + Nhận được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo phương án được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
  + Ngoài lợi ích trên, cổ đông lớn không có lợi ích khác tại Công ty.
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành và những người có liên quan của họ:

Tên cổ đông	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Long Hưng	HĐ Mua bán xăng dầu	Dự kiến 900 – 1400 tỷ đồng	Không có	Đại hội đồng cổ đông

- Giao dịch phát sinh với Tổ chức phát hành:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	9T2026
1	Mua hàng hóa	865.950.149.319	920.507.783.580	778.829.077.625
2	Trả tiền mua hàng	(865.950.149.319)	(921.950.048.126)	(777.512.517.625)

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập)

- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

❖ **Cổ đông lớn: Tổng công ty dầu Việt Nam – Công ty cổ phần**

- Tên tổ chức: Tổng công ty dầu Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Năm thành lập: 2008
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0305795054 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26/06/2008, thay đổi tùy từng thời điểm.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14 -18 Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 10.342.295.000.000 đồng.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng Trình - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Người đại diện theo uỷ quyền tại Công ty: Ông Hoàng Anh Dũng – Chức vụ: Phó Trưởng Ban Kế hoạch – Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan: không có.
- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tới Công ty: được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo phương án được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có.
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành và những người có liên quan của họ: Không có.
- Giao dịch phát sinh với Tổ chức phát hành: Không có.
- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: Không có.

2.4. Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

Bảng 47. Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông lớn và người có liên quan

Stt	Tên cổ đông	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn			Tại thời điểm hiện tại (*)			Dự kiến sau đợt chào bán (**)		
		Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Long Hưng	6.172.996	6.172.996	51,00%	9.259.494	9.259.494	51,00%	11.111.392	11.111.392	51,00%
2	Cổ đông: Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần	1.050.000	1.050.000	15,00%	2.936.024	2.936.024	16,17%	3.523.228	3.523.228	16,17%

(Nguồn: CTCP Thương nghiệp Cà Mau)

Ghi chú:

(*): Số lượng cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần tại thời điểm đăng ký chào bán: Số liệu được cập nhật tại ngày 28/7/2026 dựa trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất ngày 28/7/2026 do VSDC cung cấp cho Công ty.

(**): Số lượng cổ phần nắm giữ sau đợt chào bán dự kiến: tạm tính với giả định Công ty chào bán thành công toàn bộ cổ phần cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông lớn và người liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ sở hữu của họ trước đợt chào bán. Vốn điều lệ của Công ty sau đợt chào bán tạm tính là: 217.870.410.000 đồng.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Thông tin của các thành viên Hội đồng Quản trị

Stt	Họ tên	Chức danh trong HĐQT
1	Ông Nguyễn Hoàng Bảo Long	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Hoàng Hà My	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Minh Khánh	Thành viên HĐQT độc lập
6	Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT
7	Ông Đỗ Đức Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập

a. Ông Nguyễn Hoàng Bảo Long - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Bảo Long
- Năm sinh: 16/4/1995
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
08/2014-08/2016	Chuyên viên P.Tài chính – Công ty TNHH TM&DV Long Hưng.
09/2016-09/2020	Phó Phòng tài chính – Công ty TNHH TM&DV Long Hưng
10/2020-07/2022	Trưởng Phòng tài chính – Công ty TNHH TM&DV Long Hưng
08/2022 đến nay	Phó Giám đốc – Công ty TNHH TM&DV Long Hưng
05/2023 đến 01/2025	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau
01/2025 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Chủ Tịch Hội đồng Quản trị	Từ 01/2025 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Công ty TNHH TM&DV Long Hưng	Phó Giám đốc

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: Không có.
  + Cá nhân sở hữu: Không có.
  + Người có liên quan sở hữu: 9.259.494 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ *(Công ty TNHH TM&DV Long Hưng)*
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số CCCD/hộ chiếu/ Giấy CNĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Long Hưng	Phó Giám đốc	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303937088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM *(nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)* cấp lần đầu ngày 28/05/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 30/03/2020	9.259.494	51%

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ:

Tên cổ đông	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Long Hưng	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với Ông Nguyễn Hoàng Bảo Long	HĐ Mua bán xăng dầu	Dự kiến 900 – 1400 tỷ đồng	Không có	Đại hội đồng cổ đông

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	60.000.000	84.000.000	63.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	0	0	0
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	0	0	0
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

+ Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng
+ Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh xăng dầu
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng: 25.000.000.000 đồng tương đương 5% vốn điều lệ.
+ Chức vụ đang nắm giữ: Phó Giám đốc
+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Ông Nguyễn Hoàng Bảo Long có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Ông Nguyễn Hoàng Bảo Long có thể được hưởng thông qua Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng.

  Đồng thời Ông Nguyễn Hoàng Bảo Long và/hoặc người liên quan của Ông Nguyễn Hoàng Bảo Long không được biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT của Công ty, các cuộc họp HĐTV của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng thông qua các giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng.

b. Bà Nguyễn Thị Hiền – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hiền
- Năm sinh: 10/10/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cao đẳng kinh tế đối ngoại
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
02/2006 đến nay	Giám đốc Công ty TNHH TM&DV Long Hưng

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
05/2018 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau: thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên Hội đồng Quản trị	Từ 05/2018 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Công ty TNHH TM&DV Long Hưng	Giám đốc

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: 9.259.494 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ *(Công ty TNHH TM&DV Long Hưng)*
  + Cá nhân sở hữu: Không có.
  + Người có liên quan sở hữu: *(Như nêu tại mục Đại diện sở hữu).*
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số CCCD/hộ chiếu/ Giấy CNĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Long Hưng	Giám đốc	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303937088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM *(nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)* cấp lần đầu ngày 28/05/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 30/03/2020	9.259.494	51%

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:
  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ:

Tên cổ đông	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Công Ty TNHH	Cổ đông lớn, tổ	HĐ Mua	Dự kiến 900 –	Không có	Đại hội đồng

Tên cổ đông	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Thương Mại Và Dịch Vụ Long Hưng	chức có liên quan với Ông Nguyễn Hoàng Bảo Long	bán xăng dầu	1400 tỷ đồng		cổ đông

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	60.000.000	60.000.000	45.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	0	0	0
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	0	0	0
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

+ Tên doanh nghiệp : Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng
+ Hoạt động kinh doanh chính : Kinh doanh xăng dầu
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu : 350.000.000.000 đồng tương đương 70% vốn điều lệ.
+ Chức vụ đang nắm giữ : Giám đốc
+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Bà Nguyễn Thị Hiền có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Bà Nguyễn Thị Hiền có thể được hưởng thông qua Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng.

Đồng thời Bà Nguyễn Thị Hiền và/hoặc người liên quan của Bà Nguyễn Thị Hiền không được biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT của Công ty, các cuộc họp HĐTV của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng thông qua các giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng.

c. Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Thị Việt Ánh
- Năm sinh: 01/12/1956
- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
06/1975 - 08/1978	Công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê - Kế hoạch thị xã Cà Mau
08/1978 - 11/1982	Kế toán trưởng cửa hàng Bách hóa tổng hợp thị xã Cà Mau
11/1982 – 2007	Thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là công ty cổ phần thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó TGĐ, TGĐ Công ty)
28/11/2007-04/5/2018	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm TGĐ CTCP Thương nghiệp Cà Mau
05/05/2018 – 01/07/2023	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc tại CTCP Thương nghiệp Cà Mau
02/07/2023 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên Hội đồng Quản trị	Từ 28/11/2007 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: Không có.
  + Cá nhân sở hữu: 647.419 cổ phiếu, chiếm 3,57% vốn điều lệ.
  + Người có liên quan sở hữu: 1.986.122 cổ phiếu, chiếm 10,95% vốn điều lệ.
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Là cổ đông	Là người nội bộ
1	Nguyễn Văn Hậu	Chồng	789.266	4,35%	x	
2	Trương Cẩm Tú	Con dâu	855.540	4,71%	x	

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Là cổ đông	Là người nội bộ
3	Nguyễn Việt Phượng	Em ruột	11.847	0,07%	x	
4	Nguyễn Việt Hùng	Em ruột	173.733	0,96%	x	
5	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Em ruột	155.736	0,86%	x	
Tổng cộng			**1.986.122**	**10,95%**		

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ:

STT	Tên Hợp đồng	Loại giao dịch	Giá trị hợp đồng (đồng)	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Hợp đồng thuê đất số 02/HĐKT-2019 ngày 05/01/2019	Thuê đất	4.440.000.000	Không có	Hội đồng quản trị
2	Hợp đồng thuê đất số 174/HĐKT-2018 ngày 31/07/2017	Thuê đất	1.077.490.000	Không có	Hội đồng quản trị

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	60.000.000	60.000.000	45.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	0	0	0
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	246.019.220	0	0

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có.

d. Bà Nguyễn Hoàng Hà My – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Hà My
- Năm sinh: 12/07/1996
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
Từ 06/2022 - nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau
Từ năm 2024 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP In Bạc Liêu
Từ năm 2022 - nay	Phó Giám Đốc Công ty TNHH TM&DV Long Hưng
Từ 06/2026 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Tổng Giám đốc	Từ 06/2022 đến nay
Thành viên HĐQT	Từ 06/2026 - nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Công ty CP In Bạc Liêu	Thành viên HĐQT
2	Công ty TNHH TM&DV Long Hưng	Phó Giám Đốc

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: Không có.
  + Cá nhân sở hữu: Không có.
  + Người có liên quan sở hữu: 9.259.494 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ *(Công ty TNHH TM&DV Long Hưng)*

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số CCCD/hộ chiếu/ Giấy CNĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Long Hưng	Phó Giám đốc	0303937088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM *(nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)* cấp lần đầu ngày 28/05/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 30/03/2020	9.259.494	51%

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ:

Tên cổ đông	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Long Hưng	Cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với bà Nguyễn Hoàng Hà My	HĐ Mua bán xăng dầu	Dự kiến 900 – 1400 tỷ đồng	Không có	Đại hội đồng cổ đông

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	0	0	15.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	334.269.000	264.600.568	141.768.512
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	0	0	0

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Lợi ích khác	24.000.000	8.000.000	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

+ Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng
+ Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh xăng dầu
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu: 25.000.000.000 đồng tương đương 5% vốn điều lệ.
+ Chức vụ đang nắm giữ: Phó Giám đốc.
+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Bà Nguyễn Hoàng Hà My có nghĩa vụ thông báo/báo cáo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Bà Nguyễn Hoàng Hà My có thể được hưởng thông qua Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng.

Đồng thời Bà Nguyễn Hoàng Hà My và/hoặc người liên quan của Bà Nguyễn Hoàng Hà My không được biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT của Công ty, các cuộc họp HĐTV của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng thông qua các giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng.

e. Ông Phạm Minh Khánh – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Phạm Minh Khánh
- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
2025 – Hiện tại	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Tập đoàn Go Holdings.
2021 – Hiện tại	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Vàng bạc Đá quý Bến Thành (BTJ).
2020 – Hiện tại	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Hiệp Thắng LP.
2014 – Hiện tại	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Sản xuất Thương mại và Đầu tư Phú Lợi

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
2005 – 2013	DNTN Sản xuất Nước đá Tinh khiết Mekong *(Giám đốc)*
2001 – 2004	Công ty Carrier Việt Nam (*Giám đốc Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long)*
1996 – 2000	Công ty Hội chợ Triển lãm Quốc tế Cần Thơ (*Phó phòng Kinh doanh).*

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT	Từ 06/2026 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
01	GoHolding Group / Công ty CP Tập đoàn Go Holdings	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
02	Công ty CP Vàng bạc Đá quý Bến Thành (BTJ)	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
03	Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Hiệp Thắng LP	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
04	Công ty CP Sản xuất Thương mại và Đầu tư Phú Lợi	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: Không có.
  + Cá nhân sở hữu: Không có.
  + Người có liên quan sở hữu: không có.
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	0	0	15.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	0	0	0
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	0	0	0
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: không có

f. Ông Hoàng Anh Dũng – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Hoàng Anh Dũng
- Năm sinh: 24/01/1976
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
Năm 2000	Nhân viên Công ty TNHH Bình Minh
01/2001 - 09/2009	Chuyên viên, Phó Ban, Trưởng Ban kế hoạch, Ban PTKD Tổng công ty Dịch vụ tổng hợp Dầu Khí.
09/2009	Chủ tịch Hội đồng Liên doanh Nhà máy sản xuất vỏ Bình khí PetroVietNam.
09/2011 đến nay	Chuyên viên, Phó trưởng Ban kế hoạch Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP
30/06/2021 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT	Từ 06/2021 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	Chuyên viên, Phó trưởng Ban kế hoạch

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: 2.936.024 cổ phiếu, chiếm 16,17% vốn điều lệ *(Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP)*.
  + Cá nhân sở hữu: Không có.
  + Người có liên quan sở hữu: Không có.
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số CCCD/hộ chiếu/ Giấy CNĐKDN, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP	Chuyên viên, Phó trưởng Ban kế hoạch	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0305795054 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26/06/2008, thay đổi tùy từng thời điểm	2.936.024	16,17

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	60.000.000	60.000.000	45.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	0	0	0

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	0	0	0
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

g. Ông Đỗ Đức Hạnh – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Đỗ Đức Hạnh
- Năm sinh: 14/12/1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
06/2006 – 10/2007	Chuyên viên kế toán tại Cty CP XNK Petrolimex
11/2007 – 12/2020	Chuyên viên kinh doanh tại Cty Xăng dầu Khu Vực II và Phó Giám đốc tại Cty TNHH Thương Mại Huy Long
Năm 2021 đến nay	Phó Giám đốc tại Cty TNHH Thương Mại Huy Long
27/09/2025 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT	Từ 09/2025 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Công ty TNHH Thương Mại Huy Long	Phó Giám đốc

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: Không có.

+ Cá nhân sở hữu: Không có.
+ Người có liên quan sở hữu: Không có.

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	0	15.000.000	45.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	0	0	0
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	0	0	0
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.2. Thông tin Ban Kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức danh trong Ban Kiểm soát
1	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ngô Thế Anh	Thành viên Ban Kiểm soát

a. Ông Nguyễn Anh Tuấn – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Anh Tuấn
- Năm sinh: 16/05/1970
- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Quản trị tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
Từ năm 1998 - 2002	Kế toán tổng hợp – Công ty TNHH Xây dựng Việt Phát.
Từ năm 2002 - 2006	Phụ trách kế toán khu vực miền Đông nam bộ - Công ty TNHH Công Nghiệp Gốm Bạch Mã
Từ năm 2007 - 2021	Phó Giám đốc tài chính, Giám đốc điều hành Công ty TNHH Kỹ Thuật Tuệ Việt.
Tháng 09/2022 đến nay	Phụ trách kế toán – Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Long Hưng.
27/5/2023 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Trưởng Ban kiểm soát	Từ 05/2023 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Long Hưng	Phụ trách kế toán

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: Không có.
  + Cá nhân sở hữu: Không có.
  + Người có liên quan sở hữu: Không có.
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	48.000.000	48.000.000	36.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	0	0	0
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	0	0	0
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

b. Ông Trần Chí Hiếu– Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Trần Chí Hiếu
- Năm sinh: 05/07/1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
09/1981 - 04/1997	Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau
05/1997 - 11/2017	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau, Giám đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt.
05/05/2018 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên Ban kiểm soát	Từ 05/05/2018 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: Không có.
  + Cá nhân sở hữu: 110.000 CP, chiếm tỷ lệ 0,61% vốn điều lệ.

+ Người có liên quan sở hữu: Không có.

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	36.000.000	36.000.000	27.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	0	0	0
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	41.800.000	0	0
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

c. Ông Ngô Thế Anh – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Ngô Thế Anh
- Năm sinh: 15/07/1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
07/2006 - 05/2008	Nhân viên Ban Pháp chế Công ty cổ phần Tập Đoàn Mai Linh.
05/2008 - 02/2011	Chuyên viên phòng pháp chế Cty TNHH MTV Chế Biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu Mỏ (PDC) nay là Tổng Cty Dầu Việt Nam (PVOIL).

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
02/2011 - nay	Chuyên viên chính Ban Kiểm soát Nội bộ Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL).
04/05/2013 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên Ban kiểm soát	Từ 05/2013 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: Không có.
  + Cá nhân sở hữu: Không có.
  + Người có liên quan sở hữu: Không có.
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	36.000.000	36.000.000	27.000.000
Tiền lương, thưởng (đồng)	0	0	0
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	0	0	0
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.3. Thông tin Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức danh trong Ban TGĐ
1	Ông Nguyễn Hữu Long	Tổng Giám Đốc
2	Ông Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám Đốc
3	Bà Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám Đốc
4	Bà Nguyễn Hoàng Hà My	Phó Tổng Giám Đốc

a. Ông Nguyễn Hữu Long – Tổng Giám Đốc

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Long
- Năm sinh: 22/03/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế quốc dân
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
Từ năm 2007 - 2011	Chuyên viên kinh doanh – Công ty xăng dầu khu vực 2 (Petrolimex Sài Gòn).
Từ năm 2012 - 2014	Phó Giám đốc – Công ty cổ phần Xăng dầu khí Ninh Bình (Pvoil Ninh Bình).
Từ năm 2015 - 2017	Quản lý Siêu Thị - Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Vincommerce.
Từ năm 2018 - 2023	Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH TM&DV Long Hưng, Kiêm Tổng giám đốc – Công ty CP Tập Đoàn Miền Núi.
Từ 2023 đến nay	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần In Bạc Liêu.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Tổng Giám đốc	Từ 2023 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

STT	Tên tổ chức	Chức vụ
1	Công ty cổ phần In Bạc Liêu	Chủ tịch HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: Không có.
  + Cá nhân sở hữu: Không có.
  + Người có liên quan sở hữu: Không có.
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	0	0	0
Tiền lương, thưởng (đồng)	767.320.000	886.420.008	592.729.992
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	0	0	0
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

b. Ông Phù Chí Anh – Phó Tổng Giám Đốc

- Họ và tên: Phù Chí Anh
- Năm sinh: 23/08/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
10/1998 - 02/1999	Kế toán Phòng Kinh tế Kỹ thuật thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
02/1999 - 12/2001	Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
01/2002 - 01/2007	Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau
02/2007 - 11/2007	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán CMV
12/2007 - 12/2012	Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau
07/09/2016 - 10/2022	Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau
06/2020 – 05/2023	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau
02/01/2013 - nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Tổng Giám đốc	Từ 2013 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: Không có.
  + Cá nhân sở hữu: 100.000 cổ phiếu, chiếm 0,55%/vốn điều lệ.
  + Người có liên quan sở hữu: 8.853 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ *(người có liên quan của người nội bộ)*.
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Là cổ đông	Là người nội bộ
1	Quách Duy Tâm	Vợ	8.853	0,05%	x	
Tổng cộng			**8.853**	**0,05%**		

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám

đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	0	0	0
Tiền lương, thưởng (đồng)	478.751.617	503.330.540	342.896.139
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	38.000.000	0	0
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

e. Bà Trần Thị Trúc Linh – Phó Tổng Giám Đốc

- Họ và tên: Trần Thị Trúc Linh
- Năm sinh: 22/03/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
Từ Tháng 05/2000 đến T9/2003	Kế toán Phòng Kinh tế kỹ thuật Công ty Thương Nghiệp Cà Mau
Từ tháng 10/2003 đến T07/2004	Cửa hàng Phó Cửa hàng May Mặc sẵn (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau)
Từ tháng 08/ 2004 đến T05/2005	Cửa hàng Phó Cửa hàng Bách Hóa Tự Chọn Bến Tàu A (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau)
Từ tháng 06/2005 đến T11/ 2007	Cửa hàng Phó Cửa hàng Bách Hóa Tự Chọn Phường 2 (Công ty Thương nghiệp Cà Mau)

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
Từ tháng 12/2007 đến T10/ 2009	Kế toán phòng Tài chính &IT Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Từ tháng 11/2009 đến T02/2010	Nghỉ thai sản
Từ Tháng 3/2010 đến T10/ 2012	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt Phó Chủ tịch Công đoàn NK 2010 – 2012
Từ tháng 11/2012 đến T03/2015	Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau Phó Chủ tịch Công đoàn NK 2012 – 2017
Từ Tháng 4/2015 đến T08/2019	Giám Đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt UVBCH Đảng ủy NK 2015 – 2020 Phó Chủ tịch công đoàn NK 2017 – 2022
Từ Tháng 09/2019 đến T12/2021	Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau kiêm Giám Đốc Cty TNHH MTV Bách Việt Phó Bí thư Đảng ủy NK 2020-2025 Phó Chủ tịch công đoàn NK 2017 – 2022
Từ Tháng 01/2022 đến Tháng 03/2023	Phó TGĐ Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau kiêm Trưởng PKD Phó Bí thư Đảng ủy NK 2020-2025 Phó Chủ tịch công đoàn NK 2017 – 2022
Từ Tháng 04/2023 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau kiêm Trưởng Phòng kinh doanh

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng kinh doanh	Từ 04/2023 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):

+ Đại diện sở hữu: Không có.
+ Cá nhân sở hữu: 30.456 cổ phiếu, chiếm 0,17% vốn điều lệ.
+ Người có liên quan sở hữu: Không có.

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.
+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	0	0	0
Tiền lương, thưởng (đồng)	493.261.162	518.082.794	343.404.662
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	11.573.280	0	0
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

d. Bà Nguyễn Hoàng Hà My – Phó Tổng Giám Đốc

(Như đã trình bày tại mục 3.1.d)

3.4. Thông tin Kế toán trưởng: Bà Nguyễn Thúy Ái

- Họ và tên: Nguyễn Thúy Ái
- Năm sinh: 27/05/1988
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
08/2011 - 06/2022	Kế toán Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.
07/2022 - 10/2022	Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.
01/11/2022 - nay	Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Kế toán trưởng	Từ 01/11/2022 đến nay

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ (đến thời điểm ngày 28/7/2026):
  + Đại diện sở hữu: Không có.
  + Cá nhân sở hữu: Không có.
  + Người có liên quan sở hữu: 22.019 cổ phiếu, chiếm 0,12% vốn điều lệ.
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

Stt	Tên cổ đông	Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Là cổ đông	Là người nội bộ
1	Nguyễn Phương Đông	Chồng	22.019	0,12%	x	
Tổng cộng			**22.019**	**0,12%**		

- Các lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Thù lao (đồng)	0	0	0
Tiền lương, thưởng (đồng)	225.188.187	258.789.115	187.662.878

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được từ Công ty	Năm 2024	Năm 2025	9T/2026
Cổ phiếu nhận được nhận chương trình lựa chọn cho người lao động	0	0	0
Cổ tức	0	0	0
Lợi ích khác	0	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu:

Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu:

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu (Bằng chữ: mười ngàn đồng một cổ phiếu).

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu dự kiến là 3.631.173 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 20% tổng số cổ phiếu đang lưu hành).

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu dự kiến là 36.311.730.000 đồng.

5. Giá chào bán dự kiến:

Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ phiếu lẻ và cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua hoặc hết thời hạn thanh toán trong đợt chào bán sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối cho các nhà đầu tư theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phiếu đó với giá thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá:

- Căn cứ vào Điều 126 Luật Doanh Nghiệp: "*Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:*

  1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

  2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;"

- HĐQT đã trình Tờ trình số 19/2026/TTr-HĐQT ngày 03/08/2026 về việc Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty và đã được ĐHĐCĐ thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản năm 2026 tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/09/2026, trong đó ĐHĐCĐ đã thông qua giá cổ phiếu chào bán dự kiến là 10.000 VND/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối:

- Đây là đợt chào bán cổ phiếu không có bảo lãnh phát hành.

- Tỷ lệ thực hiện quyền: 5:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu thì được hưởng 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì được mua 01 cổ phiếu mới).
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) lập.
- Phương thức chào bán: Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu
- Phương án làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ: số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ không được tính. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được cộng dồn cùng số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và được xử lý theo Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết sau đợt chào bán.

  *Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 271 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện 5:1, cổ đông A được quyền mua 271*1/5 = 54,2 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống, cổ đông A được mua 54 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,2 sẽ được xử lý theo Phương án xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết.*

- Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết:

+ Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết gồm: (i) số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và (ii) số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn.
+ HĐQT quyết định phân phối số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết nêu trên cho cổ đông hiện hữu và/hoặc đối tượng khác với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
+ Trong trường hợp phân phối tiếp, Hội đồng quản trị xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết. Việc phân phối phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Điều 195 Luật Doanh nghiệp.

- Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể quyết định không phân phối hoặc phân phối một phần số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu và/hoặc đối tượng khác để kết thúc đợt chào bán, điều chỉnh số lượng cổ phiếu chào bán, số tiền thu được từ đợt chào bán theo thực tế và kết thúc đợt chào bán.

- Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu phát hành thêm:

▪ Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.
▪ Đối với số cổ phiếu phát sinh lẻ do làm tròn sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng;

- Đối với số cổ phiếu phát sinh do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, không nộp tiền mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu:

❖ Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định.

❖ Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cụ thể phụ thuộc theo thời gian phân phối cổ phiếu, đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật. Công ty sẽ thông báo thời hạn đăng ký mua cụ thể trong Thông báo phát hành cổ phiếu và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu tối thiểu cho Nhà đầu tư là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

❖ Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu (nếu có): Không quy định.

❖ Số lượng cổ phiếu chào bán: 3.631.173 cổ phiếu.

❖ Phương thức thanh toán:

a) Đối với cổ đông đã lưu ký:

Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký.

Sau thời hạn quy định, các quyền mua cổ phiếu chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.

b) Đối với cổ đông chưa lưu ký:

Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở Công ty.

c) Hình thức chuyển tiền:

Tiền mua cổ phiếu được chuyển vào Tài khoản phong toả của Công ty.

❖ Chuyển nhượng quyền mua:

- Cổ đông hiện hữu có tên theo Danh sách chốt tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ ba.
- Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua.

❖ Chuyển giao cổ phiếu:

- Sau khi VSDC gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các TVLK, TVLK hạch toán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa phát hành.

- Khi cổ phiếu được thông báo chính thức phát hành bổ sung, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của cổ đông.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại trụ sở Công ty.
- Sau khi Công ty tiến hành các thủ tục phân phối cổ phiếu, các cổ phiếu mới phát hành có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ phiếu cũ.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu:

- Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến được thực hiện sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực nhưng không được vượt quá 90 (chín mươi) ngày. Trong trường hợp vì một số lý do khách quan dẫn đến việc phát hành kéo dài hơn thời hạn 90 (chín mươi) ngày, Công ty sẽ xin gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng nhưng tối đa gia hạn thêm không quá 30 (ba mươi) ngày.
- Thời gian tiến hành dự kiến: Dự kiến trong năm 2026, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Bảng 48. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Stt	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện dự kiến
1	Ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực.	T
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới VSDC và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để triển khai.	T đến T+2
3	Công bố thông tin về việc chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng.	T đến T+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	T+12
5	Ngày đăng ký cuối cùng.	T+13
6	Thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các cổ đông.	T+15 đến T+18
7	Cổ đông đăng ký, chuyển nhượng quyền mua; nộp tiền mua cổ phiếu.	T+19 đến T+40
8	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu.	T+47
9	HĐQT phân phối tiếp số cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua cổ phần, thực hiện xử lý cổ	T+48 đến T+58

Stt	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện dự kiến
	phiếu lẻ cho nhà đầu tư.	
10	Báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành.	T+59
11	Chuyển giao cổ phiếu hoặc trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua; thực hiện và hoàn tất thủ tục lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu.	T+59 đến T+88

Thời gian phân phối cổ phiếu cụ thể sẽ được nêu chi tiết tại Bản thông báo chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối cổ phiếu trong thời gian này, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau sẽ xin UBCKNN xem xét gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Chuyển giao cổ phiếu: Sau khi Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán; cổ phiếu phát hành thêm sẽ được VSDC phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phát hành thêm tại trụ sở của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau hoặc bổ sung thông tin vào sổ cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã được Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau cấp.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ đông hiện hữu có tên theo danh sách chốt tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu sẽ không được chuyển nhượng cho bên khác.
- Các bên tự thoả thuận giá trị chuyển nhượng, thanh toán và chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ theo quy định có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua.
- Số lượng cổ phiếu mua thêm từ việc thực hiện quyền mua sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Đối với số cổ phiếu phát sinh lẻ do làm tròn sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng
- Số lượng cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua chào bán cho các Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được chuyển vào tài khoản phong toả do Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau mở tại ngân hàng theo thông tin chi tiết như sau:

- Số tài khoản: 1062581046
- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.
- Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có.

13. Huỷ bỏ đợt chào bán

Không áp dụng.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài:

Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Căn cứ văn bản số 8752/UBCK-PTTT ngày 21/12/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CMV, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty được xác định là 0%.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định của pháp luật là 0%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tại thời điểm 28/10/2026 theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của VSDC: 0,026%.

(Link:https://vsdc.vn:9994/VSD_PORTAL//ckeditor/601/59RBy_FOL_2810.pdf)

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2026/NQ-HĐQT ngày 14/09/2026: HĐQT thông qua việc cam kết đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau. Cụ thể như sau:

- Đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu này của Công ty, nếu tất cả các cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua theo tỷ lệ cổ phiếu sở hữu thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty. Cổ đông hiện hữu là nhà đầu tư nước ngoài được quyền mua thêm cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này theo tỷ lệ thực hiện quyền mua theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điểm b Khoản 56 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.

- Đối với số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết: Hội đồng Quản trị cam kết chỉ phân phối Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết này cho nhà đầu tư trong nước.
- Cổ đông hiện hữu là nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài không được chuyển nhượng quyền mua cho các nhà đầu tư nước ngoài khác, chỉ được chuyển nhượng quyền mua cho các nhà đầu tư trong nước.

15. Các loại thuế có liên quan:

Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán và quyền mua cổ phiếu chào bán: thực hiện theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 ngày 10/12/2025 và các văn bản hướng dẫn khác (áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân).

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau có nghĩa vụ nộp thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế Giá trị gia tăng: Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo quy định Luật thuế hiện hành.

Đối với các loại thuế khác: Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tuân thủ theo luật thuế và các chính sách về thuế theo quy định hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp.

16. Thông tin về các cam kết:

- Cổ phiếu CMV đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau cam kết tuân thủ quy định pháp luật về việc đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau cam kết "không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích" theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau không thực hiện chào bán các loại chứng khoán khác cùng đợt với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Bản cáo bạch này.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản năm 2026 số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/09/2026 đã thông qua mục đích chào bán là tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn nhằm cơ cấu các khoản nợ của Công ty.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐQT ngày 14/9/2026, theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán, dự kiến 36.311.730.000 đồng được phân bổ sử dụng cho mục đích sau:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	36.311.730.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán, dự kiến trong năm 2026 hoặc năm 2027
Tổng cộng		**36.311.730.000**	

Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành:
Trường hợp không huy động đủ số tiền nêu trên, HĐQT toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn (vốn vay và vốn tự có) hoặc đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định pháp luật, để không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty xin báo cáo chi tiết về nhu cầu vốn của Công ty như sau:

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau hoạt động trong lĩnh vực thương nghiệp, phân phối và bán lẻ, với hai nhóm ngành hàng chủ lực gồm kinh doanh xăng dầu (bán buôn, bán lẻ nhiên liệu) và kinh doanh hàng bách hóa, hàng tiêu dùng thông qua hệ thống siêu thị, cửa hàng và các kênh phân phối.

Hiện tại Công ty thực hiện vay tín dụng để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của CMV (bao gồm nhưng không giới hạn bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh, mở và thanh toán L/C,...). Số dư nợ vay ngân hàng trung bình đều trên 130 tỷ đồng, cụ thể tính đến thời điểm 31/12/2024 tổng dư nợ vay ngân hàng của Công ty là gần 179 tỷ đồng; thời điểm 31/12/2025 là 149 tỷ đồng và tại thời điểm 30/6/2026 tổng dư nợ vay ngân hàng của Công ty là gần 136 tỷ đồng. Bên cạnh đó, dư nợ của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (**"Ngân hàng Vietinbank"**) tại ngày 05/10/2026 là hơn 54,29 tỷ đồng. Do đó, việc Công ty dự kiến sẽ sử dụng số tiền 36.311.730.000 đồng để thanh toán nợ vay ngân hàng nhằm mục đích tái cơ cấu nguồn vốn của Công ty là hoàn toàn phù hợp. Để làm rõ nhu cầu thanh toán nợ vay ngân hàng nêu trên, Công ty xin trình bày chi tiết khoản dư nợ của Công ty tại Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm 05/10/2026 như sau:

TT	Ngân hàng cho vay	Số tài khoản/ Hợp đồng vay	Mối quan hệ chủ nợ với TCPH và người có liên quan của TCPH	Hạn mức tín dụng/ cho vay (tỷ đồng)	Thời hạn vay		Dư nợ tại thời điểm 05/10/2026 (đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay nợ
					Từ ngày	Đến ngày				
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (*)	805008153955	Không có	150	15/09/2026	16/11/2026	2.768.803.372	8,60%	2 tháng	Cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty
2		800008150174			14/09/2026	16/11/2026	4.206.301.419	8,60%	2 tháng	
3		803008158446			16/09/2026	16/11/2026	2.148.840.000	8,60%	2 tháng	
4		804008161795			17/09/2026	17/11/2026	1.400.230.400	8,60%	2 tháng	
5		803008166028			18/09/2026	18/11/2026	2.995.463.156	8,60%	2 tháng	
6		806008168705			21/09/2026	23/11/2026	8.865.742.883	8,60%	2 tháng	
7		800008175283			23/09/2026	23/11/2026	4.114.894.418	8,60%	2 tháng	
8		805008172796			22/09/2026	23/11/2026	5.688.494.008	8,60%	2 tháng	
9		805008178790			24/09/2026	24/11/2026	1.809.626.000	8,60%	2 tháng	
10		807008182312			25/09/2026	25/11/2026	1.732.418.018	8,60%	2 tháng	
11		808008186140			28/09/2026	30/11/2026	5.517.369.467	8,60%	2 tháng	
12		805008190345			29/09/2026	30/11/2026	3.531.071.381	8,60%	2 tháng	
13		806008195963			01/10/2026	01/12/2026	4.481.206.303	8,60%	2 tháng	
14		803008202653			05/10/2026	07/12/2026	5.032.827.452	8,60%	2 tháng	
	Tổng cộng			**150**			**54.293.288.277**			

*(*) Khoản vay Ngân hàng Vietinbank hợp đồng cho vay hạn mức số 86005000.0010/2026-HĐCVHM/NHCT860-2000110221 ngày 26 tháng 6 năm 2026 (**"Hợp Đồng Tín Dụng số 860"**) với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tính đến thời điểm ngày 05/10/2026, dư nợ của Công ty tại Ngân hàng Vietinbank là hơn 54,29 tỷ đồng.*

Kế hoạch giải ngân vốn phụ thuộc vào kinh doanh của Công ty và việc dự kiến thu được tiền từ đợt chào bán là trong tương lai, thêm vào đó các khoản khế ước nhận nợ đều có kỳ hạn ngắn, do đó việc số dư nợ tại từng thời điểm là khác nhau và không thể hiện được hết số dư nợ tại thời điểm kết thúc đợt chào bán. Tính chất của các khoản giải ngân thuộc các hợp đồng tín dụng này sẽ được thực hiện theo cơ chế vay và hoàn trả đảm bảo dư nợ nằm trong phạm vi hạn mức được vay và đúng với mục đích vay vốn. Công ty đảm bảo sẽ thực hiện sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho các hợp đồng tín dụng theo quy định của hợp đồng đã ký, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, căn cứ trên số dư nợ với ngân hàng, Công ty sẽ thực hiện hoàn trả dư nợ tại thời điểm đó và trong trường hợp số dư nợ nhỏ hơn số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán, HĐQT sẽ điều chỉnh phương án sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Như vậy, việc Công ty sẽ sử dụng 36.311.730.000 đồng dự kiến thu được từ đợt chào bán để thực hiện cho mục đích nêu trên là phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và mục tiêu của Công ty.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngô Thì Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024 7108 9234 Fax: Không có.

Website: https://www.dnse.com.vn/

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Với tư cách là Tổ chức Tư vấn, CTCP Chứng khoán DNSE đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu dùng để thanh toán nợ vay ngân hàng là phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như tình hình thị trường lãi suất điều chỉnh. Khối lượng chào bán ra công chúng đợt này là 3.631.173 cổ phiếu, giá chào bán cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2026 (*theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập*) là 15.567 đồng/cổ phiếu.

Ngoài ra, việc phân phối chính thức của CMV là một thời điểm trong tương lai, khi đó với trường hợp thị trường chứng khoán hồi phục tích cực thì đây là cơ hội lớn đối với các doanh nghiệp được phát hành nói chung và CMV nói riêng. Do đó với những thông tin trên, chúng tôi – CTCP Chứng khoán DNSE cho rằng đây là cơ hội cho nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu CMV và khả năng Công ty chào bán không thành công là thấp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức Tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

2. Tổ chức Kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT

Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3859 4168 Fax: 028 3859 2289

Website: www.vietvalues.com

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Cà Mau, ngày 30 tháng 10 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HOÀNG BẢO LONG	NGUYỄN HỮU LONG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THÚY ÁI

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HOÀNG VIỆT

XIII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000110221 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 01/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 07/08/2025.
2. **Phụ lục II: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị:**

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản năm 2026 số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/09/2026;
- Tờ trình số 19/2026/TTr-HĐQT ngày 03/08/2026 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau;
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2026/NQ-HĐQT ngày 14/09/2026 thông qua việc triển khai chi tiết phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty;
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2026/NQ-HĐQT ngày 15/09/2026 thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty.

3. **Phụ lục III: Điều lệ Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau.**
4. **Phụ lục IV: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 và năm 2025 được kiểm toán; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý III năm 2026 do Công ty tự lập.**

DNSE

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE
024.710 89234
Tòa nhà Pax Sky, số 63 - 65 Ngô Thì Nhậm, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN DNSE
DNSE SECURITIES
JOINT STOCK COMPANY

Số/No.: 10 /2025/VBUQ-DNSE-TGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025
Hanoi, July 31st, 2025

VĂN BẢN UỶ QUYỀN
POWER OF ATTORNEY

I. Bên Ủy Quyền/ *The Principal*

- Họ và tên / *Full name*: Nguyễn Ngọc Linh / *Nguyen Ngoc Linh*
- CC số / *ID Card*: Cấp ngày/ *Issued date*: Nơi cấp/ *Place of issue*:
- Chức vụ / *Position*: Tổng Giám đốc / *Chief Executive Officer*

II. Bên Được Ủy Quyền/ *The Attorney*

- Họ và tên / *Full name*: Nguyễn Hoàng Việt / *Nguyen Hoang Viet*
- CCCD số / *ID Card*: Cấp ngày/ *Issued date*: Nơi cấp/ *Place of issue*: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội/ *Police Department of Administrative management of Social order*
- Chức vụ / *Position*: Phó Tổng giám đốc / *Deputy Chief Executive Officer*

III. Nội dung ủy quyền/ *Scope of authorization*

Căn cứ vào quyền hạn của Bên Ủy Quyền được Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE ("**DNSE**") quy định tại Điều lệ công ty và quy định nội bộ có liên quan, bằng Văn Bản Ủy Quyền này, Bên Ủy Quyền chỉ định Bên Được Ủy Quyền làm người đại diện theo ủy quyền và nhân danh Người ủy quyền thực hiện một số công việc như sau:

*According to the powers of the Attorney as stipulated in the Charter of DNSE Securities Joint Stock Company ("**DNSE**") and relevant internal regulations, by this Power of Attorney, the Principal appoints the Attorney to be the authorized representative and on behalf of the Principal to perform the following tasks:*

1. Đối với hoạt động Phòng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (Sau đây gọi là "Phòng IB")

For the work of the Investment Banking Department (herein after referred to as the "IB Department")

(i) Chỉ đạo hoạt động, công tác kinh doanh và phát triển khách hàng, xây dựng và triển khai, giám sát kế hoạch hoạt động hàng năm, định kỳ của hoạt động Phòng IB của DNSE;

Directing operations, business and customer development, building, implementing, and supervising annual and periodical operation plans of IB Department of DNSE;

(ii) Ký bản chào dịch vụ, thỏa thuận bảo mật thông tin, đề nghị thanh toán gửi khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng đầu tư tại DNSE;

Signing service offers, Non-Disclosure agreements, payment requests to customer using investment banking services ("IB services") at DNSE;

(iii) Thay mặt Người ủy quyền đàm phán và ký kết các hợp đồng cung cấp dịch vụ của Phòng IB trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn ở các dịch vụ: Tư vấn phát hành, tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn thoái vốn nhà nước, ... theo các dịch vụ IB của DNSE cung cấp từng thời kỳ. Trong đó, mức phí dịch vụ và mức chiết khấu dịch vụ tuân thủ biểu phí và các quy định về mức chiết khấu DNSE ban hành từng thời kỳ;

On behalf of the Principal to negotiate and sign IB services contracts on the basis of approval of the competent authority, including but not limited to the following services: Issuance consulting, listing consulting, equitization consulting, state capital divestment, etc., according to the IB services provided by DNSE from time to time. In which, the service fee and service discount rate comply with the fee schedule and the regulations on discount rate issued by DNSE from time to time;

(iv) Ký kết các văn bản, tài liệu phát sinh liên quan đến các hợp đồng cung cấp dịch vụ IB theo quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn ở Hợp đồng tư vấn hồ sơ, Hợp đồng giao dịch bảo đảm, Hợp đồng đại lý nhận/quản lý tài sản đảm bảo, Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu, Hợp đồng Đại lý đăng ký lưu ký Trái phiếu, Bản cáo bạch và các tài liệu khác có liên quan ...;

Signing relevant documents which arising to IB services contracts in accordance with current law, including but not limited to Consulting contract, Contract of mortgage/mortgage of collateral, Contract of agent receiving/managing collateral, Contract of representing bond holders, Contract of bond depository Agent, Prospectus and related documents ...;

(v) Ký các công văn, thông báo, văn bản, gửi đối tác, khách hàng, cơ quan chức năng có thẩm quyền trong phạm vi nghiệp vụ của Phòng IB trên cơ sở chỉ đạo/phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt/ban hành; và

Signing letters, notices, documents, send to partners, customers, competent state authorities within the scope of works of IB Department on the basis of direction/plan approved by competent authorities; and

(vi) Thực hiện các công việc khác liên quan đến hoạt động của Phòng IB (nếu có) theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

Performing other tasks related to the operation of IB Department (if any) assigned by the CEO.

2. **Đối với hoạt động của Phòng Khách hàng Tổ chức (Sau đây gọi là "Phòng IS")**

For the work of the Instituitional Services Department (herein after referred to as the "IS Department")

(i) Ký kết các các văn bản, tài liệu với khách hàng là tổ chức nước ngoài, bao gồm nhưng không giới hạn bởi hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, biên bản...;

Signing documents and agreements with offshore clients, including but not limited to contracts, agreements, commitments, minutes, etc;

(ii) Quyết định/phê duyệt các chính sách, điều khoản, thủ tục và các nội dung công việc liên quan đến việc quản lý, phục vụ khách hàng là tổ chức nước ngoài;

Approving policies, terms, procedures, and content related to the management and service of offshore clients;

(iii) Đại diện DNSE tham gia các cuộc đàm phán, thương thảo với khách hàng tổ chức nước ngoài về các điều khoản hợp đồng, chính sách phục vụ và các vấn đề khác liên quan.

Representing DNSE in negotiations and discussions with offshore clients regarding contract terms, service policies, and other related matters;

(iv) Ký các công văn, thông báo, văn bản, gửi đối tác, khách hàng, cơ quan chức năng có thẩm quyền trong phạm vi nghiệp vụ của Phòng Khách hàng Tổ chức Nước ngoài;

Signing letters, notices, documents, send to partners, customers, competent state authorities within the scope of works of IS Department;

(v) Thực hiện các công việc khác liên quan đến hoạt động của Phòng Khách hàng Tổ chức Nước ngoài.

Performing other tasks related to the scope of work of the IS Department.

3. **Đối với hoạt động của mảng Quan hệ Cổ đông (IR)**

For the work of the Investor Relations (IR)

(i) Quyết định và ký kết các văn bản, tài liệu phục vụ liên quan đến hoạt động của mảng Quan hệ Cổ đông bao gồm nhưng không giới hạn bởi: hợp đồng in ấn, hợp đồng chuyển phát nhanh, hợp đồng thuê địa điểm, hợp đồng tổ chức sự kiện...;

Deciding and signing documents and service contracts related to the scope of work of the IR Department, including but not limited to: printing contracts, express delivery contracts, venue rental contracts, event organization contracts, etc;

(ii) Quyết định/phê duyệt chi phí in ấn tài liệu phục vụ và các chi phí khác phát sinh cho việc tổ chức họp đại hội đồng cổ đông của DNSE;

Approving and deciding on printing expenses for materials and other costs incurred for organizing DNSE's general shareholder meetings;

(iii) Quyết định/phê duyệt việc tổ chức các chương trình tri ân, tham quan công ty (company tour), talkshow tại DNSE dành cho cổ đông và nhà đầu tư;

Approving and deciding all issues related to the organizing appreciation programs, company tours, and talk shows at DNSE for shareholders and investors;

(vi) Thực hiện các công việc khác liên quan đến hoạt động của mảng Quan hệ Cổ đông.

Performing other tasks related to the scope of work of IR.

4. **Đối với hoạt động của Phòng Quản lý Tài sản**

For the work of the Wealth Management Department

(i) Quyết định, phê duyệt việc tư vấn và triển khai các hoạt động của Phòng Quản lý Tài sản theo chức năng và nhiệm vụ của Phòng trong từng thời kỳ;

Deciding and approving the consulting and implementation of activities of the Wealth Management Department according to the Department's functions and responsibilities from time to time;

(ii) Phê duyệt, triển khai và ký các hợp đồng, báo cáo, hồ sơ, công văn liên quan trong quá trình hợp tác, làm việc và tư vấn cho Khách hàng;

Approving, implementing, and signing contracts, reports, documents, and correspondence related to the cooperation, operations and consulting provided to Clients;

(iii) Thực hiện các công việc khác liên quan đến hoạt động của Phòng Quản lý Tài sản.

Performing other tasks related to the scope of work of the Wealth Management Department.

5. Người được ủy quyền được phép sử dụng con dấu của DNSE lên các tài liệu DNSE ký, giao kết, thực hiện theo phạm vi ủy quyền nêu từ mục 1 đến mục 4 trên đây.

The Attorney is permitted to apply DNSE's seal on documents signed, contracted, and executed by DNSE within the scope of authorization outlined from points 1 to 4 above.

IV. Người được ủy quyền có trách nhiệm/ *Responsibility of the authorized person*

1. Thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định tại Văn Bản Ủy Quyền này, quy định của DNSE và quy định của pháp luật hiện hành.

   Performing responsibilities in accordance with the provisions of this Power of Attorney, the internal regulations of DNSE and the current law.

2. Tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định, quy trình nội bộ của DNSE liên quan đến các nghiệp vụ được quy định tại Văn Bản Ủy Quyền này.

   Complying properly and fully with the internal regulations of DNSE related to the operations specified in this Power of Attorney.

3. Không được thực hiện bất kỳ giao dịch nào khác ngoài phạm vi được ủy quyền.

   Not performing any other transactions outside the authorized scope.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Người ủy quyền về các quyết định của mình theo đúng nội dung được ủy quyền.

   Taking legal responsibility and being responsible to the Attorney for their decisions according to the Scope of authorization.

5. Không được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc tại Văn Bản Ủy Quyền này, trừ khi nhận được sự phê duyệt của Người ủy quyền.

   Not re-authorizing another person to perform the tasks specified in this Power of Attorney, unless approved by the Principal.

6. Có trách nhiệm báo cáo cho Người ủy quyền các công việc đã thực hiện thay mặt cho Người ủy quyền trong phạm vi Ủy quyền này.

   Reporting to the Principal the work performed on behalf of the Principal according to the Scope of authorization.

V. Điều khoản thi hành/ Enforcement terms

1. Ủy quyền trong Văn Bản Ủy Quyền này có hiệu lực từ ngày lập (được ghi trên đây) và chấm dứt khi: (i) Bên Ủy Quyền ban hành văn bản chấm dứt/thay thế việc ủy quyền trong Văn Bản Ủy Quyền này hoặc (ii) Bên Ủy Quyền hoặc Bên Được Ủy Quyền không còn là người lao động tại DNSE. Để làm rõ, trường hợp Người được ủy quyền thay đổi chức danh tại DNSE, Ủy quyền này vẫn có hiệu lực thi hành.

   The Power of Attorney takes effect from the signing date on the first page and terminates when: (i) the Principal issues a document to terminate/replace the authorization in this Power of Attorney or (ii) the Principal or the Attorney is no longer an employee at DNSE. In case the authorized person no longer holds the position at DNSE mentioned in the introduction of self above, the authorization contained in this Power of Attorney remains valid.

2. Văn Bản Ủy Quyền này được lập thành 03 (ba) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Bên ủy quyền giữ 01 (một) bản gốc, Bên được ủy quyền giữ 01 (một) bản gốc, 01 bản gốc được lưu tại Công ty làm căn cứ để thực hiện.

This Power of Attorney is made in 03 (three) copies of equal legal value. The Principal shall keep 01 (one) original copy, the Attorney shall keep 01 (one) original copy, and 01 (one) original copy shall be kept at the Company as the basis for implementation.

3. Các cá nhân, đơn vị của DNSE căn cứ Văn Bản Ủy Quyền này để tổ chức thực hiện theo đúng nội dung tại Văn Bản Ủy Quyền này.

Individuals and divisions of DNSE are responsible for complying with this Power of Attorney.

4. Ngôn ngữ được sử dụng trong Văn Bản Ủy Quyền này là Tiếng Việt và Tiếng Anh. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn, khác biệt về cách hiểu các quy định thì Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Languages used in this Power of Attorney are Vietnamese and English. In case of conflict or difference in interpretation of the provisions, the Vietnamese version shall prevail.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN *THE ATTORNEY*	NGƯỜI ỦY QUYỀN *THE PRINCIPAL*
Nguyễn Hoàng Việt	Nguyễn Ngọc Linh

S.G.P: 62 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE
P. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI